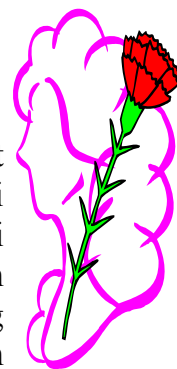


Lá Thư Tòa soạn



Cùng quý độc giả thân mến,

Là người Việt Nam hẳn không ai có thể quên được hai câu ca dao:

Tháng sáu buồn nhân bán trâm,
Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.

Hay:

Vu Lan tháng hội đã về
Lòng người khắc khoải nẻo nhớ thương
Hướng về nguồn cội huyên đường
Báo ân phụng dưỡng kính nhường thương yêu.

Hằng năm, Vu lan về như nhắc nhở chúng ta đừng quên cội nguồn đạo đức, bởi đạo đức là nền tảng căn bản để xây dựng tình thương. Vì tình thương là lẽ sống thiêng liêng cao đẹp của con người. Tiếng vọng của Vu Lan gọi nhắc chúng ta hãy mở rộng vòng tay yêu thương để hòa nhập vào sự sống của muôn loài. Mà trước mắt là tình yêu thương trong phạm vi gia đình huyết thống ông bà cha mẹ thân thuộc của chúng ta. Tri ân và báo ân đó là hai yếu tố quan thiết trải dài trong nếp sống luân lý đạo nghĩa uống nước nhớ nguồn. Bốn phận làm con, chúng ta phải hằng nhớ đến công ơn sanh thành giáo dưỡng của ông bà cha mẹ mà hầu lo báo đáp thâm ân trong muôn một cho phải đạo làm người.

Đối với người Phật tử Vu Lan về, ngoài việc báo ân cho ông bà cha mẹ ra, nó còn thức nhắc chúng ta phải hướng sâu về đời sống tâm linh, một đời sống lấy đạo đức nhân bản làm cội gốc để từ đó tiến đến xây dựng đời sống hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội.

Hiện trạng của xã hội ngày nay có quá nhiều biến động tang thương. Con người như mất đi định hướng đạo đức chỉ đạo. Nếp sống đạo đức nhân bản từ ngàn xưa như đã bị xem thường và từ đó gây nên tình trạng mâu thuẫn xung đột bất hòa, bạo hành giữa cha mẹ và con cái đã làm đảo lộn nếp sống gia đình. Có thể nói nền tảng mái ấm hạnh phúc gia đình đã bị lung lay đến tận gốc rễ. Tỷ lệ ly hôn trong cộng đồng người Việt ngày càng gia tăng khốc liệt. Những tệ nạn phạm pháp gây xáo trộn bất an

cho xã hội ngày càng nhiều, nhất là đối với giới trẻ ngày nay, phải nói chúng đã mất đi niềm tin ở nơi các bậc cha mẹ và mái ấm hạnh phúc gia đình. Thậm chí ở trong học đường cũng gây ra những tình trạng bạo động chém giết lẫn nhau. Đó là những thảm họa vô cùng tang thương bi đát mà chúng ta cần phải lưu tâm cải tiến.

Đặc biệt trong mùa an cư kiết đông năm nay, GHPGVNTN Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan, sau lễ tác pháp an cư có khai giảng khóa tu học mười ngày tại chùa Quang Minh – Melbourne. Mục đích của khóa tu học này là nhằm quy tụ chư Tăng, Ni trực thuộc Giáo Hội đồng cộng trụ tu học. Ngoài ra, còn có một số đông Phật tử tại gia tham dự. Nhằm tạo cơ hội cho những Phật tử tại gia gieo chủng duyên xuất gia ngắn hạn, nên Ban tổ chức khóa tu đã quyết định thể phát xuất gia cho hai mươi nam nữ Phật tử chánh thức thọ giới Sa di đấp y vàng và một số đông khác bán chánh thức thì đấp y nâu. Ngoài hai thành phần này ra, còn có một số Phật tử khác thì tùy thời gian thuận tiện về đạo tràng cùng đại chúng tu học. Tuy đây là lần đầu tiên Giáo Hội đứng ra tổ chức, nhưng kết quả rất là thành công tốt đẹp.

Sau khóa tu học này, một số chư Tăng Ni thuộc Tổ Đình Phước Huệ đều trở về trú xứ Tổ Đình để cùng nhau an cư thúc liễm thân tâm trau dồi giới đức như thường lệ hằng năm. Đặc biệt trong những ngày đầu của mùa an cư kiết đông năm nay, có Thượng tọa Thích An Chí từ Na Uy đến Tổ Đình Phước Huệ để phụ trách giảng dạy.

Nhân mùa Vu Lan – Báo Hiếu Phật lịch 2557, Dương lịch 2013, chúng tôi xin gửi đến chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý độc giả lời chân thành biết ân sâu xa và chúng tôi cũng xin thành tâm kính chúc chư Tôn liệt vị trọn hưởng một mùa Vu Lan tràn đầy hỷ lạc an bình trong khung trời chánh pháp của Như Lai.

Trân Kính

Ban Biên Tập



THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH VU LAN PHẬT LỊCH 2557

Kính gửi : Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại Đức tăng, ni,
Quý đồng hương, Phật tử,

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật

Kính thưa quý liệt vị,

Mỗi lần tiết thu về, nhắc nhở người con Phật cũng như hàng hiếu tử, dù ở trong hoàn cảnh nào, vẫn không quên mùa Vu Lan báo hiếu.

Tinh thần Vu Lan báo hiếu không những trong phạm vi của người Phật tử mà tinh thần ấy đã thành nếp sống đạo đức, văn hóa của nhơn loại.

Pháp hạnh Vu Lan chỉ dạy chúng ta phương tiện báo đáp phần nào ơn đức sanh thành đối với mẹ cha. Tấm gương hiếu hạnh của Tôn giả Mục Kiền Liên là bài học thực tiễn về hiếu đạo trong mọi thời đại.

Trong khế kinh, Đức Thế Tôn đã dạy : Sự hiếu thuận là pháp chi đạo, sự hiếu thuận ấy cũng gọi là giới, có năng lực ngăn ngừa, dứt trừ tội lỗi. Vì vậy, nên biết, hiếu thuận không những đối với cha mẹ, Hòa Thượng Đại Sư, chư Tăng, Tam bảo mà còn đối với tất cả loài hữu tình.

Chúng ta hãy ý thức, quán xét nỗi khổ đau của chính mình và tha nhơn, tránh sự manh động, cố ý gây tổn hại cho người và vật, dù loài vật thật nhỏ. Nếu được như vậy, tinh thần Vu Lan báo hiếu, cứu đảo huyền, sự giải tỏa oán kết mới mong được thành tựu.

Kính mong toàn thể liệt quý vị hướng về mùa Vu Lan báo hiếu chí thượng.

Trong giờ phút trang nghiêm cung tiến thắng hội Vu Lan, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm Đức Tông Trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái Thượng Nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng Lão Hòa Thượng Đại Sư.

Kính nguyện Tam bảo thù từ gia hộ chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni, quý đồng hương Phật tử thân tâm thường an lạc, mùa Vu Lan báo hiếu thù thắng.

Trân trọng,

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Tông Trưởng

Hòa thượng Thích Phước Bổn

Một vài nhận xét về bản Kinh Vu Lan



Theo truyền thống lễ hội Phật giáo thì, Vu Lan là một trong những lễ hội lớn mà hầu như người Việt Nam nào cũng đều biết đến. Truyền thống này bắt nguồn từ thời đức Phật còn tại thế. Khởi nguyên là do Tôn giả Mục Kiền Liên cứu thoát mẹ Ngài khỏi cảnh ngục hình. Theo văn học Phật giáo, Ngài là một người con chí hiếu. Điều này đã được ghi lại rất rõ trong bản văn Kinh Vu Lan Bồn. Từ đó, ngày đại lễ Vu Lan hay còn gọi là Mùa báo hiếu đã nghiêm nhiên trở thành một lễ hội lớn trong dòng sống dân tộc Việt và Phật giáo.

Kinh Vu Lan, hầu hết Phật tử thuộc Phật giáo Bắc Tông đều trì tụng trong Mùa báo hiếu. Phải thành thật mà nói, đa số Phật tử chúng ta tuy có tụng đọc, nhưng hiểu về nghĩa lý thâm sâu của kinh, thì chắc chúng ta cũng chưa hiểu được rõ lắm. Trong tinh thần trao đổi học hỏi tìm hiểu, chúng tôi xin được nêu ra một vài nhận xét về bản kinh này theo sự hiểu biết thô thiển nông cạn của chúng tôi. Dĩ nhiên, đây chỉ là một vài nhận xét mang tính thông thường mà thôi.

Trước hết, chúng ta thử tìm hiểu ý nghĩa của hai chữ Vu Lan là gì? Vu Lan nói đủ là Vu Lan Bồn. Cụm từ này do người Trung Hoa phiên âm từ tiếng Phạn Ullambana, mà người Việt mình quen đọc là Ô lam bà noa. Cụm từ Ô lam bà noa có nghĩa là hiếu thuận, cúng dường, báo ân, cứu đảo huyền, giải thoát sự thống khổ. Danh từ Ullambana có gốc động từ Ud-vlamb, nghĩa là “treo ngược lên”. Do đó, người Trung Hoa đã dịch là đảo huyền và thêm vào cho đủ nghĩa là cứu đảo huyền chi khổ, Việt dịch là cứu cái khổ bị treo ngược. Còn Bồn là Hán ngữ có nghĩa là cái chậu, đồ dùng để chứa đựng.

1. Đạo nghĩa

Đối với người Á Đông rất coi trọng đạo nghĩa. Nói cách khác rất tôn trọng đạo hiếu. Sách

Tịnh Đức

Nho có câu: “*Thiên hữu tứ thời xuân tại thủ, nhơn sanh bách hạnh hiếu vi tiên*”. Nghĩa là trời đất có bốn mùa mà mùa xuân là đứng đầu, con người có trăm hạnh, hạnh hiếu là trên hết. Chỗ khác lại nói: “*Thiên kinh vạn quyển hiếu nghĩa vi tiên*”. Nghĩa là ngàn quyển kinh vạn quyển sách đều lấy hiếu nghĩa làm trước. Trong kho tàng văn học Việt Nam có rất nhiều câu ca dao và tục ngữ luôn đề cập đến vấn đề cội nguồn và hiếu hạnh. Tiêu biểu như câu: “*Uống nước nhớ nguồn*”. Hoặc: “*Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng*”. Hay: “*Ăn cây nào rào cây nấy*”. Bài ca dao mà hầu hết người Việt Nam chúng ta ai cũng đều thuộc nằm lòng:

*Công cha như núi Thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Còn và còn rất nhiều những câu ca dao tục ngữ ... đề cao ca ngợi về đức hiếu hạnh của con người.

Trong kệ kinh Phật có dạy: “*Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật*”. Ta cũng thường nghe người ta nói: “*Phụ mẫu tại đường như Phật tại thế*”. Hay là: “*Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ hơn là đi tu*”.

Ngàn ấy cũng đủ chứng minh rằng kinh sách nào cũng đều nêu cao chữ Hiếu cả.

Mở đầu Kinh Vu lan Phật cho chúng ta thấy rất rõ điều đó.

Chúng tôi xin dẫn chứng một vài câu sau đây để chứng minh:

“*Công dưỡng dục thâm ân dốc trả*

*Nghĩa sanh thành đạo cả mong đền
Làm con hiếu hạnh vi tiên
Bèn dùng huệ nhãn dưới trên kiểm tâm”.*

Trên thế gian này không có công lao nào lớn lao hơn là công lao sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Chính vì ý thức được điều đó, mà bổn phận làm con phải lo báo đáp. Tri ân và báo ân là hai đức tánh căn bản đạo đức của đạo làm người. Thiếu hay mất đi hai đức tánh này, thì đạo đức của con người sẽ không còn gì cả. Và nếu thế, thì sẽ gây ra lắm điều tệ hại làm đảo lộn nếp sống của xã hội loài người. Bởi thế, mà mở đầu kinh Vu Lan đức Phật đã ân cần nhấn mạnh đề cao công lao sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Ngài cho đó là một nền tảng căn bản đạo đức cao cả mà người con cần phải lo phụng dưỡng đáp đền. “*Nghĩa sanh thành đạo cả mong đền*”. Tôn giả Đại hiếu mục kiền liên, xưa nay đã được như loại ca tụng đề cao là một người con chí hiếu. Ngài đã bày tỏ lòng hiếu thảo cao tột của mình đối với người mẹ đang thọ khổ. Ngài dùng tuệ nhãn tìm kiếm mẹ Ngài. Tuệ nhãn là con mắt được soi sáng bằng chất liệu tình thương. Đây là đôi mắt “*Từ nhãn thị chúng sanh*” của Bồ tát Quán Thế Âm. Người có đạo đức tình người, có trái tim yêu thương đồng loại, tất nhiên là thường dùng đôi mắt tuệ giác này để quán chiếu. Nhưng quán chiếu trước tiên là đối với các đấng sanh thành giáo dưỡng của mình. Phải có đôi mắt hiền từ đó để phụng dưỡng báo ân cho ông bà cha mẹ và rộng ra là cho khắp cả chúng sinh.

2. Nghiệp lực

Nghiệp lực là sức mạnh của một thói quen khi đã thuần thục. Bà Mục liên thanh đề vì bị sức mạnh của một thói quen tạo ác nên bà phải bị sa đọa làm thân nạ qui đói khát. Sự đau khổ đó không do ai gây nên mà chính do cái thói quen tạo ác của bà tạo nên. Đã có gây nhân tất nhiên phải có trả quả. Gây nhân ác thì làm sao tránh khỏi quả ác? Ác lai ác báo là thế!

*“Thấy vong mẫu sanh làm nạ qui
Không uống ăn tiêu tụy hình hài
Mục Liên thấy vậy bi ai
Biết mẹ đói khát ai hoài tình thâm”*

Luật nhân quả rất công bằng không thiên vị một ai. Làm lành, làm ác cuối cùng cũng phải trả. Nêu ra hình ảnh của bà Thanh đề, đức Phật nhằm thức nhắc cho tất cả chúng ta hãy cẩn thận trong lúc gây nhân. Trước khi làm điều gì, chúng ta cần phải suy nghĩ chín chắn đến cái hậu quả của nó. Đó là một câu nói có giá trị cả ngàn lượng vàng. Thuở xưa, đã có người bỏ ra ngàn lượng vàng để mua câu nói này. Điều này sách sử đã ghi lại rất rõ. Tránh nhân thì không có quả. Câu nói: “*Bồ tát sợ nhân chúng sanh sợ quả*” chính là ý này. Người có tuệ giác khi hành xử, nói năng, suy nghĩ hoặc hành động, họ đều cân nhắc cân trọng kỹ lưỡng. Bởi họ rất sợ nhân quả. Ngược lại, đối với người mê thì họ không cần nghĩ đến cái hậu quả mà mình đã gây ra. Một khi quả báo đến thì họ mới thấy hối hận. Khi biết hối hận thì đã quá muộn màng rồi! Chi bằng, học theo hạnh Bồ tát phạm làm việc gì phải nghĩ đến cái hậu quả của nó. Như thế thì làm sao có quả báo đau khổ như bà Thanh Đề cho được? Như vậy mới thấy nghiệp lực là một điều tối ưu quan trọng mà chúng ta cần phải lưu ý. Làm lành, lánh dữ là điều căn bản quan trọng mà chư Thánh Hiền xưa nay thường khuyên bảo thức nhắc chúng ta. Các Ngài thường khuyên nhắc chúng ta nên ý thức gây nhân tốt trong cuộc sống hằng ngày. Có thế, thì đời ta mới có được an vui hạnh phúc vậy.

3. Thần thông

Điều mà không ai lại không biết vị đệ tử thần thông đệ nhất của đức Phật là Ngài Mục kiền liên. Chính đức Phật còn ca ngợi tán thán thần thông quảng đại biến hóa phi thường của Ngài. Một con người tu hành đắc quả A la hán và có thần thông siêu việt như thế, vậy mà vẫn không cứu thoát được mẹ mình thọ khổ. Lẽ ra với sức thần thông quảng đại của Ngài, việc cứu mẹ Ngài ra khỏi chốn ngục hình đau khổ đâu có khó khăn gì. Thế nhưng, tại sao Ngài không cứu mẹ Ngài được? Câu trả lời dứt khoát là “*thần thông không thể thắng được nghiệp lực*”. Dù có thần thông biến hóa phi thường đến đâu, cỡ như Tề thiên đại thánh hóa phép thăng thiên, độn thổ tàng hình cũng không có chỗ đứng trong vòng nghiệp lực. Như vậy, cho ta thấy nghiệp lực quả là một sức

mạnh phi thường mà thần thông không thể nào chạm đến được. Giả như, Ngài Mục kiên liên có thể dùng thần thông cứu thoát mẹ Ngài thoát khỏi tội khổ nơi chốn ngục hình, như thế, thì luật nhân quả Phật dạy đâu có còn hiệu nghiệm gì nữa. Vì mình tạo tội thì sẽ có người cứu thoát cho mình. Thế thì có phải trái với luật nhân quả không? Nếu thế, thì cả thế gian này sẽ trở thành đại loạn, vì không còn ai tin tưởng vào luật nhân quả nữa.

Do đó, sự tu hành chúng ta đừng mong cầu cho mình có được thần thông biến hóa để lòn thiên hạ. Bởi thần thông không thể nào cứu thoát cho mình hết khổ được. Chỉ có vận dụng công phu nỗ lực tu hành, khi nào dứt sạch hết vô minh nghiệp hoặc thì mới mong được giải thoát đó thôi. Đó là tấm gương cảnh báo cho những ai còn coi trọng thần thông và ước mong cho mình có được phép lạ. Phép lạ siêu việt đến đâu cũng không thể nào thoát khỏi định nghiệp. Người khéo biết tu hành là chỉ lo đoạn trừ phiền não chớ không ai nghĩ đến mong cầu cho mình có được thần thông bao giờ. Thần thông theo kiểu tập luyện có ra như Đê bà đạt đa đó là thứ thần thông dỏm chỉ để hù dọa người ta mà thôi.

Trong luật Phật dạy, vô cớ mà hiện thần thông thì coi như vị đó đã phạm cấm giới. Vì đó là mê hoặc lòng người và phá niềm tin nhân quả của người ta. Đó là một trọng tội rất lớn. Điển hình cho việc sử dụng thần thông trái phép này là Thiên sư Đặng Ấn phong. Theo thiên sử kể lại, một hôm trên đường đến núi Ngũ Đài, giữa đường Ngài thấy giữa hai đội binh đánh nhau; một đội binh của triều đình và một đội binh phiến loạn. Động lòng từ bi trắc ẩn của kẻ tu hành, nếu không có thần thông thì thôi, đằng này Ngài có thần thông nên Ngài không thể ngoảnh mặt làm ngơ. Thế là Ngài quăng cây gậy lên trời và phi thân lên giữa hư không đứng trên cây gậy. Hai đội binh thấy vậy tưởng đâu vị thần linh nào xuất hiện quở phạt, nên cả hai đều sợ hãi rút binh không còn tiếp tục giao chiến nữa. Xong rồi, Ngài biết mình đã phạm giới luật Phật cấm, vì gây ra sự mê hoặc cho người ta. Sợ rằng người ta đồn đãi với nhau rồi thiên hạ đua nhau luyện tập cho có được thần thông mà quên đi sự tu hành

mong cầu giải thoát. Do đó, nên Ngài lên núi Ngũ Đài và đến hang Kim Cang viên tịch ở đó.

Xin trân trọng được phép nhắc lại: ***“Thần thông dù có siêu việt đến đâu cũng không thể nào thắng được nghiệp lực”. Và cũng không thể nào thoát khỏi vòng sinh tử khổ đau vậy.***



4. Năng lượng của sự cầu nguyện

Khi thấy mẹ mình bị đói khát ốm o tiều tụy, động lòng trắc ẩn bi tâm, nên Tôn giả Mục kiên liên liền đem phẩm vật dâng lên cho mẹ. Nhưng bà mẹ vì lòng bòn xén tiền căn chưa dứt sạch, nên nào có ăn được đâu, cơm vừa đưa tới miệng thì hóa thành than lửa.

*“Lo phẩm vật đem dâng từ mẫu
Đặng đỡ lòng cực khổ bấy lâu
Thấy cơm mẹ rất lo âu
Tay tả che đậy hữu hầu bốc ăn
Lòng bòn xén tiền căn chưa dứt
Sợ chúng ma cướp giựt của bà
Cơm đưa chưa đến miệng đã
Hóa thành than lửa nuốt mà đặng đâu”.*

Nhìn thấy cảnh tượng đau lòng đó, thử hỏi có người con nào mà đứng đưng không buồn rầu thương cảm bi lụy xót xa cho được?! Chính vì nỗi bi cảm xót xa đó, mà người con chí hiếu như Ngài không thể không tìm cách cứu thoát khổ hình cho mẹ mình.

*“Thấy như vậy âu sầu thể thảm
Mục Kiên liên bi cảm xót thương
Mau mau về chốn giảng đường
Bạch cùng Sư phụ tâm phương giải nạn”*

Qua tình cảnh này, nếu là người con có hiếu, còn có chút lương tâm tình người, chắc không ai phải để cho cha mẹ mình đến khi phải chịu cái cảnh khổ đói khát, rồi mới nghĩ đến cách cho ăn dưỡng nuôi! Trên đời này, chắc không có ai đến nỗi phải tán tận lương tâm như thế. Ngược lại, người làm cha mẹ cũng đâu có nữ gây ra nghiệp khổ để đày đọa cho con mình

phải chịu cực, chịu khổ, chăm sóc lo cho mình từng miếng ăn giấc ngủ. Ngoại trừ do nghiệp lực từ quá khứ đã gây ra thì làm sao tránh khỏi?! Còn hiện tại thì không có cha mẹ nào mà làm khổ con bao giờ. Chỉ có con làm khổ cho cha mẹ thì có. Do đó, khi cha mẹ còn ăn uống mạnh khỏe, thì bổn phận làm con chúng ta nên dâng món ngon vật lạ cho cha mẹ dùng. Đó cũng là phương cách báo đáp thâm ân để cho cha mẹ được an vui.

Thật ra, cha mẹ cũng đâu có mong con mình phải dâng món ngon vật lạ, hay cao lương mỹ vị bao giờ. Làm cha mẹ ai cũng chỉ mong muốn cho con mình được ăn nên làm ra và có sự nghiệp bảo đảm vững chắc, an vui hạnh phúc là cha mẹ mừng lắm rồi. Tuy nhiên, ta nên nhớ đừng đợi đến khi cha mẹ già yếu bệnh hoạn không còn ăn uống được nữa, chừng đó dù ta có dâng lên mâm cao cỗ đầy cũng chẳng có nghĩa lý gì. Điều này, thiết nghĩ, bổn phận làm con ta nên ý thức để báo ân cho cha mẹ. Có thể, thì mới phải đạo làm con hiếu thảo vậy.

Ta thấy, trước tình cảnh bi thảm đó, Ngài Mục kiên liên chỉ còn có cách duy nhất là phải bạch cùng với vị Sư phụ của mình, nhờ Sư phụ chỉ dạy may ra mới có cách cứu thoát mẹ mình. Bởi Ngài đã bất lực không còn có cách nào khác. Vị Sư phụ đó không ai khác hơn là Đức Phật. Sau khi Ngài trình bày cặn kẽ về tình cảnh đau khổ của mẹ Ngài, bấy giờ Phật mới bảo chỉ có cách là phải nhờ đến thần lực của mười phương Tăng. Những bậc tu hành đạt đạo mới có thể đủ thần lực chú nguyện cho mẹ người. Đây là một năng lượng đức chúng như hải. Chỉ có năng lượng cầu nguyện này mới có thể đánh động được tâm thức của mẹ người để cho bà thành tâm ăn năn cải hối. Khi bà thành tâm chuyển ý ăn năn hối cải rồi, thì ngang đó bà mới thực sự hết khổ. Ngài Mục kiên liên vâng lời dạy bảo của Sư phụ mà thiết lễ trai tăng cầu thỉnh thập phương Tăng đồng cầu hội về một trú xứ trong ngày lễ Tự Tứ của chư Tăng để thi thiết cúng dường.

*“Phật mới bảo rõ ràng căn cội
Rằng mẹ người gốc tội kết sâu
Dầu người thần lực nhiệm mầu*

*Một mình không thể khẩn cầu được đâu
Lòng hiếu thảo của người dầu lớn
Tiếng vang đồn thâu đến Cửu Thiên
Cùng là các bậc Thần kỳ
Tà ma ngoại đạo bốn vì Thiên vương
Cộng ba cõi sáu phương tụ tập
Cũng không phương cứu tế mẹ người
Muốn cho cứu đặng mạng người
Phải nhờ thần lực của mười phương Tăng...”*

5. Đại lễ trai Tăng

Trong khế kinh Phật có dạy: “*Muốn lên bờ giác phải lấy việc bố thí làm đầu, muốn siêu độ vong linh phải lấy việc trai Tăng làm trước*”. Sau khi nghe lời Phật chỉ dạy về cách thức cúng dường trai Tăng để cầu siêu độ cho thân mẫu của Ngài, nên Ngài đã thiết lập một buổi đại lễ trai Tăng lớn nhất từ xưa tới nay. Những vị chúng trai toàn là những bậc Đại Tăng tu hành thanh tịnh sau ba tháng an cư kiết hạ tịnh tu. Những lễ vật dâng lên cúng dường trong ngày đại lễ trai Tăng đó gồm có: Thức ăn trăm món, trái cây năm màu và các thứ vật dụng thực phẩm khác như: giường nằm, nệm lót, thau, bồn, đèn, nhang, dầu v.v...

Sau khi làm lễ tác bạch cúng dường, Phật và các bậc Thánh Tăng đồng chứng minh thọ dụng bát cơm lục hòa. Nhờ buổi lễ trai tăng thành tâm cúng dường này, mà thân mẫu của Ngài được thác sanh lên cõi trời Thiên Hoa Quang.

Để noi theo đại lễ cúng dường trai tăng này, hằng năm đến ngày lễ mãn hạ “Tự Tứ” của chư Tăng, hàng Phật tử tại gia đều thiết tha chí thành sắm sanh phẩm vật dâng lên cúng dường chư Tôn Đức Tăng, Ni hiện tiền. Từ đó, lễ cúng dường trai tăng đã nghiêm nhiên trở thành một truyền thống từ đó đến nay. Mục đích của sự cúng dường là các người con chí hiếu biểu lộ lòng thành kính dâng lên phẩm vật để cầu nguyện cho các đấng sanh thành kẻ còn người mất đều nhờ công đức cúng dường mà được ân triêm lợi lạc. Không riêng vì cha mẹ hiện tiền mà cha mẹ trong bảy đời quá vãng cũng được siêu sanh thoát hóa.

“... Rằm tháng bảy là ngày Tự Tứ

*Mười phương Tăng đều dự lễ này
Phải toan sắm sửa chớ chầy
Thức ăn trăm món trái cây năm màu
Lại phải sắm giường nằm nệm lót
Cùng thau, bồn, đèn, đuốc nhang dầu
Đựng trong bình bát vọng cầu kính dâng...”*

*“...Như cha mẹ bảy đời quá vãng
Sẽ hóa sanh về cõi thiên cung
Người thời tuấn tú hình dung
Hào quang chiếu sáng khắp cùng châu
thân...”*

6. Niềm hoan hỷ chung

Điểm đặc biệt của Kinh Vu Lan đọc từ đầu đến cuối, ta thấy tất cả đều đem lại niềm vui lớn cho kẻ còn và người mất. Người mất thọ khổ cũng được siêu thoát. Tiêu biểu như bà Mục liên thanh đề. Người còn thì nhờ phước đức cúng dường mà được lợi lạc. Tuy nhiên, phần cúng dường chỉ là phần phụ thuộc, mà phần chánh yếu của Kinh Vu Lan dạy chúng ta là mỗi người cần phải nỗ lực chuyên tâm tu hành. Nhờ vào sự cần mẫn tu hành mà chúng ta mới có được an lạc. Điển hình như chư Tăng, Ni đã nỗ lực tu hành thúc liễm thân tâm trau dồi giới đức trong ba tháng an cư kiết hạ. Đồng thời thập phương Tăng cũng là những bậc tu hành đạt đạo. Điều đó cho chúng ta thấy rõ hình ảnh giải thoát của những bậc tu hành chọn chánh. Chính vì thế mà ngày rằm tháng bảy hằng năm là ngày mãn hạ Tự Tứ của chư Tăng, chư Phật trong mười phương thầy đều hoan hỷ. Và chư Tăng, Ni cùng hàng Phật tử nam nữ tại gia cũng đều hết dạ vui mừng. Đó là biểu hiện cho sự âm siêu, dương thới rất là rõ nét.

Như vậy, Kinh Vu Lan là một bản kinh Phật dạy chúng ta trước hết, phải ăn ở cho có đạo đức nhân nghĩa tình người và phải tránh gây những nghiệp nhân xấu ác tội lỗi. Vì lẽ gây nhân ác tất nhiên, chúng ta phải nhận chịu quả báo đau khổ. Trường hợp như bà Mục liên thanh đề chẳng hạn. Kế đến là thể hiện chất liệu tình thương và dĩ nhiên trên hết vẫn là tình người. Tình thương là chất keo nối kết thắt chặt trong tình người huyết thống muôn thuở. Ta thấy, Tôn giả Mục liên thanh vừa thể hiện tình thương trong dòng huyết thống của một

người con đối với mẹ mà cũng vừa mang tính từ bi siêu thoát. Bởi tình thương ràng buộc trong dòng huyết thống đó là tình thương thể hiện trong phạm vi ái kiến. Sự thật chưa phải là bản chất của Từ Bi. Bản chất và lực dụng của từ bi mang tính phổ cập không giới hạn trong tình cảm hạ đẳng thân sơ của một con người mang đầy tính chất phạm tục. Mà từ bi không đòi hỏi điều kiện và luôn mở rộng không có giới hạn trùm khắp cả muôn loài.

Ở đây ta thấy, chất liệu tình thương cũng được thể hiện trọn vẹn trong dòng huyết thống và trong ý hướng siêu thoát của đời sống tâm linh. Đức hiếu sinh và đạo nghĩa đã được nâng cao trong đời sống hành xử phù hợp với đạo lý nhân bản của con người. Mở rộng trái tim yêu thương đồng loại rộng ra là khắp cả muôn loài đó là niềm hạnh phúc vô biên mà người Phật tử chúng ta cần nên thực tập. Có thế, thì chúng ta mới có thể duy trì và phát huy truyền thống Hiếu Đạo, ngày càng mạnh mẽ trong cộng đồng nhơn loại, nhằm tiến đến xây dựng một nếp sống thăng hoa trong chiều hướng an bình giải thoát. Đó là bức thông điệp tình thương cao cả của Kinh Vu Lan mà đức Phật nhằm truyền đạt gởi đến cho khắp cả muôn loài, trong đó đặc biệt là loài người chúng ta.

Như vậy, kinh Vu lan mang lại niềm vui chung cho tất cả chúng sinh trong cõi âm và cõi dương đều được thấm nhuần ân đức siêu thoát. Trọng tâm của Kinh Vu Lan nhằm xây dựng đạo đức nhân bản và củng cố niềm tin vững chắc vào luật nhân quả. Mọi người hành xử theo chiều hướng thánh thiện để tự cứu rỗi mình và cứu thoát muôn loài. Đó là mục đích chính của Kinh Vu Lan nhắm tới.

*Vừa nghe dứt pháp Lan Bồn
Môn sanh tử chúng thấy đồng hỷ hoan
Mục Liên với bốn ban Phật tử
Nguyên một lòng tin sự phụng hành
Trước là trả nghĩa sanh thành
Sau là cứu vớt chúng sanh muôn loài.*



TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ
THIỆP MỜI

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời :
Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự nải lí Vu Lan Thị ng Hqi Phật Ích 2557

tổ chức tại: **TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ**

365 Victoria St. Wetherill Park NSW 2164 - Điện thoại: (02) 9725 2324

trong 2 ngày:

Thủ Bảy 17/08/13: - Lễ Vu Lan tại Đại Tông Lâm PG - Lễ Truyền Tam quy
& Ngũ giới - Lễ Dâng sớ cầu siêu Vu lan

Chủ Nhật 18/08/13: - Đại lễ Vu Lan Thắng Hội - Văn nghệ Vu Lan

Sự hiện diện của Quý vị sẽ góp phần vào việc duy trì
đạo hiếu truyền thống lâu đời của tổ tiên chúng ta.

Kính chúc quý vị hiếu tâm kiên cố, phước quả viên thành.

Trân trọng,

BAN TỔ CHỨC



Chương trình Vu Lan Thắng Hội DL. 2557

Thứ Tư 07/08/13 (mùng 1 tháng 7 Âm)

Tối 18.30 - Lễ khai kinh mùa Vu lan báo hiếu
- Tụng Kinh Vu Lan và Đại Báo Phụ
Mẫu Ân Trọng (từ mùng 1 đến Rằm
tháng 7 Âm)

Thứ Sáu 16/08/13 (10 tháng 7 Âm)

Sáng 09.30 - Truyền giới Khóa tu Báo Ân (3 ngày)
Sáng 11.00 - Lễ Kỵ Tổ Hòa Thượng Đại lão
thượng Đạt hạ Kiến

Thứ Bảy 17/08/13 (11 tháng 7 Âm)

Sáng 10.30 - Lễ Vu Lan tại Đại Tông Lâm
Chiều 15.00 - Lễ Truyền Tam quy, Ngũ giới
Tối 19.00 - **LỄ DÂNG SỚ CẦU SIÊU VU
LAN**

Chủ Nhật 18/08/13 (12 tháng 7 Âm)

Sáng 10.00 - **ĐẠI LỄ VU LAN THẮNG HỘI**
- Lễ Bông hồng cài áo
- Cúng Chư hương linh thờ tại chùa
- Phật tử dùng cơm chay đạo vị
Chiều 13.30 - Văn nghệ mừng Vu Lan
Chiều 16.30 - Cúng thí thực thập loại cô hồn

Thứ Ba 20/08/13 (14 tháng 7 Âm)

18.30 - Khóa lễ Sám Hối

Thứ Năm 22/08/13 (16 tháng 7 Âm)

Sáng 05.00 - Lễ tác bạch Tự Tứ mùa An cư năm
Quý Ty tại chùa Quang Minh
Trưa 11.30 - Cúng dường Trai tăng

Thứ Sáu 23/08/13 (17 tháng 7 Âm)

18.30 - Khai Kinh Địa Tạng
(tụng mỗi tối từ 17/7 - 29/7)

Chủ Nhật 01/09/13 (26 tháng 7 Âm)

Sáng 10.30 - Lễ Vía Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát
Chiều 14.30 - Tụng Kinh Địa Tạng
16.30 - Cúng thí thực cô hồn
Tối 18.30 - Tụng Kinh Địa Tạng

Thứ Tư 04/09/13 (29 tháng 7 Âm)

Tối 18.30 - Lễ Hoàn kinh Địa Tạng



Ông Ngoại kính yêu của cháu,

Ông ơi, đúng ra cháu phải viết Kính viếng hương linh Ông ngoại, nhưng mực lòng nơi ngọn bút cháu lại tuôn ra như vậy. Đã qua 49 ngày từ khi ông khuất bóng, thế mà cháu còn ngỡ rằng ông vẫn đang chờ cháu về thăm ông. Ông ngoại ơi, mùa Vu Lan năm nay là Vu Lan đầu tiên mẹ cháu vắng song thân, chúng cháu vắng cả ông lẫn bà. Cháu xin thay mẹ cháu gửi theo nén trầm hương mấy dòng tâm sự.

Ông ngoại cháu 100 tuổi - tròn một thế kỷ. Thế kỷ vừa qua đã chứng kiến biết bao thăng trầm vô thường với cả đất nước và với từng gia đình. Gia đình mình cũng theo những biến cố của thế cuộc và vận mệnh của đất nước mà thành ra người Nam kẻ Bắc, người hải ngoại kẻ ở lại quê hương. Song, ai ai cũng lênh đênh chìm nổi nơi bể khổ luân hồi, như cha cháu vẫn thường nói: vượt được biển Đông mà không ai thoát được bể khổ. Giờ đây, khi bản thân cháu đã trở thành một người mẹ và nhận thức được về cõi trần ai bể khổ thế lương đã nhân chìm bao kiếp người, cháu mới thấm thía được công lao dưỡng dục của người cha nơi ông và của cha mẹ cháu. Mỗi dịp Vu Lan theo các Sư Thầy tụng “Kinh Đại Báo Hiếu Phụ Mẫu Trọng Ân”, cháu ngậm ngùi ngược dòng ký ức của gia đình mình mà nhận thức về tấm lòng và công lao của ông bà, cha mẹ:

*“...Đến khi vừa được lớn khôn
Cha mẹ dạy bảo cho con vỡ lòng
Cho đi học mở thông trí tuệ
Dựng vợ chồng có thể làm ăn
Ước mong con được nên thân
Dầu cho cha mẹ cơ bản quản chi...”*

Năm 1954, trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, gia đình ly tán, mẹ cháu bị lạc bà và cậu. Lúc đó, mẹ mới trên mười tuổi. Sau những ngày lang thang, mẹ cháu may mắn tìm được ông và được ông cho ăn học. Mẹ cháu kể rằng trong mọi hoàn cảnh xã hội và biến động của thời cuộc, ông luôn là một người hiền lương luôn sống bằng học vấn và sức lao động của chính mình. Với mẹ cháu, đó chính là kho tàng quý giá nhất mà người cha đã để lại cho con gái. Đất nước trải qua hai cuộc chiến tranh,

Mùa Vu Lan nhớ Ông Ngoại



ông bôn ba khắp nơi cả trong Nam lẫn ngoài Bắc, đổ ba bằng cử nhân và vất vả làm nhiều nghề cực nhọc khác nhau từ nhân viên hỏa xa tới mấy chục năm hành nghề nhà giáo để chăm sóc gia đình và nuôi dạy các con nên người. Ông là cha của tám người con đẻ và bốn con nuôi nên gánh nặng gia đình oằn trên vai ông. Mười người con đẻ và con nuôi may mắn sống gần ông thì không phân biệt nam nữ, đều được ông cho ăn học. Mẹ cháu nên người tốt và thành đạt cũng là quả ngọt mà công lao dưỡng dục của ông là nhân lành.

Thế kỷ qua ghi nhận biết bao nhiêu thăng trầm nơi công danh sự nghiệp của nhiều lớp người theo đuổi nhiều ý thức hệ, thế mà ông lại luôn sống thanh bần và thản lặng không ganh đua thế cuộc. Ông là một nhà giáo sống lương thiện với tinh thần học tập miệt mài và làm việc cần cù. Với cháu, đó là một tấm gương về chánh mạng trong bát chánh đạo mỗi khi cháu đối diện với các lối rẽ đầy cám dỗ hay lựa chọn khó khăn trong đường đời. Cháu luôn xúc động nhớ lời ông động viên khuyên nhủ cháu: “Hãy học giỏi và giữ trái tim nhân hậu của mình, cháu gái của ông à.” Đó cũng chính là ý nguyện “theo tự tánh làm lành” mỗi khi cháu tụng bài Nguyên Hương cúng dường Tam Bảo tấm lòng thành của cháu đó, ông ạ.

Gương mặt hiền hòa và nụ cười lạc quan của ông in mãi trong tâm trí cháu. Một lần cháu về thăm ông, ông cười "I'm a centenarian man." (Dịch: Ông là người sống trăm tuổi). Mọi người đều chúc thọ cho ông: “Ông tốt số nên sống lâu và khỏe mạnh “. Ông cảm ơn cả nhà và đáp lại rằng: “I don't believe in destiny, Man is Master of his Life.” (Tạm dịch: ông không tin vào định mệnh, con người làm chủ cuộc đời mình). Ông ơi, quả vậy, Đức Thế Tôn từng dạy thế ông à "con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ kế thừa nghiệp". Cháu may mắn được hưởng phúc đức của ông và nối nghiệp

cầm bút làm nhà giáo. Cháu ghi nhớ lời Đức Từ Phụ và trải nghiệm đời ông để làm chủ nghiệp mình, quán chiếu thân tâm tạo tác nhân lành, ông ạ.

Mùa Vu Lan sắp tới, cháu xin cùng mẹ hiền dâng lên ông kính yêu nén hương lòng này. Trong những ngày thương nhớ ông, bài dạy của Thiền sư Thích Nhất Hạnh “người thân tôi mất bây giờ ở đâu” đã giúp cháu chiêm nghiệm những lời dạy của Đức Thế Tôn qua cuộc đời ông, và giúp cháu củng cố niềm tin nơi Tam Bảo. Đúng như lời Thầy Thích Nhất Hạnh dạy, những gì ông gửi lại vẫn còn đây – nơi cha mẹ và nơi chúng cháu. Ông lặng lẽ đến và đi trong vòng sinh tử triền miên bất tận của cõi Ta Bà. Như một nhà giáo, ông gửi lại những bài học đúc kết từ cuộc dâu bể trăm năm đời người. Đó là những bài học đạo đức quý báu về cuộc sống chánh mạng và nhân hậu nên thanh thản an lạc, và lòng tự tin rằng con người làm chủ cũng như kế thừa nghiệp của mình - đó chính là những gì vô sanh vô diệt.

Ông ngoại yêu thương của cháu, giờ đây ông đã về đâu trong muôn nẻo luân hồi? Cháu không có được phép thần thông như Mục Kiền

Liên Bồ Tát để đi tìm ông. Xin hương linh ông hãy đón nhận tấm lòng tha thiết của mẹ con cháu cầu mong ông nương theo Phật, nương vào Tam Bảo làm ngọn hải đăng nơi bể khổ u minh, lấy con thuyền lấy chánh pháp mà vượt nẻo oan khiên. Cháu xin khẩn thiết chân thành mong rằng dù sinh về nơi đâu, ông cũng sẽ được sớm gặp chánh pháp nhiệm mầu của Đức Phật.

Mùa Vu Lan năm nay, con xin chấp tay tôn kính và nguyện y theo lời dạy của Đức Từ Phụ và tấm gương hiếu hạnh của Mục Kiền Liên Bồ Tát bày tỏ lòng biết ơn ông bà nội ngoại của đôi bên chúng con và tứ thân phụ mẫu đã sinh thành ra và ban cho con những người mà chúng con kính trọng và thương yêu, những bậc đã sinh thành, yêu thương chúng con và nuôi dưỡng chúng con nên người.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát

Phật tử Vân Lan – Chùa Quang Minh
(Mùa Vu Lan 2013)

Kính viếng hương linh ông ngoại

*Trăm năm một cuộc hồng trần
Tiễn ông gia quyến vô ngần nhớ thương.*

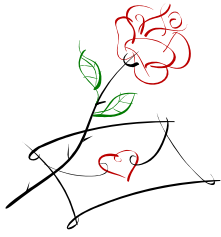
*Dãi dàu trăm gió ngàn sương
Buồn vui dòng nước vô thường cuốn trôi.*

*Ông đi gửi lại mấy lời:
Con người làm chủ cuộc đời, cháu ơi.*

*Nhớ ông lòng cháu khôn nguôi
Tấm gương ham học, tiếng cười lạc quan.*

*Chấp tay thắp nén tâm nhang
Hương linh ông hãy an nhàn thành thoi.*





Thư gửi các con

Các con thương,

Mùa đông năm nay ở Melbourne trời khá lạnh. Cái giá lạnh ác nghiệt của mùa đông người già cả như ba mẹ thật là khổ sở. Thời tiết đổi thay khi nóng, khi lạnh bất thường làm cho kháng thể của những người già yếu không thể theo kịp. Bởi vậy mà thường hay sanh ra đau bệnh. Như xương sống của ba hôm nào thời tiết trở lạnh nhiều thì nó đau nhức thấu xương tủy. Thời tiết ở xứ Úc, nhất là ở Melbourne nơi ba mẹ ở, thật nó không giống như ở bên Việt Nam mình. Khí hậu ở Việt Nam tuy nó có nóng nực oi bức thật, nhưng nhiệt độ thời tiết nó không thay đổi bất thường như ở bên đây. Đặc biệt, chỉ có thời tiết ở Melbourne một ngày thay đổi bốn mùa. Tuy vậy, nhưng sống lâu rồi cũng trở thành quen.

Trong lá thư trước, ba có báo tin cho các con biết là mẹ con sắp sửa vào bệnh viện để điều trị bệnh lao phổi. Sức khỏe của mẹ con ngày càng sa sút tiêu tụy ốm o nhiều hơn trước. Ở đây, bác sĩ y tá họ đều chăm sóc bệnh nhân một cách rất là tử tế chu đáo. Các anh chị em của các con bên đây, chúng nó bận làm suốt tuần, chỉ có nghỉ được ngày chủ nhật thôi. Thằng hai Dầu thì nó sinh sống lập nghiệp ở tiểu bang khác. Gia đình của nó cũng tạm đủ ăn, đủ xài, chứ cũng không có khá giả gì. Còn chị ba con thì chồng nó mới chết nên nó cũng khổ sở lắm. Con của nó còn nhỏ dại nên hằng ngày nó phải bận lo chăm sóc thì cũng không có thời giờ rảnh rỗi để đến thăm lo cho mẹ con. Ở xứ này, vật chất thì cũng không đến nỗi thiếu thốn gì, nhưng tinh thần thì thật là thiếu thốn đói khát. Như ba đây không nhờ đi chùa học đạo nghe pháp thì chắc là ba buồn bực chán nản lắm!

Ở đây, người ta cũng có tổ chức hội người già, ba cũng có xin gia nhập, thỉnh thoảng người ta cũng có tổ chức đi chơi đây đó, nhưng ba thì

không mấy hứng thú về việc đi chơi này. Bởi quan niệm sống mỗi người mỗi khác. Vì ba nghĩ rằng, cái tuổi của ba cũng gần xuống lỗ rồi, nó cận kề với cái chết, nên ba cần phải tranh thủ thời gian ngày đêm hết lòng gắng lo tu niệm, để cho mình có được niềm vui và chỉ cầu mong sau khi chết được vãng sanh về thế giới Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Mẹ con tuy bệnh nặng, nhưng lúc nào bà cũng nhớ niệm Phật. Đó là ba kể cho tụi con nghe sơ về thời tiết và gia cảnh ở bên đây.

Ba gửi cho các con bức thư này, ba muốn kể lại cho các con nghe về những mùa Vu Lan ở đây. Cứ mỗi lần Vu Lan về, ba với mẹ con rất buồn. Phần thì nhớ đến quê cha đất tổ, vì nơi đó có ông bà, mồ cha, mả mẹ, bà con xóm riềng thân thuộc; phần thì nhớ đến tụi con. Ba chỉ cầu mong cho tụi con luôn được an vui mạnh khỏe và công ăn việc làm đều được hanh thông suông sẻ vững chắc là ba mẹ vui mừng lắm rồi. Hôm trước thằng tư Bùng nó có cho ba biết là dạo này vợ chồng con cái của nó thường xuyên đi chùa tụng niệm. Nghe vậy ba mẹ mừng lắm. Mùa Vu Lan ở đây nó rơi vào gần cuối mùa đông, nên thời tiết bớt lạnh cảm thấy tương đối cũng dễ chịu hơn.

Nhớ lại, mùa Vu Lan năm rồi ba có dịp lên Sydney và có vào chùa Phước Huệ để viếng thăm quý Tăng, Ni tu học ở trong đó. Thấy Tăng, Ni đa phần là những vị trọng tuổi, nhưng ai nấy cũng đều nỗ lực tinh tấn tu hành. Ba nghe nói, năm nào ở chùa Phước Huệ cũng có tổ chức an cư ba tháng. Có những buổi trời lạnh như cắt, mà quý Sư Cô trọng tuổi yếu đuối cũng phải lên chánh điện để tụng niệm. Có người thì chống gậy đi từng bước chậm chạp khó khăn, vậy mà cũng không bỏ sót một thời khóa lễ tụng niệm nào. Tuy Phật tử vào đây tu học và làm công quả ít hơn ở chùa Quang Minh dưới Melbourne, nhưng ba thấy

sự tu học ở đây rất có quy củ nề nếp và cảnh trí rất thanh tịnh. Người già như ba thì không mấy thích chỗ nhộn nhịp ồn ào, mà cần chỗ yên tĩnh vắng vẻ để dưỡng tâm nuôi đức. Ba nhớ lời Tổ Quy Sơn dạy: *“Muốn gọi tâm nuôi đức, thì phải ẩn tích mai danh, muốn uẩn tố tinh thần thì phải xa nơi huyên áo”*. Ba rất thích và nhớ mãi lời dạy này.

Có lần ba theo quý thầy và một vài Phật tử lên tham quan viếng thăm ở Đại tông lâm Phật giáo. Tới nơi, ba đưa mắt nhìn chung quanh, cảm thấy cảnh quan ở nơi đây rất rộng rãi, mát mẻ, vắng vẻ, thật là yên tĩnh ba rất thích. Rất tiếc, nơi đây chưa có xây dựng được gì nhiều, chỉ tân trang lại ngôi nhà cũ kỹ trước kia và sửa lại phòng ốc cho có ngăn nắp để chư Tăng, Ni ở và thờ phụng. Sau khi sửa lại trông cũng khang trang đẹp mắt lắm. Ba nghe nói, lúc Hòa thượng Tông Trưởng Tổ Đình Phước Huệ còn sinh tiền, thì mọi việc ở đây do Ngài sắp xếp lo hết. Sau khi Ngài viên tịch, thì các vị đệ tử của Ngài tiếp nối công việc mà Ngài đã và đang xúc tiến. Kết quả, hôm nay là đã xây được hoàn tất cây cầu rồi. Nhờ có cây cầu bắc ngang qua khu đất bên trong thì mới tiến hành xây dựng những cái khác được. Ba sinh hoạt cùng với quý Phật tử ở đây, gần trọn một ngày. Nhìn cảnh thanh tịnh vắng vẻ phải thế cho việc tu hành nên ba thích lắm. Ba nghĩ, tu hành mà ở những nơi vắng vẻ tĩnh mịch như thế này, thì tâm mình mới có phần được nhẹ nhàng an thoát hơn.

Thỉnh thoảng, những lúc rỗi rảnh ba cũng có đọc những kinh sách nói về Thiên và Tịnh Độ. Về sách Thiên thì ba chỉ nghiên cứu đọc qua cho biết, chứ còn việc ứng dụng tu, thì nói thật đối với căn cơ trình độ thấp kém như ba thì ba thấy khó quá! Vì vậy, nên ba chọn cho mình pháp môn niệm Phật để chuyên tâm hành trì. Dù sao thì niệm Phật nó cũng dễ tu hơn. Bởi có câu hiệu Phật để mình niệm, như vậy thì cũng dễ được nhiếp tâm. Từ khi, ba được quý thầy hướng dẫn chỉ dạy và nhờ xem kinh đọc sách nên bây giờ ba cũng hiểu được chút ít về đạo lý nhân quả, nên ba cảm thấy có phần được an vui hơn trước. Người già ai cũng muốn cho mình có được niềm vui ở nơi tâm hồn. Còn vui để hưởng thụ về vật chất, thì đối

với người trọng tuổi như ba thì không còn thích hợp hứng thú nữa.

Mùa Vu Lan năm nay, ba cảm thấy vui hơn, vì ba đã tìm được cho mình chỗ tựa nương vững chắc của đời sống tâm linh hơn những mùa Vu Lan trước. Bồn phận làm cha mẹ ai cũng đem hết tâm huyết của mình để lo cho con cái. Không có cha mẹ nào có ý muốn đầu tư nuôi nấng cho con mình lớn lên, để rồi sau này khi mình già yếu nó sẽ lo báo đáp cho mình. Cha mẹ nào cũng muốn sao cho con cái của mình đều được an vui hạnh phúc. Nếu các con có hạnh phúc, nhà cửa ấm êm, sự nghiệp vững chắc, đời sống sung túc, thế là ba mẹ đã vui mừng lắm rồi. Còn việc con cái có lo phụng dưỡng báo đáp công ơn cho cha mẹ hay không, theo ba nghĩ, điều đó cũng còn là do cha mẹ có phước hay không. Thực sự, thì không có cha mẹ nào đòi hỏi ở nơi con phải lo trả hiếu cho cha mẹ như thế này hay như thế kia cả. Vì có đòi hỏi cũng không được. Việc đó là do ý thức bồn phận của đạo làm con. Nếu như người con nghĩ đến công lao sanh thành dưỡng dục khó nhọc của cha mẹ, thì chắc không có người con nào mà không lo báo đáp. Nhất là đối với cha mẹ ở cái tuổi xế chiều, yếu đuối bệnh đau.

Nhờ hiểu được chút ít lời Phật dạy, nên bây giờ ba cảm thấy mình rất có hạnh phúc. Mình không còn cố chấp như xưa. Cũng không còn rầy la trách phạt gì với các con cháu. Bởi cuộc sống mỗi thời mỗi khác. Sự luân tập môi trường sống của xã hội không bao giờ giống nhau. Thời của ba khác và thời của các con các cháu bây giờ khác nhiều. Nhất là đối với xã hội Tây phương, tiêu biểu như xã hội đa văn hóa Úc, khác với nền văn hóa cổ truyền của xã hội mình nhiều lắm. Ngày xưa, ông nội thường dạy ba là: *“đáo xứ tùy phong, ngô giang tùy khúc và nhập gia phải tùy tục”*. Lời dạy đó lúc nào ba cũng ghi nhớ trong lòng.

Nhưng có điều ba cũng nhắc nhở cho các con cháu biết, mặc dù ba mẹ cũng không có đòi hỏi gì ở các con, các cháu, nhưng đối với nền đạo đức của con người thì các con, các cháu cần phải gìn giữ. Bởi đạo đức là cội gốc của con người. Sống ở thời đại nào mà con người thiếu đạo đức nhân bản, thì chắc chắn con người ở

thời đại đó không còn an ổn hạnh phúc được nữa. Bởi đạo đức nó là giềng mối của xã hội. Nó là chất keo để xây dựng tình người. Mất chất liệu đạo đức thì đâu còn nuôi dưỡng được tình thương yêu của con người. Thế là xã hội sẽ rối loạn vì gia đình không còn biết tôn trọng thương yêu nhau. Các con nên nhớ bao giờ mái ấm hạnh phúc gia đình cũng là quan trọng hơn hết. Muốn thế, thì tụi con mỗi đứa phải ráng lo ăn ở cho có luân thường đạo đức và phải cư xử với nhau trong thâm tình ruột thịt. Đừng để xảy ra cảnh nôi da xáo thịt thật là đau khổ!

Ngày xưa khi ba còn sống chung với ông nội tụi con, lúc nào ba cũng được ông nội thương yêu dạy dỗ. Ông nội là người rất mực thước và coi trọng đạo đức nhân nghĩa. Đối với bà con chòm xóm, ông nội đối xử với họ chưa bao giờ xích mích gây gổ nặng lời với ai một tiếng. Đối với ai dù là một đứa trẻ nhỏ, ông nội cũng không dám có cái ý coi thường. Nhờ ăn ở có đạo đức hiền từ nên xóm làng ai nấy cũng đều thương mến kính trọng. Có lẽ ba đã chịu ảnh hưởng cách cư xử với mọi người của ông nội rất nhiều. Đối với trong gia đình thân tộc, ông nội lúc nào cũng tỏ ra nghiêm khắc và cư xử theo đạo lý nề nếp gia phong. Lớn nhỏ đâu ra đó đàng hoàng, phải biết kính trên nhường dưới. Nói năng phải hòa nhã từ tốn không được ăn nói sỗ sàng và hỗn láo. Nhất là đối với người trên mình phải hết sức giữ gìn lễ độ. Bởi vậy mà trong gia đình thân tộc ai nấy cũng đều hòa thuận yêu thương và tận tình giúp đỡ cho nhau. Họ đối xử với nhau rất êm đẹp.

Đối với đạo Phật, ông nội là người luôn tin tưởng Tam bảo và nhân quả. Ba thấy, tới nào ông nội cũng có tụng kinh, niệm Phật. Mặc dù lúc đó ba không biết gì về đạo Phật. Và ba cũng chưa có niềm tin gì về đạo Phật cả. Khi lớn lên, ba mới có dịp tìm hiểu về đạo Phật. Khi hiểu được chút ít rồi, ba chiêm nghiệm thấy rất rõ không có điều gì thoát khỏi luật nhân quả đâu các con ơi! Không phải ba tin vào sách vở không thôi, mà ba xác nghiệm chứng kiến tận mắt trong đời sống thực tế. Ba thấy những người ăn ở không có nhân đức, họ gây tạo những điều tội lỗi, kết quả họ đều phải trả quả báo hết. Thật đúng như người ta

thường nói: “ngày xưa trả báo thì chầy, ngày nay trả báo phút giây nhân tiền”. Chiêm nghiệm kỹ lời nói này ba thấy thật là đúng quá.

Thế nên, mùa Vu Lan Báo Hiếu, ba gửi thư này cho các con, trước tiên là ba muốn cho tụi con biết là cuộc sống của ba mẹ hiện nay ở bên đây và sau cũng nhắc nhở cho tụi con đôi điều về nhân nghĩa đạo đức xưa nay của dòng họ ông bà mình.

Về cuộc sống của ba mẹ ở đây, thật tình mà nói ba mang ơn chánh phủ Úc nhiều lắm. Vì từ ngày ba mẹ qua bên đây tới nay, chánh phủ cấp dưỡng cho ba mẹ tiền bạc không thiếu. Thậm chí khi bệnh hoạn đau yếu, mình đi khám bác sĩ hoặc vào bệnh viện cũng không phải tốn kém tiền bạc như ở Việt Nam. Do đó, người già cả lớn tuổi như ba mẹ ở đây, thì khỏi phải bận tâm lo lắng về việc đó. Tuy ba cũng biết tiền này là do mồ hôi nước mắt của những người đi làm lụng mệt nhọc vất vả nên mình mới có tiêu xài. Vì vậy, ngoài việc chi tiêu những thứ cần thiết vật dụng hằng ngày ra, ba mẹ còn phải dành dụm chút ít để gởi về làm việc từ thiện giúp cho những người bất hạnh khốn khó như bị đau yếu tật nguyền v.v... Còn tụi con thì cũng đủ xài rồi, nếu có dư ra thì các con cũng nên làm việc từ thiện để tạo thêm phước đức. Các con nên nhớ hễ có gây nhân tất nhiên là có quả. Nhân nào quả nấy. Nhân tốt thì quả tốt. Ngược lại cũng thế. Cho nên các con cần phải cẩn trọng ở nơi lời nói, suy nghĩ và việc làm.

Thư ba viết cho các con đến đây cũng đã khá dài rồi, thôi! ba tạm dừng ở nơi đây. Nếu có dịp, ba sẽ gửi thư về thăm các con tiếp.

Ba cầu nguyện chư Phật, Bồ tát gia hộ cho các con, các cháu của ba mẹ luôn được an vui khỏe mạnh và gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp trong cuộc sống.

Chúc các con, các cháu vui sống và tràn đầy hạnh phúc.

Ba Mẹ



Quán Kinh Tứ Thiệp Số

Tập ký: Đường, Sa Môn Thiện Đạo

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc



(tiếp theo)

16. Hạ Bối Quán Hạnh Thiện và Ác

a. Hạ Phẩm Thượng Sanh

Kinh văn: Phật bảo: A Nan và Vi Đề Hy! Hạ Phẩm Thượng Sanh là có chúng sanh làm các thứ ác nghiệp, tuy không phi báng kinh điển Phương Đẳng, nhưng tạo nhiều nghiệp ác không biết hổ thẹn, kể ấy khi lâm chung, gặp thiện tri thức nói cho nghe danh đề của 12 bộ kinh Đại thừa, liền được trừ diệt nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp. Bậc tri thức lại bảo phải chấp tay niệm NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT, do đương nhơn thành tâm xưng niệm Phật hiệu, nên trừ tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử. Ngay lúc ấy, đức Phật Vô Lượng Thọ cảm biết, liền sai hóa Phật, hóa Quán Âm và hóa Thế Chí hiện đến trước hành giả khen rằng: "Lành thay, thiện nhơn! Người đã xưng niệm danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đây để rước người".

Bấy giờ hành giả thấy ánh sáng của hóa Phật đầy khắp nhà mình, trong lòng vui mừng liền xả thọ, ngồi trên hoa sen báu, theo hóa Phật sanh về ao thất bảo. Sau khi vãng sanh, trải qua 49 ngày hoa sen mới nở. Vừa lúc hoa nở, Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí phóng ánh sáng lớn trụ trước người ấy, giảng thuyết cho nghe nghĩa lý thâm diệu của 12 bộ kinh. Đương nhơn nghe rồi tin hiểu, phát tâm vô thượng Bồ đề, trải qua 12 tiểu kiếp, thành tựu bá pháp minh môn, được vào Sơ địa. Đây là cảnh Hạ Phẩm thượng sanh.

Giảng yếu: Từ Phật bảo A Nan đến 50 ức kiếp sanh tử là chỉ địa vị của hạng người phạm phu tạo thập ác kinh tội.

Nói chúng sanh tạo nhiều nghiệp ác không biết hổ thẹn là nói tướng tạo ác có nặng

nhẹ, có 5 ý:

1. Nói chung về động cơ tạo ác.
2. Nói về chỗ tạo ra các thứ ác nghiệp.
3. Tuy làm nhiều tội nhưng không sanh lòng chê khinh Đại thừa.
4. Nói về tư cách tạo ác của người đó, chẳng phải là người có trí.
5. Chỉ cho thấy đây là người ngu, tuy tạo các tội, hoàn toàn không sanh lòng xấu hổ.

Nói lúc lâm chung xưng Phật hiệu trừ tội chỉ người tạo ác lâm chung gặp thiện tri thức và được nghe pháp, có 6 ý:

Nói về mạng sắp mất.

Bồ tát gặp thiện tri thức dạy vãng sanh. Thiện tri thức này vì người sắp lâm chung khen ngợi các kinh.

Đã nghe kinh rồi có công năng trừ ngàn kiếp tội.

Người trí chuyên dạy xưng niệm hiệu Phật A Di Đà.

Vì xưng niệm Phật A Di Đà nên trừ được năm trăm muôn kiếp tội.

Hỏi: Vì sao nghe 12 bộ kinh chỉ trừ tội một ngàn kiếp, còn xưng niệm một câu hiệu Phật trừ được năm trăm muôn kiếp tội là ý làm sao?

Đáp: Người tạo tội chướng rất nặng, lại thêm chịu khổ khi sắp chết đến bức bách, bực thiện tri thức tuy nói nhiều kinh, mà tâm người thọ nhận thì tán loạn trôi nổi, do tâm tán loạn nên trừ tội rất ít, còn danh hiệu Phật tuy là có một câu, mà có thể trụ tâm, dẹp trừ tán loạn, lại thêm dạy phải chánh niệm xưng danh hiệu, do tâm hướng nặng về câu hiệu Phật và an trụ nên trừ tội nhiều kiếp.

Từ Ngay lúc ấy đến sanh về ao thất bảo là chỉ khi lâm chung hóa Thánh chúng đến đón tiếp, thời gian đi mau chậm, gồm có 6 ý:

1. Hành giả khi xưng niệm danh hiệu, đức Phật A Di Đà kia liền dạy hóa Thánh chúng ứng thỉnh hiện đến.
2. Hóa Thánh chúng đã hiện thân liền khen ngợi hành giả.
3. Nhờ nghe hóa Thánh chúng khen ngợi, chỉ dạy công năng xưng niệm danh hiệu Phật. Nói ta đến rước ông, chẳng luận do nghe kinh mong hiểu được ý Phật, chỉ cần chánh niệm xưng danh, thì việc vãng sanh rất mau, không đồng với những nghiệp xen tạp và tán loạn. Như bộ kinh này và các bộ kinh Tịnh độ khác, mỗi chỗ đều khen ngợi, khuyến xưng niệm danh hiệu, đem lại rất nhiều lợi ích.
4. Nếu nhờ hóa Thánh chúng đến, liền thấy ánh sáng đầy nhà.
5. Nhờ có ánh sáng chiếu, nên biết báo thân sắp dứt.
6. Ngồi trên hoa theo Phật sanh vào trong ao thất bảo.

Từ Trái qua 49 ngày đến hết chi hoa nở có mau chậm, sau khi hoa nở, có lợi ích khác nhau, gồm có 5 ý:

1. Nói rõ đức Quán Thế Âm trước tiên phóng hào quang.
2. Các ngài đến bên cạnh hoa sen của hành giả.
3. Nói giáo lý mà hành giả trước đã nghe.
4. Hành giả nghe rồi lãnh thọ phát tâm.
5. Nhớ nhiều kiếp trước chứng vào vị bách pháp minh môn.

Sự lợi ích của hành giả không phải chỉ độc nhứt niệm Phật vãng sanh, mà niệm chung cả Pháp và Tăng cũng được vãng sanh nữa.

b. Hạ Phẩm Trung Sanh

Kinh văn: Phật bảo: A Nan và Vi Đề Hy! Thế nào là Hạ phẩm Trung Sanh? Hoặc có chúng sanh ngu tối, hủy phạm ngũ giới, bát giới, cụ túc giới, trộm của chùa chiền và vật hiện tiền tăng, bất tịnh thuyết pháp lòng không hề thẹn, dùng các nghiệp ác để tự trang nghiêm. Kẻ tạo tội chướng như thế, tất phải bị đọa vào địa ngục. Nên lúc lâm chung, các tướng lửa của

địa ngục đồng thời hiện ra. Nhưng người này may mắn được gặp thiện tri thức, giảng nói cho nghe về oai đức thập lực, sức thần thông quang minh của Phật A Di Đà, cùng những pháp giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Đương nhơn nghe xong, sanh lòng tin trọng, nên trừ diệt tội trọng tám mươi ức kiếp sanh tử, lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát, thổi các hoa trời, trên có hóa Phật và hóa Bồ tát hiện thân tiếp dẫn, trong khoảng một niệm liền được sanh về hoa sen nơi ao thất bảo. Sau khi vãng sanh, trái qua sáu kiếp, hoa sen mới nở. Vừa lúc hoa nở, Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hiện đến dùng tiếng Phạm âm an ủi và vì giảng thuyết pháp thậm thâm của Đại thừa. Hành giả nghe xong liền phát đạo tâm vô thượng.

Đây là cảnh Hạ Phẩm Trung Sanh.

Giảng yếu: Từ Phật bảo A Nan đến bị đọa vào địa ngục là chỉ địa vị của hành giả thuộc về phạm phu phá giới thứ tội. Căn cơ tạo nghiệp không đồng, gồm có 7 ý:

1. Cữ chung căn cơ của người tạo ác.
2. Phạm nhiều phạm các giới.
3. Trộm cướp vật chúng tăng.
4. Thuyết pháp là để nuôi sống.
5. Làm tội lòng không hổ thẹn.
6. Tạo đủ các tội, trong tâm khởi ác, ngoài thân khẩu làm ác. Tự thân mình làm việc chẳng lành, còn xui người làm ác, nên nói tự mình xây dựng tâm ác.
7. Căn cứ vào tội của người ấy tạo, chắc vào địa ngục.

Nói khi mạng sắp mất nhờ thiện tri thức mà được vãng sanh gồm có 9 ý:

1. Nói về người sắp mất.
2. Lửa địa ngục đã hiện đến.
3. Khi lửa thiêu đốt gặp được thiện tri thức.
4. Thiện tri thức nói công đức Phật A Di Đà.
5. Người mang tội đã nghe danh hiệu Phật A Di Đà liền trừ tội nhiều kiếp.
6. Đã nhờ diệt tội nên lửa biến làm gió mát.
7. Hoa trời theo gió mà đến đầy đầy trước mắt hành giả.
8. Hóa Thánh chúng đến tiếp rước.
9. Thời gian ra đi có mau chậm.

Từ *Vừa lúc hoa nở* đến hết chỉ thời gian hoa nở có sớm muộn không đồng và sau khi hoa nở rồi được lợi ích, gồm có 3 ý:

1. Khi hoa đã nở ra Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng Phạm an ủi.
2. Hai Bồ tát vì hành giả mà nói diệu điền nhiệm màu.
3. Hành giả lãnh hội được và phát tâm.

c. Hạ Phẩm Hạ Sanh

Kinh văn: *Hoặc có chúng sanh tạo tội ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc chẳng lành, kẻ ngu ấy, do nghiệp ác, đáng lẽ phải đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Nhưng khi lâm chung, người này nhờ gặp thiện tri thức, dùng nhiều cách an ủi, nói pháp mầu cho nghe, lại dạy bảo tưởng niệm Phật. Đương nhơn tuy nghe lời dạy, song vì sự khổ bức bách, không yên rảnh để quán tưởng Đức Phật Vô Lượng Thọ. Thấy thế thiện tri thức lại bảo: "Nếu ông không thể tưởng đức Phật kia, thì nên chỉ thành niệm NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT, tiếng niệm liên tiếp không dứt cho đủ mười niệm". Hành giả vâng lời và nhờ xưng danh hiệu Phật, nên mới mỗi niệm trừ được tội trọng tám mươi ức kiếp sanh tử. Khi mạng chung, người ấy thấy hoa sen vàng rõ như vàng mặt nhật hiện ra trước mặt. Trong khoảng một niệm, liền được vãng sanh về Cực lạc thế giới. Như thế mỗi 12 đại kiếp, hoa sen mới nở. Khi hoa nở, hai vị Đại sĩ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí dùng tiếng Đại bi, vì hành giả nói rộng về thật tướng của các pháp và cách trừ diệt tội chướng. Đương nhơn nghe rồi, thân tâm vui đẹp, liền phát lòng Vô thượng Bồ đề. Đây là cảnh Hạ phẩm Hạ sanh.*

Môn tướng trên gọi là hạ bối vãng sanh thuộc về pháp quán thứ 16.

Giảng yếu: Từ Phật bảo A Nan đến chịu khổ vô cùng, trước định địa vị hành giả ở đây thuộc hạng phạm phu, tạo đủ các trọng tội ngũ nghịch. Nói về tướng tạo ác của người này, gồm có 7 ý:

1. Nói về động cơ tạo ác.
2. Nói chung về những tên bất thiện.
3. Phân tích tội nặng nhẹ.
4. Tổng kết các tội ác, hạng người này không phải là người trí.

5. Tạo ác rất nhiều, tội cũng không nhẹ.
6. Nói về nếu không tạo nghiệp thì không nhận quả báo, không có nhơn thì không nhận lấy quả. Đã chẳng tạo nhơn vui thì quả báo làm sao khỏi khổ?
7. Nhơn tạo ác đã đủ, thì quả báo kiếp nào cùng.

Hỏi: *Như trong 48 nguyện nói: chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch, bài báng chánh pháp không được vãng sanh, nay Hạ phẩm Hạ sanh trong quán kinh này gồm bài báng chánh pháp và ngũ nghịch cũng được vãng sanh là ý gì?*

Đáp: Nghĩa này căn cứ vào chỗ ức chế để giải thích. Trong 48 đại nguyện có nói, người bài báng chánh pháp và ngũ nghịch thì không được vãng sanh, vì hai nghiệp này chướng nó rất to, người tạo nó thì vào thẳng ngục A Tỳ, nhiều kiếp chịu hành hình không biết bao giờ ra khỏi. Vì thế, đức Như Lai e rằng người tạo ra hai trọng nghiệp này, khi lâm chung liền bị lôi thẳng, nên phương tiện dùng lời ức chế nói không được vãng sanh, chứ không phải nói là Phật không tiếp dẫn. Lại nữa, trong Hạ phẩm Hạ sanh nói nhiếp thủ người phạm tội ngũ nghịch, mà không nói người ấy có bài báng chánh pháp. Như vậy người ấy đã làm tội ngũ nghịch, không thể bỏ họ bị lưu chuyển mãi, nên Phật phát lòng Đại bi tiếp dẫn vãng sanh, nhưng tội bài báng chánh pháp họ chưa có. Lại nữa, nếu bài báng chánh pháp thì không được sanh, đây là chỉ những người chưa tạo nghiệp mà giải thích. Nếu đã lỡ tạo rồi, đức Phật lại vì lòng từ bi mà tiếp dẫn vãng sanh. Tuy được sanh về cõi Cực lạc, nhưng hoa khép nhiều kiếp, người tạo đại tội thời gian ở trong hoa có 3 thứ chướng ngại:

1. Không được thấy Phật và chư Thánh chúng.
2. Không được nghe chánh pháp.
3. Không được dạo 10 phương Phật cúng dường.

Trừ ba việc trên, không có các khổ. Kinh nói: "Người ở trong hoa sen vui như Tỳ Kheo nhập tam thiên". Nên biết rằng: tuy ở trong hoa sen nhiều kiếp chưa nở vẫn đầy an lạc, đâu chẳng hơn ở trong địa ngục một trời một vực sao?

Từ người này đến tội sanh tử là chỉ nghe pháp niệm Phật mong nhờ lợi ích, có 10 ý:

1. Nói về người này tạo ác nghiệp rất nặng.
2. Nói mạng sắp lâm chung.
3. Khi sắp lâm chung gặp thiện tri thức.
4. Thiện tri thức an ủi khuyên niệm Phật.
5. Người thọ tội bị các khổ bức bách, không làm sao niệm được hiệu Phật.
6. Bạn lành biết quá đau khổ khó nhớ, chuyên dạy miệng niệm lớn danh hiệu Phật A Di Đà.
7. Số niệm nhiều ít mỗi tiếng không gián đoạn.
8. Trừ tội nhiều kiếp.
9. Lâm chung chánh niệm liên có hoa sen vàng đến tiếp dẫn.
10. Khi đi có chậm mau, đến thẳng cõi Cực lạc.

Từ ở trong liên hoa đến hết ý nói: Hoa nở mau chậm không đồng. Sau khi hoa nở có cơ lợi ích, chia làm 3 ý:

1. Hai Bồ tát tuyên giảng pháp nhiệm mầu.
2. Trừ tội hoan hỉ.
3. Sau khi nghe rồi liền phát tâm vô thượng. Có lời khen rằng:

*Bực hạ, hạnh thấp, người hạ căn,
Thập ác, ngũ nghịch và tham sân,
Bốn trọng, khinh tăng, chê chánh pháp,
Chưa từng xấu hổ lỗi đã qua
Lâm chung nghiệp báo đều vãn tập
Lửa dữ địa ngục đốt liên miên,
Chợt gặp vãng sanh thiện tri thức,
Xung mau hiệu Phật dứt oan khiên.
Hóa Phật, Bồ tát nghe tiếng đến,
Một niệm nhứt tâm vào bảo liên
Trong hoa chương nặng ở nhiều kiếp
Lần hồi phát khởi Bồ đề non.*

Mười ba pháp quán trước thuộc Định thiện do Bà Vi Đề Hy hỏi xin đức Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con chánh thọ, đức Như Lai đã đáp xong. Riêng về Ba Phước và Chín Phẩm gọi là Tán thiện do đức Như Lai tự nói vì ở đây do lòng từ bi triệt để nên có phương pháp đặc thù không phải là việc bình thường có thể hiểu.

(còn tiếp)

Vu Lan khóc mẹ hiền



*Trời vào thu, mây trời âm đạm,
Ngày Vu Lan bi thảm buồn ghê!*

*Kiếp người sống gửi thác về,
Sanh ly tử biệt nào nề ai bi!
Nay mẹ đã ra đi vĩnh viễn,
Các con buồn lưu luyến khóc thương.
Họ hàng đau xót khôn lường,
Bạn bè thân thích tiếc thương đường nào!
Giờ mẹ đã đi vào cõi mộng,
Để các con trông ngóng đêm ngày.
Biết chừng nào gặp lại đây?
Nghìn thu vĩnh biệt, sầu ray rức lòng.
Lúc mẹ sống làm xong bổn phận,
Lo chồng con, trọn sống với cha.
Bao năm gầy dựng cửa nhà,
Nuôi con khôn lớn thật là khó thay!
Con những tưởng đêm ngày gần mẹ,
Gia đình mình vui vẻ sống chung.
Nào ngờ nổi gió đùng đùng,
Mẹ mắc bạo bệnh cuối cùng xuôi tay.
Cõi âm dương từ đây cách biệt,
Mẹ ra đi mãi miết không về.
Cửa nhà vắng mẹ buồn ghê!
Cỏ cây héo úa tư bề không vui!
Con tiễn đưa bụi ngùi tất dạ,
Lá vàng rơi lả tả gió thu.
Đêm khuya sương khói mịt mù,
Hồn mẹ phiêu bạt vãn du trăng mờ!
Cầu mẹ sớm lên bờ giải thoát,
Được sanh về Cực Lạc phương Tây.
Con xin quỳ trước mẹ đây,
Thành tâm dâng nén hương này mẹ ơi!
Nay mẹ đã ra người thiên cổ,
Còn ai đâu dạy dỗ trông nom.
Mẹ từng mớm sữa dứt cơn,
Chăm sóc con bệnh sớm hôm không rời.
Công ơn mẹ như trời bể cả,
Biết chừng nào con trả cho xong.
Ấn mẹ canh cánh trong lòng,
Tình thân mẫu tử vẫn không phai mờ.*

Văn Thân

Cây gậy trong nhà Thiền



Thời xưa, đức Phật và Tăng đoàn đi khất thực, các Ngài thường hay sử dụng đến cây gậy. Cây gậy có chỗ còn gọi là cây tích trượng. Kích thước của một cây gậy dài, ngắn không cố định. Tùy theo người sử dụng mà kích thước của cây gậy có dài hoặc ngắn khác nhau. Công dụng của cây gậy là để người ta chống đỡ. Đối với những người già cả chân yếu thì thường dùng gậy chống đỡ để khỏi phải bị vấp té. Có cây gậy thì việc đi đứng tới lui sẽ được dễ dàng hơn. Vì thế, nên người già yếu cần có gậy để chống. Cây gậy tuy nó là vật vô tri, nhưng nó rất trung thành với con người. Và vì thế, nên người ta luôn biết ơn nó. Sớm hôm tối sáng gì nó cũng luôn cận kề bên mình. Nó như là một người bạn chí thân dẫn đường cho mình đi. Ngoài ra, người ta còn sử dụng nó để xua đuổi những loài thú độc như rắn rết dưới bước chân đi. Nhờ đó mà người ta tránh được tai hại của các loại độc vật này.

Như chúng ta đã biết, ở Ấn Độ thời xưa, có rất nhiều loại rắn rết. Những loài vật này rất độc hại có thể cắn chết người. Thường nó hay trú ẩn ở những nơi khe suối lùm rùm có nhiều loại cỏ cây che phủ rậm rạp. Vì thế, nên Phật và các Tăng đoàn thời xưa, khi đi khất thực trải qua những nơi làng mạc vắng vẻ ít người qua lại, có nhiều loại cây cỏ hoang dại mọc um tùm, thì các Ngài cần phải có cây gậy hay tích trượng để xua đuổi chúng. Nên nhớ, thời đó làm gì có những con đường giao thông tráng nhựa sạch sẽ như ngày nay. Riêng cây tích trượng thì có thêm cái tiện lợi là trên đầu cây gậy người ta gắn vài cái khoen bằng kim loại để khi rung lên thì nó tạo thành tiếng kêu lác các leng keng như tiếng chuông. Mỗi khi Phật và Tăng chúng đi khất thực đến trước cửa nhà của vị thí chủ nào, mà người trong nhà không hay biết, thì các Ngài rung chuông để người ta biết mà mang thức ăn ra cúng dường để vào bát.

Đó là nói cây gậy hay tích trượng được sử

dụng trong bình diện thông thường. Ngoài việc sử dụng thông thường ra, ta thấy trong nhà Thiền, các vị Thiền sư cũng thường hay sử dụng cây gậy đánh đập các đệ tử. Mục đích là nhằm thức nhắc cho Thiền sinh phải trực nhận lại cái tánh giác sẵn có của chính mình. Đây là một hình thức để cảnh tỉnh người học đạo. Vì thông thường người tu hành hay hướng ngoại tìm cầu. Mà cái chân lý không phải ở ngoài mình. Đi tìm cái chân lý ở ngoài mình, thì muôn đời vạn kiếp cũng không bao giờ có được tỏ ngộ. Câu nói: “*Phản quan tự kỷ, bốn phân sự, bất từng tha đắc*” của Ngài Huệ Trung Thượng Sĩ đời Trần, dạy cho Vua Trần Nhân Tông đã nói rõ về ý này. Chính nhờ lời dạy này mà nhà Vua đã lãnh hội được yếu chỉ tu Thiền. Cho nên việc các Ngài sử dụng cây gậy để đánh đập các vị đệ tử của mình, mới nhìn qua ta thấy dường như các Ngài thiếu lòng từ bi đạo đức và nếu là thời nay thì người ta sẽ lên án gắt gao cho các Ngài là phạm vào cái tội bạo hành. Và cái tội này sẽ được pháp luật truy tố đưa ra tòa. Tuy nhiên, việc làm đó có phải các Ngài thiếu tấm lòng nhân đức từ bi hay không? xin mời quý độc giả sẽ tìm hiểu qua một vài mẫu chuyện ngắn sau đây mà chúng tôi xin trích dẫn để chứng minh.

1. Cây gậy của Lục Tổ Huệ Năng với Ngài Thần Hội.

Đọc kinh Pháp Bảo Đàn, hẳn chúng ta còn nhớ câu chuyện xảy ra giữa đức Lục Tổ Huệ Năng và Ngài Thần Hội. Năm đó, Ngài Thần Hội còn là Sa di mới 14 tuổi, tuy tuổi còn nhỏ nhưng Ngài rất thông minh, thông suốt Ngũ kinh, hiểu rành Lão Trang. Sau khi xuất gia, Ngài nghiên tầm Phật pháp, thông suốt kinh luật. Thời gian ở chùa Ngọc Tuyên, nghe danh đức Lục Tổ Huệ Năng, bấy giờ Ngài tìm đến yết kiến Lục Tổ. Tổ hỏi:

- “Tri thức từ phương xa nhọc nhằn tìm đến có đem được gốc theo chăng? Nếu có gốc phải biết chủ, thử nói xem?”

Sư thưa:

– Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là chủ.

Tổ bảo:

– Sa di! Ông đâu nên dùng lời đó!

Sư thưa:

– Hòa thượng ngồi thiền là thấy hay chẳng thấy?

Tổ cầm gậy đánh Sư ba gậy, hỏi:

– Ta đánh người đau hay chẳng đau?

Ngài nói:

– Con cũng đau, cũng chẳng đau.

Lục Tổ bảo:

– Ta cũng thấy cũng chẳng thấy.

Ngài hỏi:

– Thế nào cũng thấy, cũng chẳng thấy?

Tổ bảo:

– Ta thấy là thường thấy lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy việc phải quấy của người khác. Ấy là cũng thấy cũng chẳng thấy.

Tổ hỏi: “Người nói cũng đau cũng chẳng đau là sao? Nếu người chẳng đau thì đồng cây cỏ, nếu người nói đau thì đồng với phàm phu ắt khởi tâm giận hờn. Trước người nói thấy cũng chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt. Người không thấy tự tánh mà dám cợt với người”. Sư liền lễ bái sám hối.

Tổ bảo: “Nếu người tâm mê không thấy, nên hỏi thiện tri thức chỉ đường. Nếu người tâm ngộ liền tự thấy tánh, y pháp tu hành. Người đã mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì ta tự biết, đâu thể cái mê cho người. Nếu người tự thấy cũng không thể được cái mê cho ta. Tại sao không tự biết, tự thấy lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy”.

Sư lễ bái hơn trăm lạy, cầu xin sám hối. Từ đây Sư ở lại hầu hạ Tổ không lúc nào rời. (Thiền Sư Thần Hội Giảng Giải tr 8, HT Thích Thanh Từ)

Chúng ta thấy Ngài Thần Hội nhờ ăn ba cây gậy đó của đức Lục Tổ Huệ Năng, mà sau này Ngài trở thành một vị Thiền sư thượng thặng nối tiếp làm hưng thịnh nổi sóng nổi gió của dòng Thiền Tào Khê. Qua câu chuyện trên, Tổ còn cảnh tỉnh cho những ai tu hành mà còn hay thấy bươi móc lỗi của người khác, không chịu

nhìn thấy lỗi mình. Người tu hành thời nay họ thích nhìn thấy lỗi người nhiều hơn là thấy lỗi mình. Rác rến nhà mình thì tràn ngập đầy nhà mà không lo dọn quét, cứ thích cầm chổi đi quét rác rến nhà thiên hạ. Quả đúng với câu: “*Chân mình còn lấm lê mê, mà đi xách đũa quét lại rêu chân người*”. Khác nào như con lươn chề con lịch, nhìn lại cả hai con đều nhớt nhớt như nhau. Vậy mà có mấy ai chịu nhìn thấy mình là lịch, là lươn đâu. Nếu ai cũng ý thức được mình cũng là lươn, là lịch, thì chắc chắn người ta sẽ không còn có thái độ “*bới lông tìm vết, vạch lá tìm sâu*” để rồi phê bình chỉ trích nói xấu chề bai lẫn nhau. Người nào còn mang nặng cái thói quen tật xấu đó, thì Tổ khuyên nên bỏ đi đừng cưu mang nó nữa. Vì người biết thức tỉnh tu hành thì không ai lại có thái độ như thế. Chúng ta hãy nhìn vào cách hành xử của Tổ thì rõ biết. Tuy Ngài ở vào cương vị của một vị Tổ, mà Tổ còn nói: “***Ta thấy là thấy lỗi lầm của ta, còn không thấy là không thấy lỗi lầm của người***”. Câu nói này đối với chúng ta thì phải nói ngược lại: “*Ta thấy là thấy lỗi của người, còn không thấy là không thấy lỗi của mình*”. Người tu hành dù xuất gia hay tại gia, Phật Tổ thường khuyên bảo chúng ta phải nên bồi trần hiệp giác, chứ đừng có bồi giác hiệp trần. Vì như thế thì muôn đời vạn kiếp khổ công tu hành thì cũng không thể nào đạt được giác ngộ và giải thoát. Chỗ khác, đức Lục Tổ cũng có dạy:

*“Bằng thật người tu đạo
Không thấy lỗi thế gian
Vì thấy lỗi thế gian
Thì lỗi mình đã đến bên”.*

Chúng ta có thói quen hay thích làm cảnh sát quốc tế. Tới ngày cứ đi thổi tu hít thiên hạ, chưa bao giờ biết thổi lại chính mình. Bởi vậy mà suốt đời ta lún sâu vào con đường trầm luân đau khổ hệ lụy. Càng thấy lỗi người bao nhiêu thì ta lại càng sanh ra nhiều chuyện thị phi phiền phức bấy nhiêu. Chi bằng:

*Tôi lo quét lá sân lòng
Tôi không quét lá bao đồng thế gian
Lá lòng còn quá ngổn ngang
Ngày đêm lo quét mới an tâm lòng
Bao giờ hết lá thông dong*

*Chỉ còn sân trống mới hòng thành thoi
Bấy giờ mới thật vui chơi
Bấy giờ mới thật thành thoi an nhàn.*

2. Cây gậy của Thiền sư Hy Vận (Hoàng Bá) với Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền.

Thiền Sư Lâm Tế ở hội Hoàng Bá trải qua ba năm, chưa lần nào tham vấn với Thầy mình là Ngài Hoàng Bá. Thủ Tọa là Ngài Trần Tôn Túc thấy Sư oai nghi đức hạnh chu toàn, mới khuyên bảo Sư đến hỏi Hòa thượng Đường Đầu là Ngài Hoàng Bá. Nhờ sự chỉ bảo đốc xúi của Trần Tôn Túc, Sư liền đến hỏi Thiền sư Hoàng Bá:

– Thế nào là đại ý Phật pháp?

Chưa dứt lời Hoàng Bá liền đánh. Cứ thế ba lần hỏi bị ba lần ăn gậy. Buồn quá, Sư định đi nơi khác, vì xét thấy không có nhân duyên với Thầy mình. Biết ý định của Sư, Thủ Tọa đến trước thưa trình với Hòa thượng Hoàng Bá về ý định của Sư. Khi Sư đến trình thưa giả từ, thì Hoàng bá bảo:

– “Chẳng nên đi chỗ nào khác, người đi thẳng đến Cao An chỗ Thiền Sư Đại Ngu, ông ấy sẽ vì người nói.

Sư đến Đại Ngu, Đại Ngu hỏi:

– Ở chỗ nào đến?

Sư thưa:

– Ở Hoàng Bá đến

– Hoàng Bá có dạy lời gì?

– Con ba phen hỏi Đại ý Phật pháp, ba lần bị đánh, chẳng biết con có lỗi hay không lỗi?

– Bà già Hoàng Bá đã vì người chỉ chỗ tốt khổ, lại đến trong ấy hỏi có lỗi không lỗi?

Ngay câu nói ấy, Sư đại ngộ, thưa:

– Xưa nay Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.

Đại Ngu nắm đứng lại, bảo:

– Con quỉ đái dưới sàng, vừa nói có lỗi không lỗi, giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều, người thầy đạo lý gì, nói mau! Nói mau!

Sư liền cho vào hông Đại Ngu ba thoi, Đại Ngu buông ra nói:

– Thầy của người là hoàng bá, chẳng can hệ gì việc của ta. Sư từ tạ Đại Ngu trở về Hoàng Bá.

Hoàng Bá thấy Sư về liền bảo:

– Kẻ này đến đến đi đi, biết bao giờ liễu ngộ.

Sư thưa:

– Chỉ vì tâm lão bà quá thiết tha, nên hơn sự đã xong, đừng hầu.

– Đến đâu về?

– Hôm trước, vâng lời dạy của Hòa thượng đến tham vấn Đại Ngu trở về.

Đại Ngu có lời dạy gì?

Sư liền thuật lại việc trước, Hoàng Bá bảo:

– Lão Đại Ngu này đã buông lời, đợi đến đây ta cho ăn đòn.

Sư tiếp:

– Nói gì đợi đến, ngay bây giờ cho ăn.

Sư liền bước tới sau lưng Hoàng Bá tát một tát, Hoàng bá bảo:

– Gã phong điên này lại đến trong ấy nhỏ râu cọt.

Sư liền hét, Hoàng Bá gọi:

– Thị giả! dẫn gã phong điên này lại nhà thiền...” (Trung Hoa Chư Thiền Đức Hành Trạng tập hai tr 72 của HT Thích Thanh Từ soạn dịch)

Đọc qua mẫu chuyện trên, ta thấy giữa thầy trò đối xử với nhau như có vẻ bạo hành thất lễ, nhưng thật ra đó là lòng từ bi chí thiết của ông Thầy đối với người học trò mình không thể nào dùng lời diễn tả hết được. Nếu Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền không ăn ba cây gậy của Thiền sư Hoàng Bá, thì thử hỏi sau này Ngài làm sao mở rộng nổi thanh tông môn của dòng Thiền Tào Khê vang dội cho đến ngày nay? Ba gậy đó là ba gậy dạy bảo bằng tất cả tấm lòng bi mẫn của một vị Thầy, đã nhìn thấu được cái khả năng giác ngộ tiềm tàng và lãnh hội sâu sắc của người học trò nên cần phải có đủ duyên khai ngộ.

Người học đạo, đôi khi không tỏ ngộ với vị Bổn sư của mình mà lại tỏ ngộ đến một vị thiện tri thức khác. Người xưa, họ đối xử với nhau thật là quá đẹp. Lúc nào cũng muốn cho người đệ tử của mình phải tỏ ngộ bằng hoặc hơn mình. Bởi trò mà hơn thầy thì đó là đại phước. Đó là tấm gương mà người thời nay cần phải nghiên ngẫm suy xét lại trong việc hành xử giữa tình thầy trò với nhau cho phải lễ nghĩa đạo đức. Người nay không thể bắt chước người xưa qua những hành động táo bạo đánh đập như thế được. Căn cơ mỗi thời mỗi khác.

Ngày nay chỉ cần nói hơi nặng lời một chút thôi, thì người đệ tử đã cuốn gói bỏ đi rồi chứ nói chi đến việc đánh đập. Có ăn gậy thì mới nhớ đời và mới thấm sâu vào tận xương tủy của người học. Không một phen tẩm mình trong tuyết giá trời đông thì ta không thể nào tận hưởng hết cái lạnh lẽo của mùa đông được.

Thiền tiếp kỷ xử vật rất là cụ thể. Thiền không giấu giếm điều gì, tất cả đã phơi bày trước mắt ta. Thiền không muốn cho chúng ta phải phiêu lưu trong mê hồn trận của thế giới ngôn ngữ. Vì như thế chỉ là vẽ rắn thêm chân hay “*đầu lại che đầu*” mà thôi. Thiền muốn chúng ta hãy trở về sống với cái hiện hữu thực tại. Bởi lâu nay, chúng ta đã bị chết chìm trong những khái niệm của ngôn từ. Chúng ta thường nhìn theo lăng kính “*Biến kế sở chấp*”, cho sợi dây thừng là con rắn. Đó là những ảo giác tưởng tượng. Do nhận lầm ở nơi các pháp giả cho là thật nên ta mới bị đảo điên đau khổ. Nếu ta nhận rõ sợi dây thừng không phải là con rắn, thì những ảo giác gây ra cho ta đau khổ sẽ không còn. Thiếu cái nhìn “*Trực giác Hiện lượng*”, thì chúng ta sẽ không bao giờ nắm bắt được Thiền. Thiền không có gì cao xa bên ngoài mà ta phải khổ công nhọc sức tìm cầu. Trong bài kệ Cư Trần Lạc Đạo của sơ Tổ Trúc Lâm có hai câu đã cho chúng ta thấy rất rõ điều đó: “*Gia trung hữu bảo hựu tầm mịch, đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền*” Mỗi người đều sẵn có cái kho báu vô giá, xin chớ vọng cầu tìm kiếm ở nơi đâu, chỉ cần đối với sáu trần ta không khởi tâm dính mắc thì còn hỏi Thiền làm gì nữa.

Cái hiện hữu phơi bày một cách trần trụi mà chúng ta lại thích tô điểm vẽ vời làm mất đi cái tính chất hiện thực của nó. Thiền là một nghệ thuật sống, hướng dẫn chúng ta trở lại đầu nguồn của hạnh phúc. Càng nói nhiều chỉ có thể trình bày được những cái kiến giải vay mượn qua những kinh nghiệm có được từ những người khác. Mà như thế, thì chúng ta đã đánh mất thực tại rồi. Cho nên, các Thiền sư không muốn cho người học phải rơi vào những trạng huống không bình thường. Thiền trực tiếp hướng dẫn chúng ta trở về với cuộc sống “*Bình Thường*”.

Ngày kia, có ông đạo hỏi Thiền sư Mục Châu,

một cao tăng ở hậu bán thế kỷ IX:

“Suốt ngày mặc áo ăn cơm, làm sao khỏi mặc áo ăn cơm?” Sư đáp: “Mặc áo, ăn cơm”. Thầy kia trả lời không hiểu. Sư đáp: “Không hiểu thì mặc áo ăn cơm”. Thiền sư Nam Tuyên có câu nói: “*Bình thường tâm thị đạo*”. Ăn cơm, mặc áo, hay làm bất cứ những công việc gì khác, đó là những chuyện rất bình thường. Nhưng khổ nỗi đâu có ai chịu sống “*Bình Thường*” như thế. Vì không sống tiếp xúc được với cái Bình Thường, nên chúng ta thích sống với cái “*Bất Bình Thường*”. Chính vì vậy, nên Phật quả chúng ta tới ngày sống trong điên đảo mê loạn là vậy.

3. Cây gậy của Thiền sư Vân Môn

Đọc thiền sử, ta thấy mỗi Thiền sư có một lối dạy độc đáo khác nhau. Thiền sư Vân Môn, một hôm, Ngài đưa cây gậy lên bảo chúng:

- “*Phàm phu gọi nó là thật, Nhị thừa phân tích gọi nó là không, Viên giác gọi nó là huyền có, Bồ tát thì đương thể tức không, Thiền gia thì thấy cây gậy gọi là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến*”.

Cùng là một cây gậy, mà cách nhìn của mỗi người có khác. Thiền sư dùng cây gậy để tiêu biểu cho vạn pháp. Phàm phu thấy mọi hiện tượng phô bày trước mắt đều cho là thật có. Vì họ đang sống trong vòng vô minh nghiệp thức vọng chấp, nên thấy cái gì cũng đều là thật cả. Giống như người mang kiếng màu đỏ thấy cái gì cũng là màu đỏ. Ngược lại, đối với hàng Nhị thừa, do phân tích theo lối mòn Phật dạy, nên họ thấy các pháp đều là hư huyền. Nói huyền là vì vạn pháp do nhân duyên tạo thành. Đã do nhân duyên, thì không có một pháp nào tự nó hình thành được cả. Như vậy, bản thân của vạn vật đều là vô ngã. Như cây gậy, không phải tự nhiên nó có, mà nó phải nhờ tất cả những thứ khác không phải là cây gậy khi đủ duyên tạo thành ra cây gậy. Như đất, nước, ánh sáng, không khí v.v... những thứ đó không có thứ nào gọi là cây gậy cả. Đã thế, thì tự thể của cây gậy là không tự tánh.

Tuy nhiên, nếu ly khai những thứ đó ra thì

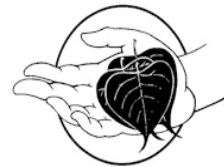
không thể có cây gậy. Đó là cái nhìn phân tích theo lý duyên sinh hay duyên khởi của hàng Nhị thừa. Có, nhưng chỉ là giả có, khác nào như trăng dưới nước, như bóng trong gương. Đối với Bồ tát, cái nhìn của các Ngài không cần phải qua sự phân tích theo lối mòn của Phật dạy mới thấy cây gậy là hư huyền. Mà các Ngài nhìn thẳng vào đương thể của cây gậy thấy rõ thực thể của cây gậy là không. Bởi vì cây gậy không có một thực thể cố định. Đó là “*Tánh Không*” của cây gậy, rộng ra là vạn pháp đều như thế cả. Nên nói “vạn vật đồng như thể” là vậy. Trong Tâm Kinh có câu: “*Thị chư pháp Không Tướng*”, nghĩa là tướng “KHÔNG” của các pháp. Vì tướng không (thật tướng – vô tướng) nên tiếp theo mới nói là bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh v.v...

Đối với các vị Thiên gia thì các Ngài có cái nhìn kỳ đặc hơn. Các Thiên sư không nhìn theo lối mòn mà Phật đã dạy theo hệ giáo lý từ thấp lên cao. Nghĩa là không có cái nhìn xuyên qua các thừa như từng bậc nấc thang giáo lý. Bởi vậy, mới có câu nói là: “*Giáo ngoại biệt truyền*”. Nói một cách nào đó gọi là truyền riêng, nhưng kỳ thật thì không có cái gì gọi là truyền riêng cả. Chẳng qua, các Thiên sư diễn tả cô động khúc chiết bằng một hình thái khác đó thôi. Tại sao như thế? Bởi vì tất cả đều là chân lý. Chân lý là lẽ thật của vạn pháp. Nhìn một sự vật mà còn có khái niệm phân tích thì sự vật đó đâu còn là khách quan, mà là bất sự vật đó phải theo cái lăng kính chủ quan của mình rồi.

Nhìn cây gậy chỉ biết là cây gậy. Thế là đủ lắm rồi. Cần gì phải tô điểm thêm cho cây gậy phải có thêm chân. Đùng có vẽ rồng vẽ rắn thêm chân nhiều quá. Có cái nhìn trực giác hay hiện lượng thì mới thấy đúng với bản thể của sự vật. Như trên cây gậy ta không cần phải có thêm một khái niệm gì khác cả. Như thế thì cây gậy đó nó mới thật sự là cây gậy. Cây gậy, nó không tự nói là tốt hay xấu, là dài hay ngắn... mà tất cả là do chúng ta đặt định cho nó thế này hoặc thế kia thôi. Như thế, là ta đã vo tròn bóp méo cây gậy mất rồi. Nếu nhìn các pháp hiện đời này như nhìn một cây gậy dưới con mắt của Thiên gia, thì cuộc đời này đâu có gì phải tranh chấp, hơn thua, phải trái, tạo nên

những hận thù để rồi đầu đá tàn sát lẫn nhau! Tiếc gì người ta không chịu nhìn như vậy. Do đó mới gây ra lắm điều tang thương hệ lụy và thế giới luôn bị điên đảo, đảo điên thác loạn, không lúc nào an ổn. Hòa bình hay chiến tranh là tùy theo cách nhìn của mỗi người. Vì nhìn theo lăng kính của phàm phu nên cõi đời này không bao giờ có được cuộc sống an bình và nhơn loại sẽ không bao giờ có được hạnh phúc. Muốn có hạnh phúc, sống chung hòa bình, thì mỗi người cần phải điều chỉnh thay đổi cách nhìn theo hướng chánh kiến. Còn có những lối nhìn thiên kiến, hoặc tà kiến, vọng ngoại tìm cầu, thì cuộc đời này vĩnh viễn sẽ không bao giờ có được sự an bình hạnh phúc trong đời sống. Khổ hay vui, hòa bình hay loạn lạc, tất cả đều từ tâm ta tạo lấy. Thiên là tính thức. Nếu chúng ta hằng sống với cái tâm tính thức hay chánh niệm, thì chúng ta sẽ có được một đời sống an lạc hạnh phúc ngay trong thế giới hiện tượng này.

Thanh Trì

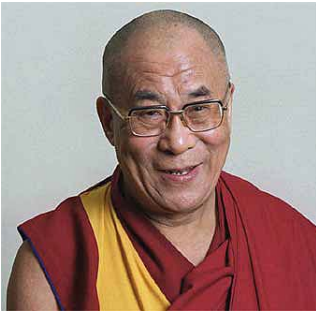


Pháp môn niệm Phật rất nhiệm màu

Thắng diệu trì danh tín nguyện sâu

Sáu chữ Di Đà không niệm khác

Một lòng chuyên niệm giữ bền lâu



ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA THỨ 14

ÁNH MẮT VÀ NỤ CƯỜI

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, vị lãnh đạo tinh thần của người dân Tây Tạng, ngày càng được thế giới biết đến nhiều hơn không chỉ vì những bài dạy thuần túy về giáo lý của Đức Phật mà còn là những cuộc trò chuyện thân mật, thú vị... của Ngài đối với mọi người trên khắp năm Châu.

Sức thu hút đại chúng của Ngài vừa là nội dung của những bài giảng giáo lý chuyên sâu, vừa là những mẫu chuyện đời thường mang đầy ý nghĩa nhân bản, được kể bằng một lối nói chuyện dí dỏm, thật thà từ một bản thể từ bi, độ lượng, bao dung... mà giọng nói, ánh mắt và nụ cười của Ngài là phương tiện chuyên tải tuyệt vời đến người đối diện.

Từ hơn mười năm qua, tôi đã có duyên may được trực tiếp tham dự những buổi dạy của Ngài và cũng rất hạnh phúc được nghe những cuộc trò chuyện của Ngài với quần chúng tại những công viên thuộc thành phố Sydney, nước Úc.

Có thể nói rằng, sau mỗi buổi học, sau từng thời điểm nghe và nhìn Ngài giảng, tôi cảm thấy mình như “đằm tím” hơn, dễ xúc động hơn; để rồi sau mỗi đợt học Giáo Pháp của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni do Ngài truyền dạy, tôi như thấy mình “chín” hơn, an lạc hơn, dễ thông cảm, dễ tha thứ và yêu thương mọi người nhiều hơn.

Có thể nói là tôi đã thường thức đến tận cùng từng giây, từng phút lắng nghe Ngài giảng dạy; cung kính nhìn Ngài với tất cả niềm yêu thương và tôn kính. Nhìn ánh mắt hiền từ, chân chất; nhìn khoé môi cười hóm hỉnh trong sự thật thà của Ngài lúc nói chuyện để rồi tự nhận ra một điều chắc chắn là không dễ gì mình có được nụ cười và ánh mắt như Ngài!

Ánh mắt và nụ cười của Ngài chỉ có thể xuất phát từ nguồn Tâm an lạc, từ lòng Từ bi được huân tập qua bao nhiêu đời trong quá khứ. Bởi trên thực tế, ánh mắt và nụ cười của Ngài là một sự nhất quán với phong thái, cung cách và cử chỉ mà Ngài luôn thể hiện. Tất cả đều rất đơn giản, thật sự đơn giản, không hề có nét phô trương; thật sự khiêm cung nhưng không đồng nghĩa với xuề xòa! Cũng càng không thể là nụ cười được chuẩn bị chu đáo của những người làm chính trị hay ánh nhìn được luyện tập cẩn thận của các nghệ sĩ trên sân khấu!

Là người đã từng nhận được giải Nobel Hoà Bình của thế giới, là vị thầy giảng dạy và tu tập Bồ Đề Tâm, là biểu tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm..., tự chính Ngài đã tạo ra một từ trường, một lực hút, một suối nguồn của tình thương bao la chung quanh Ngài, giữa Ngài và mọi người. Hay nói đúng hơn, hầu như ai nấy đều thấy rất gần gũi với Ngài, không hề có một giới hạn ngăn cách về mặt tâm thức giữa Ngài và mọi người.

Có chăng chỉ là hàng rào bảo vệ mà ban tổ chức các buổi thuyết giảng của Ngài và Chính Phủ Lưu Vong Tây Tạng bắt buộc phải thực hiện để bảo vệ Ngài; bởi Ngài vẫn là người không đồng quan điểm với chính phủ Trung Quốc về vấn đề tự trị của đất nước Tây Tạng.

Hơn nữa, lòng yêu mến đối với Ngài sẽ là động lực cho mọi người mong muốn được đến gần, được cầm tay Ngài, được Ngài xoa đầu hay choàng khăn... sẽ thật sự gây nhiều khó khăn cho Ngài khi mà số người đến nghe Ngài nói chuyện có khi lên đến hơn mười ngàn người!

Như vậy, nếu Ngài chỉ là một vị tu sĩ thuần túy, nếu Ngài không từng là lãnh tụ chính trị

tối cao của đất nước Tây Tạng và nếu Trung Quốc không chiếm đoạt Tây Tạng thì có lẽ hàng rào bảo vệ Ngài sẽ mang hình thức nhẹ nhàng hơn! Lúc bấy giờ khoảng cách vật lý giữa Ngài và quần chúng sẽ được thu ngắn hơn. Nhưng suy cho cùng, điều này không quan trọng! bởi tất cả đều cảm nhận được sự lan tỏa vô hình, bàng bạc trong khoảng không gian giữa Ngài với mọi người là một tình thương bao la, là lòng nhân ái tuyệt vời mà khiến ai nấy đều muốn vươn lên một cuộc sống tâm linh cao cả, thuần khiết.

Chúng ta có thể nhìn thấy nụ cười nhân ái của Ngài ngay từ lúc Ngài bước lên khán đài, chưa một lần tỏ ra quan trọng hay trịnh trọng trong vai trò một diễn giả. Khi nụ cười bật thành tiếng cười thì ngay tức khắc, tiếng cười hồn nhiên như trẻ thơ của Ngài đã trở thành nút nhấn cho cả hàng ngàn tiếng cười vỡ ra trong hội trường hay giữa không gian bao la nơi công viên! Không còn sự ngăn cách trong lúc này! Cũng không có giới hạn hữu hình giữa Ngài và đại chúng; tất cả đã hòa nhập thành một thể nhất quán của hoan hỉ, an lạc và yêu thương! Để rồi từ trong hàng ngàn tiếng cười đó, ngay chính thời điểm đón nhận nụ cười của Ngài và cùng bật lên tiếng cười với Ngài, tôi tin rằng đã có những tấm lòng đang mở ra, đang nhìn lại chính mình để rồi đang thay đổi dần trong cách nhìn nhận về cuộc sống của rất nhiều người.

Nét hồn hậu và sự chân thành đã được bộc lộ hết sức thoải mái và tự nhiên qua tiếng cười của Ngài. Ngài không cười vì ống kính của hàng trăm máy ảnh luôn hiện hữu chung quanh trong tất cả các thời điểm! Ngài cười cả môi, mắt, miệng; cười trọn vẹn trên từng nếp nhăn của khuôn mặt, cười rung cả đôi vai, cười thật sáng khoái... nhưng không hề sỗ sàng! Sức lan tỏa từ nụ cười của Ngài mạnh đến nỗi khiến sau những lần hòa cùng bản “giao hưởng Cười” với Ngài, đại chúng đều nhìn nhau, đều cảm thấy sao những người đứng, ngồi chung quanh mình thật là dễ thương, thật là gần gũi như thử đã yêu thương nhau từ kiếp nào vậy!

Cũng có khi nụ cười được dẫn ra hoặc thu lại để chỉ còn là một nét cười thấp thoáng lúc

Ngài vái chào chia tay đại chúng sau mỗi lần gặp. Nhưng dù chỉ là một nụ cười chúm chím đi chẳng nữa thì cũng đủ làm cho đại chúng ngẩn ngơ, bất động nhìn theo bóng dáng Ngài trong thời khắc chia tay.

Nhưng hình như tạo hóa đã ban cho con người sức mạnh, sự tỏa sáng, uy lực, khả năng cảm hóa và thuyết phục... trong cùng một lúc của cả nụ cười và ánh mắt?

Ánh mắt luôn đồng hành với nụ cười!

Bởi một nụ cười mỉm mai sẽ đi kèm với ánh mắt miệt thị.

Một nụ cười tình tứ nhất định phải đồng điệu với ánh mắt lãng lợ!

Nụ cười chua chát lại rất trùng lặp với ánh mắt căm hờn.

Nụ cười nham hiểm lại ẩn chứa trọn vẹn những mưu toan độc ác trong ánh nhìn!...

Hoặc nụ cười thân thiện lại đi cùng với ánh mắt thật thà, ngay thẳng.

Nụ cười ngọt ngào càng làm cho cửa sổ tâm hồn của chúng ta giăng đầy thương yêu...
Và với Ngài, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, Người được Phật tử tôn vinh là “Phật sống”, thì nụ cười an lạc của Ngài là một sự kết hợp tuyệt vời với ánh mắt nhân từ muôn thuở!

Mắt Ngài sáng lên theo từng tiếng cười. Nụ cười càng hoan hỉ bao nhiêu thì ánh mắt càng nhiều thương yêu bấy nhiêu! Chẳng thế mà biết bao nhiêu người, đem theo cả gia đình, con cái, đi thật sớm đến những nơi Ngài nói chuyện giữa chốn công cộng, để được đứng thật gần với khán đài, để được nhìn thật gần ánh mắt thương yêu và nụ cười hồn hậu của Ngài và cũng để cảm nhận thật sâu xa những lan tỏa kỳ diệu mà “Sóng An Lạc” đang tỏa ra từ Tâm Từ Bi của Ngài.

Có khi đôi mắt vốn nhân từ của Ngài lại càng biểu lộ sự thông cảm, thứ tha, chia sẻ nhiều hơn nữa khi Ngài trả lời những câu hỏi có ít nhiều xúc phạm – theo suy nghĩ đời thường của chúng ta – càng làm cho đại chúng yêu kính Ngài hơn nữa.

Cùng với giọng nói và cách giảng, ánh mắt và

nụ cười đôn hậu, dung dị của Ngài đã làm rung động, làm thốn thức bao trái tim của hàng trăm, hàng ngàn người trên tất cả những vùng đất mà Ngài đã đi qua.

Có những giọt nước mắt đã được cố gắng giữ lại sau khoé mắt mà tâm trạng thốn thức không thể nào che dấu hay những dòng nước mắt đã lăn dài trên khuôn mặt của số đông những con người chưa hề biết Đức Phật là ai? Đạo Phật là gì? Đã nói lên sức mạnh tâm linh vô cùng lớn lao của Ngài đối với nhân loại ngày nay nói chung và những cộng đồng Phật giáo sắc tộc nói riêng.

Người ta muốn đến gặp Ngài, muốn được nhìn thấy Ngài để được nghe những bài Pháp quý báu của Ngài, để được học những bài học làm người tử tế, để được chiêm ngưỡng Ngài, để được thấy Ngài cười, để được cười hoan hỉ cùng Ngài, để được đứng trong vùng ánh mắt bao dung của Ngài... Và cho dù với mục đích nào, thì cảm giác bình an, ấm áp, nhẹ nhàng sẽ theo về cùng mọi người; nhưng giữ được cảm giác đó lâu hay mau là tùy vào phước duyên, và tùy vào sự tu tập của từng người!

Tuy nhiên, trên thực tế, không phải là lúc nào chúng ta cũng bắt gặp được ánh mắt lấp lánh yêu thương cùng nụ cười bao dung hoan hỉ của Ngài. Tôi đã tận mắt thấy được sự khác biệt, sự thay đổi vốn có trên khuôn mặt của Ngài khi đến nghe Ngài nói chuyện với những người con của đất nước Tây Tạng đang sống lưu vong tại Sydney, Australia.

Mỗi ưu tư về một xứ sở Tây Tạng tự trị, niềm khắc khoải được bảo tồn và phát triển một truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đầy bản sắc riêng biệt ngay trên quê hương của mình, lòng bi mẫn về những con dân Tây Tạng đang lưu vong trên khắp thế giới cũng như đang sống tủi buồn cho thân phận quê hương ngay trên cao nguyên Tây Tạng đầy gió tuyết của dãy Hy Mã Lạp Sơn... Tất cả những điều đó đã làm cho ánh mắt và nụ cười của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 không còn giữ được những nét rất riêng mà chúng ta vẫn thường nhìn thấy khi Ngài đối diện với đồng bào của Ngài!

Tôi đứng ngay chính diện của khán đài, tay tựa vào tấm rào chắn hình vòng cung ôm lấy mặt trước khán đài, nơi Ngài đang đứng nhìn xuống hàng ngàn người dân Sydney với đủ thành phần sắc tộc mà đông nhất vẫn là người Úc.

Cộng đồng Tây Tạng thật là nhỏ nhoi, ít ỏi; họ đứng thành nhóm ngay vòng đầu để chờ đợi Ngài như những người con mong cha về.

Vẫn là ánh mắt yêu thương, vẫn là nụ cười độ lượng nhưng hình như có một màn sương khói lãng đãng đang trôi ngang qua giọng nói, ánh nhìn và tiếng cười của Ngài!

Ngay lúc này đây, tôi tự hỏi chính mình: “Liệu Ngài có thật sự giữ được ánh mắt và nụ cười an lạc khi mà mỗi ưu tư về tổ quốc và dân tộc Tây Tạng vẫn còn đang canh cánh bên lòng?”

Hoàng hôn đang chìm dần xuống công viên, màu chiều không chỉ nhuộm tím muôn nẻo đường về mà còn đọng lại trên gương mặt, trên ánh mắt và nụ cười của Đức Đạt Lai Lạt Ma . Không biết ngày mai, chúng tôi có còn cơ hội nhìn lại ánh mắt và nụ cười của Ngài hay không khi mà tuổi của Ngài cũng đang bắt đầu bước vào buổi hoàng hôn của cuộc đời!?

Sydney tháng 6/2013

**Cao Thanh Dung*



(tiếp theo)

79. Vấn đề linh hồn và nghiệp báo.

100 Câu hỏi Phật pháp

Hỏi: Kính bạch Thầy, con nghe người ta nói, con người sau khi chết có một cái hồn tồn tại và rồi đi đầu thai, chứ không có nghiệp báo gì hết. Họ nói như thế có đúng không? Kính xin Thầy giải đáp cho chúng con được rõ.

Đáp: Vấn đề sau khi chết, linh hồn tồn tại hay không tồn tại và linh hồn người chết sẽ đi về đâu? Đây là một vấn đề rất phức tạp, thật khó chứng minh. Vấn đề này, có nhiều luận giải quan niệm khác nhau, tùy theo quan niệm giải thích của mỗi Tôn giáo và tùy theo niềm tin của mỗi người. Tuy nhiên, người Phật tử khi đặt định niềm tin theo một điều gì, chúng ta cần nên phối kiểm tìm hiểu vấn đề bằng lý trí và qua sự sát nghiệm luận cứ kỹ càng, chứ không nên nghe đâu tin đó. Nhất là đối với những người nói bừa không có một luận cứ vững chắc và không có một niềm tin nào cả. Tốt hơn hết là chúng ta nên cẩn trọng trong khi nghe người khác nói.

Qua câu hỏi trên, nếu phải luận giải cặn kẽ rõ ràng, thì thật là dài dòng. Ở đây, chúng tôi chỉ dựa theo quan điểm của Phật giáo, mà xin được trình bày góp ý qua một vài nhận xét thô thiển của chúng tôi, còn vấn đề tin hay không là tùy ý ở nơi mỗi người.

Bảo rằng, con người sau khi chết còn có một cái hồn tồn tại và rồi đi đầu thai, chứ không có nghiệp báo gì hết, theo Phật giáo, thì quan niệm lý giải đó không thể chấp nhận được. Phật giáo không chấp nhận có một linh hồn bất tử. Vì đó là lối chấp của ngoại đạo. Ngày xưa, thời Phật, có 2 phái ngoại đạo nêu ra 2 chủ thuyết: một là « Thường kiến » hai là « Đoạn kiến ». Phái Thường kiến cho rằng, linh hồn con người mãi mãi là con người, dù có tạo tội ác đến đâu, chết rồi cũng tái sinh trở lại làm người.

Ngược lại, phái Đoạn PHƯỚC THÁI kiến thì cho rằng, con người sau khi chết là không có linh hồn tồn tại đời sau, nghĩa là mất hẳn. Họ chấp như thế, nên Phật gọi họ là phái Đoạn diệt hay Đoạn kiến. Vì quan niệm và tin như thế, nên họ tha hồ làm ác, vì không có tội lỗi quả báo ở đời sau. Đây là 2 phái gây tác hại lớn làm đại loạn trật tự an bình cho xã hội. Hai phái này, theo chủ trương của họ là, không có nhân quả báo ứng. Nhưng chúng ta đừng quên rằng, nhân quả là một chân lý phổ biến, tiềm tàng trong mọi sự vật và chi phối tất cả. Không một loài nào thoát khỏi nhân quả. Do Phật sau khi giác ngộ chân lý, Ngài nói ra cho chúng ta biết như thế.

Vì căn cứ theo luật nhân quả mà nhà Phật nêu ra thuyết nghiệp báo. Hễ chúng ta gây tạo nghiệp nhân gì, sớm hay muộn gì cũng phải có kết quả. Phật giáo không chấp nhận có một linh hồn bất tử như thế. Vì như thế là rơi vào lối chấp thân ngã của ngoại đạo như đã nói ở trên.

Theo Phật giáo, tất cả đều do nhân duyên sanh. Nghiệp báo cũng từ nhân duyên, nhân quả mà hình thành. Theo Duyên khởi luận của Phật giáo, trong đó, có nêu ra thuyết A lại da duyên khởi. Thuyết này thuộc Đại thừa thi giáo. A lại da là thức thứ tám sau thức Mạt na. Thức này còn gọi là Tàng thức. Là cái thức trùm chứa tất cả chủng tử thiện ác. Nói Tàng thức, vì thức này có 3 công năng: « năng tàng, sở tàng và ngã ái chấp tàng ».

Năng tàng là thức này có khả năng hay dung chứa tất cả pháp. Sở tàng là khả năng để đựng chứa chủng tử các pháp. Do 2

công năng này, nên khi chúng ta gây tạo nghiệp thiện ác, thì tất cả những hạt giống thiện ác đó đều được huân chứa vào cái kho Tạng thức này. Đến khi đủ nhân duyên, thì những chủng tử ấy phát khởi hiện hành. Những chủng tử (hạt giống) được cất giữ vào trong kho này gọi đó là nghiệp thức. Chính cái nghiệp thức này là chủ động theo duyên mà tiếp nối thọ sanh đời sau. Nhà Phật gọi đây là tiếp nối vòng sanh tử luân hồi trong Lục đạo (Trời, người, A tu la, địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh).

Như vậy, theo thuyết nghiệp cảm duyên khởi và A lại da duyên khởi của Phật giáo, thì mỗi ý nghĩ, lời nói, hành động của 3 nghiệp: thân, miệng, ý tạo tác của chúng ta, đều được cất giữ trong cái kho Tạng thức này hết, không sót mất một hạt giống thiện ác nào.

Dụ như một thửa đất chúng ta gieo nhiều loại hạt giống khác nhau, khi mới gieo xuống ta không thấy chúng nảy mầm lên, vì không thấy nên ta tưởng là chúng bị mất hay không lên, nhưng khi gặp mưa ướt đất, đủ duyên, thì chúng lại nảy mầm lên. Khi nảy mầm lên, thì giống nào nảy mầm theo giống nấy. Như hạt cam, hạt ổi, hạt ớt v.v... mỗi thứ lên khác nhau, chúng không bao giờ lộn lạo. Khi chưa đủ duyên, chúng nằm yên đó, chớ không bao giờ mất.

Cũng thế, nếu hiện đời, chúng ta huân tập nhiều hạt giống lành như niệm Phật, làm lành, làm phước v.v... vào Tạng thức, thì chính những hạt giống đó nó có công năng dẫn dắt chúng ta đến cảnh giới lành sanh ra, để tiếp tục hưởng những quả báo tốt đẹp mà do chúng ta đã gây tạo trong hiện đời này. Nhà Phật gọi đó là nghiệp dẫn. Ngược lại, nếu chúng ta tạo nghiệp ác thì cũng như thế. Nên nói, tùy nghiệp thọ sanh là vậy. Nên biết, nghiệp là hành động lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. Chính thói quen này khi thuần thực, thì nó có một sức mạnh phi thường để tùy duyên chiêu cảm thọ sanh.

Như người ghiền cờ bạc, họ đi kiếm nơi nào có sòng bài, thì họ nhào vô chơi. Người ghiền nhạc, thì đi tìm phòng nhạc để ca hát v.v... Khi tập thói quen, dĩ nhiên có thói quen tốt và có thói quen xấu. Thói quen tốt hay thói quen xấu, một khi đã tiêm nhiễm thành ghiền nặng rồi, thì chính thói quen đó nó dẫn dắt chúng ta, tùy theo sở thích mà chiêu cảm, Thói quen hay sở thích nào nặng (cực trọng nghiệp), thì nó có một năng lực rất mạnh để tìm đến môi trường thích hợp mà thọ sanh, nên gọi là nghiệp cảm. Về điểm này, trong Quy Sơn Cảnh Sách, Tổ Quy Sơn cũng có nói: *“Như nhơn phụ trái, cường giả tiên khiên, tâm tự đa đoan, trọng xử thiên trụ”*. Nghĩa là: *Như kẻ mắc nợ, ai mạnh kéo trước, trong tâm nhiều mối, nặng đâu sa đó*.

Thường ta nghe trong kinh nói, người khi chết, thần thức xuất ra. Nói thần thức, chính là cái nghiệp thức A lại da, nói rõ ra là những chủng tử thiện hoặc ác đã kết thành nghiệp. Và chính nghiệp thức này là đầu mối của việc thọ sanh đời sau đó vậy.

Người đời vì không biết, nên cho là có một cái linh hồn đi đầu thai. Chũ đầu thai có nghĩa là có một cái hồn nhảy vào cái bào thai để thọ thai. Hiểu như thế, thì không phù hợp với hai thuyết: Nghiệp cảm và A lại da duyên khởi của Phật giáo như đã nói ở trên. Không phải có một cái linh hồn đi đầu này đầu kia để kiếm đường chui vào một chỗ nào đó. Theo thuyết A lại da duyên khởi, thì không chấp nhận quan niệm đó. Vì trong thức này có đủ chủng tử hữu lậu và chủng tử vô lậu. Chủng tử hữu lậu là những hạt giống tùy duyên mà phát sanh ra thiên sai vạn biệt, tức hiện tượng giới; còn chủng tử vô lậu, có thể đưa đến chỗ giải thoát.

Tóm lại, người nào đó nói rằng sau khi con người chết, có một cái hồn tồn tại đi đầu thai và không có nghiệp báo gì hết, thì điều này như chúng tôi đã tạm nêu ra đôi nét

giải thích trên, thì quan niệm đó không đúng.

Trong quyển Quy Sơn Cảnh Sách giảng giải của Thiền Sư Thích Thanh Từ ở trang 77 có đoạn Hòa Thượng nói: “Người thế gian cho rằng mọi người đều riêng có một linh hồn là cái tính linh khôn ngoan sáng suốt, mà đã khôn ngoan thì sao lại chịu vào nơi khổ? Ai cũng nghĩ rằng sau khi chết linh hồn mình sẽ sinh ra làm người nữa và chấp chặt cho linh hồn đó là mình.

Đạo Phật thì gọi đó là tâm thức. Cái tâm thức này tùy theo chỗ huân tập thiện ác mà đến, chứ không cố định. Vì không cố định nên nó không phải là cái khôn ngoan biết lựa chọn, mà chỉ tùy nghiệp mà thôi. Tâm thức khác linh hồn ở chỗ đó. Nếu nói chúng ta có linh hồn thì sẽ tưởng như đó là một tinh thần duy nhất, nếu là duy nhất cố định thì thiện ác, mãi mãi không thay đổi. Nhưng tâm thức chúng ta luôn luôn biến chuyển, gần người lành thì hấp thụ điều lành, gần kẻ ác thì hấp thụ điều ác. Như vậy, tâm thức là một dòng thiện ác sanh diệt, chính dòng thiện ác đó sẽ đưa chúng ta đến chỗ lành hay dữ, nghiệp nào nặng sẽ lôi mình trước, đó là ý Tổ Quy Sơn nói “trọng xử thiên trụ”.

Như vậy, Phật giáo không chấp nhận có một cái linh hồn trước sau như nút và càng không chấp nhận cái hồn đó đi đâu thai, như người đời lầm tưởng. Còn bảo rằng không có nghiệp báo gì hết, quan niệm này, theo Phật giáo cho đó là thuộc hạng người Nhứt xiển đề, tức bất tín cụ. Đây là hạng người họ không có lòng tin nhân quả. Chẳng những không tin mà họ còn bài bác nhân quả nữa. Hạng người như thế, thật chúng ta khó trao đổi luận giải với họ được.

Như đã nói, thuyết nghiệp báo là đặt định trên chiều thời gian nhân quả mà nói. Người nói như thế, thiết nghĩ, họ chưa tìm hiểu về thuyết nghiệp báo. Và chưa hiểu

ngiệp là gì. Nếu vì chưa hiểu, thì tốt hơn hết là nên tìm hiểu, chứ không nên nói càn bướng mà chuốc lấy khổ lụy vào thân. Thật là một tai hại vô cùng và thật đáng thương xót lắm thay!

80. Số mạng và nghiệp báo đồng hay khác ?

Hỏi: Kính bạch Thầy, con chưa hiểu rõ giữa số mạng và nghiệp báo giống nhau hay khác nhau? Kính xin Thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ. Con cảm ơn Thầy.

Đáp: Theo Nho giáo, con người sinh ra đời, mỗi người đều có số mạng hay thiên mạng định sẵn. Chính vì thế mà người ta thường nói đùa là giày dép còn có số, Tuy đây là câu nói đùa, nhưng ngầm ý là muốn nói mỗi người đều có số đã được một bàn tay nào đó đã đặt định an bày sẵn. Như những việc thành bại, thanh suy, nhục vinh, vui khổ v.v... ở đời mỗi mỗi đều do trời sắp đặt cho. Bởi thế nên mới có câu nói: “nhứt ẩm nhứt trác giai do tiên định”. Nghĩa là một miếng ăn một miếng uống đều đã được an bày sẵn trước.

Theo nhà Phật, thì cho những điều xảy ra mà con người phải nhận lãnh, gọi đó là nghiệp báo. Nghiệp báo là cái nhân do chúng ta tạo từ trong quá khứ, nay sanh ra đời phải chịu thọ lãnh, như tật nguyên hay đau ốm v.v... Nghiệp là nhân đã tạo, báo là quả phải trả. Như vậy, nếu đứng về mặt sẵn có, thì cả hai bên đều thừa nhận như nhau.

Sự sai biệt của mỗi người ngay từ lúc khởi đầu trong cuộc sống là một chứng minh cho điều đó. Sự sai khác này do ai đặt định? Nho nói: “Số trước đã định”. Phật nói: “Nghiệp trước gây nên”. Nghĩa là cả hai bên đều thừa nhận có cái sẵn từ trước. Chẳng qua chỉ dùng từ ngữ diễn tả khác nhau mà thôi. Một bên nói số, một bên nói nghiệp. Như vậy, cả hai bên giữa nhà Nho và nhà Phật chấp nhận giống nhau. Tuy

nhiên, vấn đề này, nếu xét sâu hơn, chúng ta thấy có rất nhiều điểm không giống nhau. Không giống nhau về nguyên nhân, về xuất phát, về cảm thọ, về hoán cải và về định chế v.v...

Về nguyên nhân và xuất phát. Người tin vào số mạng hay thiên mạng, thì suốt đời ta không cải đổi được. Như số đã định nghèo, thì suốt đời phải chịu nghèo, không thể nào cất đầu lên nổi. Ngược lại người giàu có cũng thế. Như vậy, là ta phải bó tay cam chịu trong cái khuôn định sẵn, suốt đời không thoát ra được. Đã thế, thì còn gì là giá trị ý nghĩa của sự sống? Số định cho ta vui, thì ta vui; số định cho ta khổ, thì ta khổ. Nghĩa là mọi việc ta đều thả trôi buông xuôi theo số phận, tới đâu hay đó.

Như thế, quả ta là kẻ bất lực, vô trách nhiệm gởi gắm thân phận mình cho một cái viễn vông mơ hồ, mà ta không hề biết. Với tinh thần khoa học thực tế, thì không ai có thể chấp nhận được vấn đề này. Thế thì, nếu xét về nguyên nhân, xuất phát, thì ta không biết do ai gây ra, cứ đổ trút cho số phận hay trời đã định là xong chuyện.

Phật giáo, với thuyết nghiệp báo, không chấp nhận như thế. Theo Phật giáo, bất cứ việc gì xảy ra trên cõi đời này, dù nhỏ hay lớn, dù hữu hình hay vô hình, tất cả đều phải có nguyên nhân cả. Không có một việc gì gọi là tự nhiên hay khi không mà có. Theo thuyết nghiệp báo, thì đời này ta chịu khổ đau hay vui sướng, đó là kết quả của đời trước hay nhiều đời trước mà chính do ta đã gây ra. Không một bàn tay nào tạo thế cho ta. Mình làm mình chịu trách nhiệm, không đổ thừa, đổ thác cho ai cả. “*Đã mang lấy nghiệp vào thân, cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa*” (Truyện Kiều). Như đời nay sanh ra ta bị nghèo khổ, sống trong cảnh cơ cực lầm than, bởi do đời trước ta không tu hạnh bố thí. Thấy ai nghèo khổ đói khát, ta ngoảnh mặt làm ngơ, không một chút từ tâm thương xót. Nếu ra một

việc nhỏ như thế, để từ đó chúng ta có thể xét đến trăm ngàn việc khác.

Về cảm thọ và hoán cải hay định chế. Người tin vào số mạng cho rằng, làm sao đổi được số? Nhất là số trời đã định còn ai dám can thiệp vào. Trời đã định, không dám làm trái lòng trời. Người Phật tử tin vào thuyết nghiệp báo thì không như thế. Vì nghiệp có thể chuyển đổi được. Cho nên nói, tu là chuyển nghiệp.

Như người xưa kia có tánh nóng nảy hay sân si, nay biết tu chuyển đổi bỏ bớt. Hay như người nghiện ngập cờ bạc, hút xách, rượu chè say sưa v.v... vì trước kia mê làm nên tạo lắm điều khổ mình khổ người, nay tỉnh giác hồi đầu hồi cải sửa sai, quyết định cai bỏ nghiện ngập và từ đó, họ có một đời sống thay đổi an vui hạnh phúc cho bản thân và gia đình.

Thế thì, nghiệp lực có thể chuyển được từ xấu trở thành tốt, chớ không phải cố định cứng ngắc, theo kiểu trời kêu sao dạ vậy. Nếu tin vào một định chế bất di bất dịch, thì xã hội này làm sao cải tiến và mọi người phó thác cho định mệnh, không thể nào vươn lên cầu tiến. Như thế, thì thử hỏi làm sao cá nhân, gia đình và xã hội tiến bộ được? Người tin vào số mạng, theo kiểu định kiến, thì chỉ còn có nước ngồi đó khoanh tay chờ chết, chớ làm sao cải đổi cho được. Như thế thì trách nhiệm con người ở đâu? Và như thế, thì xã hội sẽ trở thành lạc hậu mất rồi!

Tóm lại, giữa số mạng hay thiên mạng và nghiệp báo thật khác nhau rất xa. Chỉ giống nhau một điểm là cái sẵn có như trên đã nói qua. Ngoài ra, tất cả đều dị biệt. Để so sánh rõ hơn về vấn đề này, sau đây, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn so sánh phê bình giữa thuyết số mạng và nghiệp báo trong quyển sách *Hé Mở Cửa Giải Thoát* do Thiền Sư Thích Thanh Từ biên soạn. Ở đoạn kết luận Phê bình, trang 64, Hòa Thượng có nêu ra

so sánh phê bình như sau: “*Nói số mạng là mơ hồ không xác thực. Nghiệp báo là thực tế rõ ràng. Thuyết số mạng đưa con người vô trách nhiệm về hành động của mình. Nghiệp báo dạy người nhận lấy trách nhiệm do mọi hậu quả tốt xấu đến với mình. Số mạng khiến con người thụ động, tiêu cực phó thác liều lĩnh. Nghiệp báo xây dựng con người chủ động, tích cực, nỗ lực và sáng tạo. Số mạng tập con người yếu đuối, an phận đầu hàng. Nghiệp báo chỉ cho ta phải cố gắng can đảm và thăng tiến. Số mạng thích hợp với thời quân chủ phong kiến. Nghiệp báo thích hợp với thời dân chủ tự do. Ứng dụng thuyết nghiệp báo trong cuộc sống, chúng ta thấy mình đồ sộ hiên ngang đầy đủ quyền năng trong cuộc kiến tạo con người và vũ trụ”.*

81. Vấn đề hộ niệm cho người sắp lâm chung.

Hỏi: *Con nghe nói hộ niệm vãng sanh, nhứt là cho người hấp hối sắp chết, nhưng con không hiểu phải hộ niệm như thế nào mới đúng cách? và phải làm sao cho người chết được lợi lạc vãng sanh? Kính xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy cho chúng con được hiểu rõ.*

Đáp: Đây là một vấn đề rất hệ trọng đối với những người tu theo pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh. Những người mà tịnh nghiệp của họ đã thuần thực, hiện đời họ đã niệm Phật chứng được niệm Phật Tam Muội, tức được nhất tâm bất loạn, Thánh cảnh hiện tiền rồi, thì việc hộ niệm không cần thiết nữa. Vì họ đã vãng sanh ngay trong hiện đời rồi. Thật ra, trong thời mạt pháp này, đối với hạng người này thật không phải dễ có. Đó phải là bậc thượng căn thượng trí mới có được.

Ngoài ra, nếu chưa được như thế, thì giờ phút sắp lâm chung, đối với việc hộ niệm hay trợ niệm là điều tối thiết yếu, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên tìm hiểu thật

kỹ về vấn đề này.

Trong khuôn khổ giới hạn của trang giấy phạm vi vấn đáp, chúng tôi không thể nào trình bày cho tận tường chi tiết hết được. Ở đây, chúng tôi chỉ xin được trình bày một cách khái yếu vấn đề mà thôi.

Đời người, khi sắp mất, hay cuối nẻo đường trần có 3 lối rẽ để đi. Một là tiến thẳng lên Thánh đạo, vãng sanh Cực Lạc tức thời, lối đi này chỉ dành cho những người cực thiện. Hai là lối đi vào thiện đạo và ba là lối đi vào ác đạo. Lối đi vào thiện đạo dù có được tốt đẹp ít khổ, nhưng vẫn còn quanh quẩn luân chuyển vào nhơn đạo hoặc thiên đạo. Thứ ba là lối đi vào ác đạo, đây là con đường trầm luân thọ khổ muôn kiếp, mà không một ai muốn bước chân vào. Tuy không muốn, nhưng nghiệp ác hiện đời đã gây tạo, thì phải tránh như thế nào đây? Cho nên đối với hai hạng người sau này, thì việc hộ niệm trong giờ phút sắp lâm chung thật vô cùng quan yếu. Nhưng phải hộ niệm như thế nào để cho người sắp lâm chung mới được lợi lạc vãng sanh? Đó là điều mà người đóng vai trò hộ niệm giúp cho những người sắp chết, thiết nghĩ, cũng cần nên biết qua.

Hai chữ hộ niệm có nghĩa là giúp cho người sắp chết có được chánh niệm. Chữ niệm này, có nghĩa là chánh niệm. Nói cách khác là mình giúp (hộ) cho họ nhớ (niệm) Phật, tức đồng với tâm niệm Phật, vì tâm niệm Phật là chánh nhân thành Phật. Vì muốn nhắc nhở người bệnh luôn nhớ đến Phật, mà không nhớ đến duyên trần, vì nhớ đến duyên trần là mất chánh niệm hay tịnh niệm, thì rất trở ngại cho việc vãng sanh. Do đó, mà người hộ niệm là chiếc phao nổi để người bệnh sắp chết nương vào. Vì sao? Vì lúc này, người bệnh tứ chi đau nhức rã rời, nếu là người bị mang chứng bệnh nan y, như ung thư chẳng hạn, thì sự hành hạ xác thân, bởi cơn đau nhức hoành hành thật là khó tả. Do đó, tâm thần của họ dễ bị tán

loạn, dù cho bình thường, họ có công phu niệm Phật, nhưng vì chưa đạt đến chỗ thuần thực, nên dễ bị tán tâm. Bởi thế, nên họ rất cần người khác hộ niệm. Lúc này, người bệnh hoàn toàn mất hết tự chủ, tinh thần rối loạn, nghĩ nhớ lung tung, thật khó tập trung vào câu hiệu Phật. Nên người hộ niệm phải giúp cho họ tập trung tinh thần về với chánh niệm bằng cách chỉ thành tha thiết niệm Phật.

Điều ta nên nhớ, người bệnh vừa dứt hơi thở, nhưng chưa thật chết hẳn, thần thức chưa hoàn toàn rời khỏi thể xác, ít nhất là 2 tiếng đồng hồ, nên giờ phút này, vẫn còn rất cần thiết cho việc hộ niệm, niệm Phật.

Người bệnh được vãng sanh hay không, ngoài phần chánh nhân tu niệm bình nhật của họ ra, phần lớn là nhờ vào giờ phút hộ niệm này. Do đó, những người thân quyến hay con cháu trong gia đình, là những nhân tố chánh giúp cho người thân của mình không bị đọa lạc vào cảnh khổ. Nếu giờ phút quan trọng này, mà thân nhân hay bạn bè, không biết cách hộ niệm, chẳng những không niệm Phật giúp cho người thân mình có thêm chánh niệm, trái lại, còn gây thêm cho họ nhiều rối loạn, lo âu, buồn bực v.v... thì thật là tai hại nguy hiểm vô cùng. Cho nên, nếu mọi người thật sự thương thân nhân của mình, thì chỉ nên một lòng chấp tay tha thiết mà thành tâm niệm Phật.

Ngoài ra, không nên có thái độ hay lời nói gây xúc phạm đến người bệnh sắp lâm chung. Vì lúc này hơn bao giờ hết, người bệnh dễ hay sanh bực tức giận hờn.

Cách hay nhất trong giờ phút này, nên cần có ít nhất là một người biết cách trợ niệm, để giúp đỡ chỉ bảo mọi việc cho thân nhân và bạn bè. Người này rất là cần thiết. Vì thân nhân của người sắp chết, ai nấy đều tỏ ra rất bối rối lo buồn, nên không còn đủ bình tĩnh để lo trợ niệm giúp đỡ cho bệnh nhơn.

Thế nên, theo kinh nghiệm của chúng tôi, thì phải có người thông hiểu mọi việc hộ niệm túc trực bên cạnh bệnh nhơn, vừa nhắc nhở bệnh nhơn niệm Phật, vừa khuyên nhủ thức nhắc bằng những lời pháp ngữ cảnh tỉnh, để bệnh nhơn tăng thêm đạo lực tín tâm và dễ được định tâm niệm Phật hơn. Bởi vậy, những người hộ niệm này, phải được thay phiên nhau niệm Phật liên tục, tùy hoàn cảnh mà khéo léo dùng chước phương tiện để giúp cho bệnh nhơn và trong thân quyến. Điều này, thật rất là cần thiết quan trọng. Người hộ niệm phải có tấm lòng bi cảm và hòa ái nhẫn nại đối với bệnh nhơn. Đó là thể hiện lòng từ bi vị tha nhân ái cao cả của Bồ tát Quán Thế Âm.

Tóm lại, muốn cho việc hộ niệm vãng sanh đạt được kết quả cao, theo thiện nghĩ của chúng tôi, cần phải hội đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện qua 3 yếu tố quan trọng như sau :

- I. Người hộ niệm
- II. Bệnh nhơn.
- III. Thân bằng quyến thuộc.

I. Người hộ niệm.

Đối với người hộ niệm đóng một vai trò chủ chốt rất quan trọng trong việc hộ niệm, nên cần phải thông hiểu về việc hộ niệm này. Sau đây là những điều mà người hộ niệm cần biết:

1. Nên khuyên bảo thân quyến và sắp xếp mọi việc cần thiết trong lúc hộ niệm cho người bệnh hấp hối sắp lâm chung. Tối kỵ nhất là gây xáo trộn khóc than trong giờ phút này. Những ai không dẫn lòng được xúc động, thì tốt hơn hết là nên mời họ bước ra ngoài, đừng để bệnh nhơn nghe tiếng khóc than.

2. Thái độ và cung cách, như là lời nói đối với người bệnh phải hiền hòa dịu ngọt, nên khuyên nhắc người bệnh nhớ niệm Phật và

cần gọi lại những công hạnh mà người bệnh đã thực hiện.

3. Ngoài việc niệm Phật và khuyến nhắc bệnh nhơn ra, tuyệt đối không được nói lời gì khác, mà gây cho bệnh nhơn không vui dễ mất tín tâm và tán loạn.

4. Tùy trường hợp, hoàn cảnh nơi bệnh nhơn nằm, mà linh động niệm Phật to tiếng hoặc nhỏ tiếng, tốt hơn hết là chỉ niệm Phật cho bệnh nhơn vừa đủ nghe, không nhỏ quá và cũng không nên lớn tiếng quá. Theo kinh nghiệm cho biết, lúc này, càng niệm lớn tiếng, bệnh nhơn càng không nghe rõ. Tốt hơn hết, là nên niệm vừa đủ cho bệnh nhơn nghe thôi. Và khi niệm, phải niệm đủ 6 chữ : Nam Mô A Di Đà Phật. Phải niệm chậm rãi và từng chữ cho thật rõ ràng.

5. Phải thay phiên nhau niệm Phật liên tục không cho gián đoạn, cần khuyến khích thân nhân cùng thay phiên nhau niệm Phật. Trong phòng bệnh, ngoài tiếng niệm Phật ra, tuyệt đối phải giữ yên lặng, không được nói chuyện ồn ào làm loạn tâm bệnh nhơn vô ích.

6. Khi người bệnh đã thật sự tắt thở, cứ để như vậy mà chí thành niệm Phật liên tục, không nên sửa làm động dậy bệnh nhơn, ít nhất là 2 tiếng đồng hồ. Điều này rất quan trọng, chúng ta cần phải lưu ý. Vì khi bệnh nhơn mới tắt thở, thần thức chưa rời khỏi xác thân. Nên rất cần trọng quan tâm về vấn đề này. Còn nhiều chi tiết khác, nhưng ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra 6 điều quan trọng mà người hộ niệm cần ghi nhớ trong khi hộ niệm mà thôi.

II. Bệnh nhân.

Người bệnh là yếu nhân chính trong việc quyết định cuộc đời mình. Đây là giờ phút quan trọng để mình quyết định cho sự chọn lựa. Nếu là một liên hữu đã phát nguyện niệm Phật cầu vãng sanh, thì trong lúc bệnh

nặng, nên buông bỏ tất cả duyên trần, không bận tâm với bất cứ vấn đề gì, nhứt là đối với việc gia đình nhà cửa con cháu v.v... Không ai thương mình bằng chính mình thương mình. Trước giờ phút phân ly đôi ngã, dù đó là người thân yêu nhất đời mình, họ cũng không thể nào thay thế được gì cho mình.

Trong nỗi niềm cô đơn tuyệt vọng, cái chết gần kề với mình, thì thử hỏi mình còn tham đắm luyến tiếc thứ gì nữa chớ! Nghĩ thế, mình nên dốc hết tâm lực còn chút hơi tàn mà quyết lòng niệm Phật cầu sanh Tây phương, theo bản nguyện sanh tiền của mình đã phát nguyện. Nên nhớ đến lời khuyên dạy chí tình chí thiết của Hòa Thượng Thiện Đạo, vị Tổ thứ hai của Liên Tông. Ngài thường khuyên dạy cho những người tu Tịnh độ, niệm Phật như sau: *“Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh độ, thì điểm cần yếu là đừng sợ chết. Phải thường nghĩ thân này như nhóp, biết bao điều khổ lụy trôi vây! Nếu bỏ được thân huyễn hôi như, sanh về Cực Lạc thọ thân kim cương thanh tịnh, sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô sự an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách đôi lầy đồ trần phục, còn điều chi đáng thích ý bằng! Nghĩ như thế, buông hẳn thân tâm không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bệnh, liền tưởng đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà. Nếu có ai đến thăm, chỉ khuyên nên vì mình niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác...”*

Đó là chúng tôi trích dẫn một đoạn khuyến nhắc của Ngài, để chúng ta nhớ đến mà hết lòng niệm Phật. Nên biết, Tổ Thiện Đạo là hóa thân của đức Phật A Di Đà. Lời Ngài dạy thật là thiết tha bi mẫn. Đây là lời khuyên chung của Tổ, không nhứt thiết là chỉ có liên hữu không thôi. Nếu ai nghe theo lời khuyên dạy này của Ngài, mà thật tâm tha thiết hành trì, dốc lòng niệm Phật,

thì cũng được lợi lạc vãng sanh về Cực Lạc.

Xin tất cả hãy nghĩ đến tương lai sướng hay khổ của đời mình mà tự mình phải cố gắng buông bỏ tất cả, chỉ có một con đường trước mắt là niệm Phật cầu vãng sanh về Cực Lạc mà thôi. Hãy nhớ đến bản nguyện của đức Từ Phụ A Di Đà lúc nào Ngài cũng sẵn sàng chờ đón chúng ta. Đó là trọng tâm chính yếu mà người bệnh sắp lâm chung cần ghi nhớ thực hành để được lợi lạc cho chính mình.

III. Thân bằng quyến thuộc.

Việc hộ niệm người bệnh được vãng sanh hay không, những người trong thân quyến đóng vai trò không kém phần quan trọng. Nếu thật sự thương thân nhân của mình trong giờ phút quyết định cuộc đời vui hay khổ này, y cứ theo lời chư Phật Tổ chỉ dạy, chúng tôi xin thành thật có đôi lời khuyên nhắc chung qua một vài điều thiết yếu sau đây:

1. Phải tỏ thái độ có lòng thương kính từ ái và tuyệt đối không được dùng lời nói mất hòa khí trong gia đình. Tuyệt đối, không nên đem việc nhà ra bàn luận. Nếu để cho người bệnh biết được những sự việc không hay xảy ra, thì sẽ gây tác hại lớn cho việc vãng sanh, vì người bệnh sẽ phiền muộn, tham, sân, si nổi lên dễ sa vào ác đạo như tên bắn.

2. Phải làm và nghe theo sự thúc nhắc, sắp xếp của người có trách nhiệm hộ niệm cho thân nhân của mình. Những người này, họ vì thân nhân của mình mà hết lòng hộ niệm, nên chúng ta cần tôn trọng những lời chỉ bảo của họ.

3. Không nên kêu khóc lớn tiếng và kể lể bất cứ điều gì, chỉ một bề niệm Phật. Phải gắng dần lòng xúc động trong giờ phút này. Nên nhớ đây là yếu tố quan trọng mà người

mới lâm chung có được vãng sanh hay không, đều tùy thuộc vào thân quyến.

4. Tất cả nên vì người mất mà phải thành tâm niệm Phật, tụng kinh cầu siêu suốt trong thời gian từ khi mất cho đến trải qua 49 ngày.

5. Trong thời gian cư tang, nên tu tạo nhiều phước lành để hồi hướng cho người quá cố sớm được siêu sanh thoát hóa.

Riêng đối với thân hữu bạn bè, chúng ta cũng nên quan tâm lưu ý. Tục ngữ ta có câu: “*một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ*”. Hay “*nhứt gia hữu sự bá gia ưu*”. Nghĩa là: một nhà có việc trăm nhà đều quan tâm lo lắng giúp đỡ. Vì thế, nên khi hay tin người bạn thân của mình bệnh nặng, thì bạn bè thường hay đến thăm. Đến thăm là vì nghĩ tình thương bạn. Do đó, nếu thật thương người bạn mình trong giờ phút quan trọng này, thì chỉ nên hiệp lực cùng với những người khác mà đồng tâm niệm Phật. Nếu không quen niệm, thì chúng ta cũng không nên nói những chuyện gì khác. Vì như thế, chỉ làm cho người bạn của mình đang nằm chờ chết càng thêm rối loạn tinh thần mà thôi, chớ không có ích lợi gì.

Thế nên, nếu thật sự thương bạn mình, thì chúng ta chỉ nên giữ yên lặng là tốt lắm rồi. Được thế, thì chẳng những người bệnh được lợi ích mà những thân quyến của người bệnh cũng mang ơn chúng ta rất nhiều. Xin tất cả hãy quan tâm cho vấn đề này. Đừng vì thói quen tình cảm của mình mà gây tác hại cho người bệnh, đang cần đến sự trợ niệm thiết thực của chúng ta. Nếu không như thế, thì rất tội nghiệp cho người bạn của chúng ta lắm! Họ đang khao khát cần sự giúp đỡ của chúng ta, như người sắp chết đuối mong chúng ta cứu vớt họ vậy. Mong lắm thay!

(còn tiếp)

Vu Lan nhớ bạn

P. T.

Thời gian trôi qua thật nhanh, mới đó mà anh Đắc Huệ đã rời xa chúng tôi qua ba mùa Vu Lan rồi. Mỗi lần Vu Lan về, tôi lại nhớ tới anh. Hôm chị Từ Hạnh (bà xã của anh Đắc Huệ) gọi điện thoại báo tin và sau đó gửi thư mời tôi lên Sydney để dự lễ trai tăng cầu siêu mãn tang ba năm được tổ chức tại ngôi thiền đường Vô Ưu. Nơi mà anh Đắc Huệ hợp lực cùng với một số quý Phật tử trong nhóm tu thiền dưới sự hướng dẫn chỉ giáo của Hòa Thượng Thích Thanh Từ sáng lập. Nói đến việc xây dựng ngôi thiền đường này, phải nói cũng trải qua nhiều khó khăn. Vì anh là người được trong nhóm tin kính đặt hết kỳ vọng ở nơi anh. Bởi anh có được những ưu điểm:

Thứ nhất, anh là đệ tử thụ học và cầu pháp với Hòa thượng Thích Thanh Từ suốt thời gian ba năm ở Phật học viện Phước Hòa, Trà Vinh. Khi chuyển công du hoằng pháp của Hòa thượng Thanh Từ ở Úc Châu, thời gian lưu trú ở Sydney, Hòa thượng đã tạm trú ở nhà anh. Anh cho biết, nhóm thiền Vô Ưu là do Hòa thượng Thanh Từ cho phép thành lập.

Thứ hai, với bản tánh hiền hòa, chơn chất, trung thực, và có thêm được chút ít kiến thức về Phật pháp nên anh được mọi người trong nhóm tín nhiệm đề cử anh làm huynh trưởng chỉ đạo. Coi như anh là một thuyền trưởng đứng ra điều khiển chiếc thuyền Vô Ưu với sự hỗ trợ đắc lực của mọi người để vượt qua mọi sóng gió khó khăn chóng đạt thành sở nguyện.

Thứ ba, vì anh cũng trọng tuổi ở vào cái tuổi về hưu nên được lợi thế là có nhiều thời giờ rảnh rỗi để đốc thúc lo cho công việc hữu ích chung này. Tuy nhiên, suốt thời gian lãnh đạo, có những lúc gặp phải khó khăn trở ngại, anh thường hay bày tỏ tâm sự với tôi. Và tôi cũng đã trao đổi góp ý kiến xây dựng cùng anh. Tôi biết anh là người có ý chí kiên nhẫn, chịu khó cần cù, nên không có khó khăn thử thách nào mà có thể ngăn cản được ý chí kiên cường dũng mãnh của anh. Đó là điều tôi tin chắc ở nơi anh. Vì đó cũng là bản chất xưa nay của anh.

Trở lại vấn đề trên, khi nhận được tin mời thì tôi đã đặt vé máy bay lên Sydney trước rồi. Tuy nhiên, có điều may mắn là trùng hợp ngày nhưng

lại sai giờ. Dù vậy, nhưng tôi vẫn tranh thủ thời gian tới để thắp cho anh một nén hương tưởng niệm. May mắn, tôi nhờ đạo hữu Thiện Thành chở tôi đến thiền đường. Khi đến nơi buổi lễ đã hoàn mãn. Lúc đó, tôi có gặp Ni Sư Hải Triều Hạnh và sư cô Phước Hoàn đang ra về. Vừa tới cửa, chúng tôi chào nhau và sư cô Phước Hoàn quày trở lại cùng tôi đi vào trong thiền đường để gặp chị Từ Hạnh. Sau đó sư cô Phước Hoàn trở ra về. Tôi xin lỗi chị Từ Hạnh tới trễ và tôi xin phép chị cho tôi được thắp nén nhang tưởng niệm anh Đắc Huệ....

Nhớ lại, cứ mỗi lần có dịp lên Sydney, gặp lại một vài người bạn cũ như các anh: Đồng Minh, Giác Biên và chú Minh Lý... tôi không khỏi ngậm ngùi thương nhớ đến anh. Những lúc chúng tôi gặp nhau hàn huyên tâm sự, anh em chúng tôi thường hay nhắc nhớ tới anh. Vì chúng tôi rất quý mến anh. Anh là một người bạn thân thiết hiền hòa và rất giàu tình cảm. Những lúc trao đổi bàn chuyện đạo lý, anh không bao giờ có ý tỏ ra tranh cãi hơn thua với ai. Vốn có căn bản chút ít về Phật học nên đối với lý thiền anh hiểu khá sâu sắc. Chẳng những hiểu về mặt văn tự mà anh còn thực tập thể hiện chất thiền ngay trong đời sống. Chúng tôi trao đổi vấn đề Phật pháp với nhau rất là tương đắc. Tuy anh chọn pháp môn Thiền tông để tu, dưới sự hướng dẫn giảng dạy của Hòa thượng Thích Thanh Từ, nhưng không phải vì thế mà anh lại có ý kích bác chê bai Tịnh độ hay bất cứ tông phái nào khác.

Có lần anh tâm sự với tôi: "Phật giáo chia ra có nhiều tông, mỗi tông có một đường lối chủ trương thật hành riêng, ai thích tông nào thì tu theo tông đó. Điều quan trọng là mình có thật hành đúng theo cái tôn chỉ mục đích của tông đó chủ trương hay không. Thiền, Tịnh, Giáo, Luật, Mật... tất cả cũng đều do Phật nói. Nếu người tu Thiền mà kích bác chê bai người tu Tịnh, hoặc người tu Tịnh kích bác chê bai người tu Thiền v.v... như vậy thì có khác nào mình lại kích bác chê bai ông Phật Thích Ca Mâu Ni giáo chủ của mình rồi. Các tông chẳng qua chỉ khác nhau trên phương diện hành môn, còn cứu cánh lý đạo thì nào có khác chi đâu. Trên hành môn, thì tùy theo căn cơ trình độ của mỗi người mà chọn cho

mình một pháp môn tu thích hợp, giống như ngôi nhà có nhiều cửa, ai muốn vào cửa nào cũng được, miễn sao vào được trong nhà là tốt rồi. Điều quan trọng là mình có chịu bước vào trong nhà đó hay không? hay là chỉ đứng ở ngoài cửa rồi khen chê trách móc tông này phái nọ đủ thứ, thử hỏi như thế thì mình có được lợi lạc gì không? Anh nói thêm, người tu thời nay vì quá câu nệ chấp nê về hình thức sự tướng rồi sanh tâm phân biệt bảo thủ cái định kiến của mình. Từ đó mới có ra sự tranh chấp chống đối hơn thua phải trái với nhau. Điều đó, ngẫm kỹ cũng thật là chua xót đau lòng! Với tinh thần phóng khoáng bao dung chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi nguồn giáo lý Đại Thừa, nên lúc nào anh cũng tỏ ra rất hài hòa dung thông không bao giờ có định kiến bảo thủ cố chấp. Và không bao giờ anh đề cao cái pháp môn mà mình đang tu”. Đó là điều tôi đáng quý kính ở nơi anh.

Tôi và anh Đắc Huệ đã quen biết nhau lúc còn ở Việt Nam. Tuy nhiên, chỉ quen biết qua loa vậy thôi chứ chưa có thân nhau, vì chúng tôi ít có dịp gặp nhau thường. Tôi chỉ biết anh làm việc trong nhà sách Lá Bối và anh cũng đã làm giám thị cho trường Bồ Đề Bến Tre. Những lúc có dịp tới lui chùa Ân Quang, thỉnh thoảng tôi có gặp anh nhưng chỉ chào hỏi xã giao thôi, ít có khi trò chuyện nhiều. Vì lúc đó tôi đang theo học lớp sơ đẳng Phật học ở Phật học viện Huệ Nghiêm.

Đến năm 1966, khi tham gia phong trào Phật giáo đấu tranh chống lại chánh quyền Thiệu - Kỳ, tôi và anh Đắc Huệ mới có dịp gặp nhau thường. Phải nói lúc đó anh là một trong những tăng ni sinh trẻ, rất nhiệt tình hăng say tích cực tranh đấu trong việc bảo vệ Phật giáo chống lại sự đàn áp của chánh quyền. Trong những cuộc biểu tình, lúc nào anh cũng là người hô hào cổ vũ đi trước. Khi hỏi ra, tôi mới biết anh là người cùng quê. Từ đó, chúng tôi mới thân thiện và trò chuyện thân mật với nhau nhiều hơn.

Nhưng sau biến cố lịch sử 1975, chúng tôi vì hoàn cảnh nên mỗi người đi mỗi ngã. Vào khoảng năm 1987, trong dịp tham dự Đại Hội của GHPGVNTN tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan, tình cờ chúng tôi gặp lại nhau tại tiền đình chùa Phước Huệ. Khi gặp lại, chúng tôi rất đỗi ngạc nhiên và vui mừng xúc động nghẹn ngào nói không ra lời. Từ dạo đó, cứ mỗi lần có việc lên Sydney, tôi thường đến thăm gia đình anh, có lúc thì anh đến chùa Phước Huệ thăm tôi. Anh

có vợ và ba con: hai trai một gái. Những đứa con của anh hiện nay đã trưởng thành, có gia đình và tạo dựng sự nghiệp vững chắc. Đó là điều thật đáng vui mừng cho các cháu.

Anh em chúng tôi có nhiều kỷ niệm thật khó quên. Lần nào lên Sydney, chúng tôi cũng đều điện thoại rủ nhau hội họp một nơi để cuốn bánh tráng. Vì món ăn này vừa gọn lại vui và có nhiều rau cải không dầu mỡ nuốt. Khi thì anh mời chúng tôi đến ngôi thiền đường Vô Ưu của anh, lúc thì đến nhà của anh Giác Biên, hoặc ở nhà của anh Đồng Minh. Có khi thì đến chùa Thiên Phước của thầy Phước Sanh. Thật ra, đối với chúng tôi vấn đề ăn uống chỉ là phần phụ thuộc, nhưng điều quan trọng là chúng tôi muốn tạo cơ hội gặp nhau để hàn huyên tâm sự, ôn lại những chuyện xưa tích cũ, gọi là ôn cố tri tân cho vui vậy thôi. Vì mỗi người ít nhiều đều có những kỷ niệm hay dở, buồn vui riêng tư, nên chúng tôi cần trao đổi học hỏi kinh nghiệm với nhau. Chính vì thế, nên chúng tôi thường hẹn gặp nhau là vậy.

Riêng tôi và anh Đắc Huệ là người đồng hương quê ở Trà Vinh, có thời gọi là Vĩnh Bình. Tuy chúng tôi cùng tỉnh nhưng khác quận. Anh Đắc Huệ sinh trưởng ở quận Cầu Kè còn tôi thì ở quận Cầu Ngang. Điều bất hạnh nhứt của hai chúng tôi là mang thân phận của những đứa trẻ mồ côi cha từ thuở nhỏ. Chúng tôi đã mất đi tình yêu thương cao cả của một người cha. Nói về tuổi tác thì anh Đắc Huệ lớn hơn tôi ba tuổi, nên tôi xem anh như là một người anh hơn là một người bạn. Bởi cùng cảnh ngộ bất hạnh nên chúng tôi dễ thông cảm và thương mến nhau hơn. Có lần, anh nói với tôi là anh được có nhân duyên với Phật pháp rất sớm. Anh vào chùa tu làm đệ tử để chớp lúc lên 7 tuổi. Bổn sư của anh là cố Hòa thượng Thích Hoàn Thông. Khi thế phát xuất gia được thầy bổn sư cho anh pháp tự là Thắng Cượng. Nhưng sau này khi anh theo học cấp sơ đẳng Phật học tại chùa Phước Hòa, thị xã Trà Vinh, anh cầu pháp với Hòa thượng Thích Thanh Từ nên anh đã được Hòa thượng Thanh Từ cho pháp hiệu là Đắc Huệ. Từ đó, cái tên Đắc Huệ gắn liền với anh cho đến ngày anh nhắm mắt ra đi.

Sau khi tốt nghiệp cấp sơ đẳng Phật học, các tăng sinh lớp anh đã được đưa về Sài Gòn và chia thành hai nhóm: một nhóm tăng sinh chuyên học Phật pháp thì tông học tại Phật học viện Huệ Nghiêm, thuộc xã An Lạc, quận Bình

Chánh. (Nay ngôi chùa khá khang trang rộng lớn tọa lạc đối diện với bên xa cảng miền Tây. Phật học viện này trước kia do cố Hòa thượng thượng Thiện hạ Hòa thành lập vào ngày 11. 11. 1962, theo bản vẽ của kiến trúc sư Võ Đình Diệp). Còn một số khác (trong đó có anh Đắc Huệ), thì theo học cấp trung đẳng Phật học phổ thông qua hai chương trình: nội và ngoại điển tại cơ sở chùa Ấn Quang. Vì hoàn cảnh khó khăn trắc trở nên con đường học vấn của anh cũng không được may mắn liên tục hoàn thành như ý muốn.

Về đời, người ta thường gọi tên anh là ba Có. Với bản tánh chơn chất hiền hòa, khiêm tốn, khề khà, dễ duôi, vui vẻ, cởi mở, nên anh rất được bạn bè anh em thương mến. Những lúc chúng tôi gặp nhau, tôi thường hay trêu chọc anh cho vui, tôi nói người ta chỉ có một cái "Có" thôi là đã vất vả đau khổ lắm rồi, còn anh tới "Ba Có" thì thử hỏi làm sao mà không đau khổ cho được? Anh nhìn tôi rồi cười khà và nói, ngày xưa, ở Trung Hoa có nhà cách mạng Tôn Dật Tiên, ông chủ trương "Tam vô chủ nghĩa"; còn tôi thì chủ trương là "Tam hữu chủ nghĩa". Tôi hỏi anh tam hữu chủ nghĩa là gì? Anh nói tam hữu là ba cái có: "có nhà, có vợ và có con". Nghe nói thế chúng tôi ai nấy đều không thể nín cười được. Phải nói anh Đắc Huệ là người kể chuyện rất có duyên và hay pha trò chọc cười tiếu cho vui. Điều mà anh em khó quên ở nơi anh là khi anh cười đôi mắt anh nhú lại khít rịt. Anh vui cười tự nhiên thoải mái không một chút ái ngại ngượng ngùng. Bởi vậy mà anh em rất thích và thương quý mến anh. Chúng tôi họp mặt nhau trong bữa cuốn bánh tráng lần cuối tại thiền đường Vô Ưu, chỉ cách đó vài tháng trước khi anh đã vĩnh viễn từ giã chúng tôi ra đi.

Chính vì thế, nên khi hay tin anh mất, tất cả anh em chúng tôi ai nấy đều bàng hoàng kinh ngạc xúc động. Anh em bạn bè xa gần đều có mặt trong ngày tang lễ của anh. Nhớ lại, trước giờ tiễn đưa anh đến nơi an nghỉ, tôi thay mặt cho anh em bạn bè quen thân với anh, viết đôi lời ai điếu. Trong đó, có đoạn, tôi viết tiễn anh:

*Duyên trần anh đã trả xong
Thênh thang nhẹ gót thông dong Ta bà
Đạo chơi trong cảnh sum la
Tùy duyên hành hoạt phong ba ngại gì
Con đường anh chọn ra đi
Nẻo về một lối có gì phải vương
Thế gian là cảnh vô thường
Nay đời mai đổi khác dường bèo mây*

*Bao nhiêu mộng ước đắp xây
Chỉ là swong khói trần đầy khổ đau
Mấy lời cạn tỏ trước sau
Nén hương tâm nguyện nghiêng chào tiễn anh.*

Như trên đã nói, hôm ngày lễ kỷ niệm ba năm mãn tang (theo tục lệ xưa của người Hoa) của anh, tôi xin phép chị Từ Hạnh để đến trước bàn thờ của anh tại thiền đường do anh đứng ra cổ động sáng lập, tôi thắp cầu nguyện và nhắc lại mấy câu:

*"Đi mà không đi
Đến mà không đến"*

Bởi vì:

*"Sanh diệt diệt dĩ
Tịch diệt vi lạc".*

Và tôi tụng cho anh nghe bài kệ:

*"Hữu sanh hữu tử hữu luân hồi
Vô sanh vô tử vô khứ lai
Sanh tử khứ lai đồ thị mộng
Tốc phao trần thế thượng liên đài"*

Tụng xong, tôi nhìn vào tấm ảnh với bộ y phục đời của anh và lúc đó chị Từ Hạnh cũng đang đứng bên tôi và chị hỏi ý kiến tôi nên làm lại tấm hình cho anh với bộ y phục đạo có được không? Nghĩa là cho anh mặc chiếc áo tràng màu đà mà anh thường hay mặc. Tôi nói, tôi rất tán thành và đồng ý qua ý kiến của chị. Vì đó cũng là ý nguyện của anh. Tôi nhìn sâu vào chân dung qua hình ảnh của anh, tôi thầm mừng cho anh. Vì thấy ngôi thiền đường hiện nay đã hoàn thành khá khang trang rộng rãi hơn xưa, có khả năng dung chứa được nhiều người hành lễ. Như vậy, tuy anh vắng bóng, nhưng quý vị đó vẫn tiếp tục thực hiện đúng theo hoài bão tâm nguyện của anh. Tôi nghĩ, chắc là anh nhìn thấy sẽ vui mừng lắm, vì đó là sở nguyện ước ao của anh từ lâu khi anh còn sinh tiền.

Bằng những lời chân thành, một lần nữa, tôi lại cầu nguyện cho anh, chóng đắc vô sanh pháp nhẫn, hồi nhập Ta bà và với tinh thần Bồ tát đạo anh sẽ luôn hiện hữu có mặt trong cuộc đời để tiếp tục hành hoạt lợi sinh trong tinh thần tự do và giải thoát. Thâm nguyện xong, tôi chấp tay kính cẩn chào anh trong niềm hoài vọng tiếc thương...!

Trân kính.

Trong văn hệ Bát nhã cụm từ này hầu như đại đa số Phật tử chúng ta đều biết. Dù chúng ta đọc tụng bất cứ quyển kinh nào trong những dịp lễ lộc như cầu an, cầu siêu, cúng ngọ, sám hối v.v... thì cũng đều có đọc tụng bài Bát nhã tâm kinh. Bởi bài kinh này rất quan trọng nên đã được chư Tổ liệt nó vào trong những thời khóa tụng. Mở đầu bài Tâm kinh có câu: **“Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến “ngũ uẩn giai không” độ nhứt thiết khổ ách”**. Câu này có nghĩa là: *“Khi Ngài Quán Tự Tại Bồ tát thật hành sâu xa pháp Bát nhã Ba la mật đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, qua hết thấy khổ ách”*. Quán Tự Tại là danh hiệu khác của Bồ tát Quán Thế Âm. Tại sao không gọi Quán Thế Âm mà gọi là Quán Tự Tại? Bởi Quán Thế Âm là nói về cái nhân địa mà Bồ tát trong lúc tu nhân, còn Quán Tự Tại là nói về cái quả vị mà Bồ tát đã đạt được. Tự Tại, ý nói Bồ tát không còn kẹt dính mắc vào các pháp đối đãi nhị nguyên, vì Ngài đã vượt ra ngoài những phạm trù sinh, diệt hai đầu đối đãi. Nói cách khác, là không còn dính kẹt vào ngã và pháp chấp. Vì thế, nên Ngài tới lui qua lại tự tại trong bầu trời tự do giải thoát không có gì bị ngăn ngại cả.

Khi Bồ tát thật hành sâu xa pháp Bát nhã Ba la mật đa, Ngài thấy năm uẩn đều không. Thế nào gọi là hành thâm? Nghĩa là Bồ tát nhờ vận dụng trí Bát nhã chiếu soi nên thấy “Ngã, Pháp” đều không. Chỉ có trí Bát nhã mới thấy được như thế. Ở đây, chúng tôi muốn trình bày qua vài nét về ý nghĩa của tiêu đề **“Ngũ uẩn giai không”**, mà lâu nay chúng ta thường gặp trong lúc đọc tụng kinh điển. Vẫn biết tiêu đề này nghĩa lý rất là thâm sâu huyền diệu, mà sự hiểu biết của chúng tôi thì có giới hạn, nên chúng tôi chỉ nói lên những gì qua sự nghiên tầm học hỏi hiểu biết thô thiên của chúng tôi thôi. Đó là điều mà chúng tôi xin được thưa trước cùng quý độc giả. Nếu trong khi trình bày có điều gì sai sót lầm lẫn thì xin các bậc cao minh cụ nhân cũng hoan hỷ bỏ qua và chỉ giáo cho. Kể hậu học thô lậu này xin hết lòng

tri ân và đa tạ.

Trước hết, chúng ta thử tìm hiểu từ ngữ Ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn tiếng Sanskrit là Panca Skandha, Pali là Panca Khandha, Trung Hoa dịch là Sắc uẩn (Rùpaskandha), Thọ uẩn (Vedanaskandha), Tưởng uẩn (Samjnaskandha), Hành uẩn (Samskàra-skandha) và Thức uẩn (Vijnanaskandha).

Trong lịch sử dịch kinh điển ở Trung Hoa, trải qua nhiều giai đoạn, tùy theo mỗi thời đại mà sự phiên dịch có phần sai khác. Trong quyển Ngũ Uẩn Vô Ngã, do Nhà Xuất Bản Tôn Giáo – Hà Nội – 1999, cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu có nêu ra qua nhiều giai đoạn phiên dịch như sau: *“Giai đoạn đầu, các Ngài chỉ dịch âm chứ ít dịch nghĩa; ví như Skandha là chữ Sanskrit, dịch âm là Kiền độ hay Tắc kiền đà,*

đó là vào khoảng năm 300 Tây lịch trở về trước. Chữ Kiền độ hay Tắc kiền đà này có thể tìm thấy trong Luật tạng, như Ngũ phần giới luật ở chương nói về Giới, phần Tác trì nói có 20 Kiền độ... Giai đoạn hai, đến khi

Ngài Cưu ma la thập qua Trung Hoa vào năm 402 thì không dịch âm nữa mà chuyển sang dịch nghĩa, tức là dịch thẳng từ tiếng Sanskrit ra chữ Trung Hoa; ví như Ngũ chúng, Ngũ ấm, Ngũ thọ ấm hay Ngũ thủ uẩn”.

Chữ Skandha dịch đúng nghĩa phải dịch là Ngũ uẩn. Ngài Huyền Trang sau thời gian du học ở Ấn Độ trải qua 16 năm, khi trở về nước Ngài cũng dịch chữ skandha là uẩn. Chữ uẩn có nghĩa là tụ tập, tích tập, theo từng loại, nhóm họp theo từng loại, cùng loại, cùng với tính chất giống nhau, nhóm lại một nhóm gọi là Uẩn. Ngũ uẩn tức là năm nhóm bị Ai, Thủ chấp trước nên gọi là Ngũ thủ uẩn. Như vậy, Skandha dịch sát nghĩa là Uẩn đó là dịch theo văn Hán. Ngược lại, chữ Skandha này Ngài Cưu ma la thập dịch là Ấm. Lý do tại sao Ngài dịch như thế? Bởi vì Ngài dựa vào năm thứ đó mà diễn dịch. Năm thứ đó che ngăn làm cho người ta không liễu đạt được chơn tánh. Đó là sự khác biệt giữa chữ Uẩn và chữ Ấm. Hai chữ

NGŨ UẨN GIAI KHÔNG

này xét về mặt thể tính thì nó giống nhau, còn xét về mặt nghĩa thì nó khác nhau. Vì sao? Khi đề cập đến năm Uẩn tức là nói Năm nhóm, Năm sự tập hợp, Năm sự tích tụ. Còn nói Năm âm tức là nói Năm sự ngăn che, thành Năm cái nghĩa khác nhau nhưng thể tính vẫn là một. Như vậy Ngũ uẩn gồm có: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn. Bây giờ chúng ta thử phân tích ý nghĩa qua từng loại một.

a. Sao gọi là Sắc uẩn?

Chữ “Sắc” (Rupaskandha) nó có nghĩa là biến ngại hay chất ngại. Biến có nghĩa là nó thay đổi biến dịch luôn luôn không định hình đứng yên một chỗ. Còn nói chất ngại là vì cái này nó ngăn ngại với cái kia. Nói về hình thể thì, nó dài, ngắn, vuông, tròn, lớn, nhỏ không đồng v.v... Nói về màu thì không có một vật thể nào mà không có màu sắc. Bởi chữ sắc cũng có nghĩa là màu. Nói chung là mọi hiện tượng vật thể có hình tướng dù vi tế cũng đều gọi là sắc cả.

b. Sao gọi là Thọ uẩn?

Thọ uẩn (Vedanaskandha): Chữ “Thọ” có nghĩa là lãnh nạp. Căn lãnh nạp trần, nhãn lãnh nạp sắc, nhĩ lãnh nạp thanh, tỷ lãnh nạp hương, thiệt lãnh nạp vị, thân lãnh nạp xúc. Do vì năm căn lãnh nạp sự vật bên ngoài vào bên trong tâm thức, cho nên gọi là Thọ” (theo sự giải thích của cổ HT Thiện Siêu)

c. Sao gọi là Tưởng uẩn?

Tưởng uẩn (Samjnaskandha) : Thủ tượng vi nghĩa, là lấy cái ảnh tượng bên ngoài đưa vào trong tâm gọi là Tưởng. Thường chúng ta hay nói tưởng tượng. Có nghĩa là ta nhớ một hình bóng của một vật thể nào đó, dù rằng vật thể đó không có trước mắt ta. Như hôm qua ta đi sở thú, thấy con voi khổng lồ, khi về nhà ta nhớ lại hình ảnh con voi khổng lồ đó. Đó là tưởng tượng. Tượng có nghĩa là hình bóng không có thật trước mắt. Như vậy, tưởng ở đây là nhận lấy, thủ lấy, chấp lấy cái tướng cái hình tượng, ảnh tượng trong tâm thức ta.

d. Sao gọi là Hành uẩn?

Hành uẩn (Samskaraskandha): Chữ Hành này có hai nghĩa: Thiên lưu và tạo tác. Thiên lưu có nghĩa là mọi hiện tượng trên đời này luôn

luôn biến dịch thay đổi không ngừng, như một dòng nước chảy trôi không phút giây nào dừng lại. Sự biến chuyển nhanh chóng của vạn pháp gọi là thiên lưu. Vì thế nên nói chư hành vô thường là ý này. Còn nói chư pháp vô ngã, nghĩa có hơi khác với chư hành vô thường. Bởi vô thường là đúng về mặt biến chuyển thay đổi theo thời gian. Bất cứ một hiện tượng nào cũng phải trải qua một chu kỳ theo một quy trình chuyển biến: “sinh, trụ, dị, diệt hay thành, trụ, hoại, không”. Còn nói vô ngã là đúng về mặt không gian, bởi các pháp do nhân duyên sinh nên tự tánh của nó là không. Nghĩa là mỗi pháp không có tự tánh riêng. Vì thế nên nói chư pháp là vô ngã. Hành cũng có nghĩa là tạo tác: Khi chúng ta nói năng, hành động hay suy nghĩ điều gì, đều gọi là hành. Đó là nói sự tạo tác qua ba chỗ: Thân, miệng và ý, tức ba nghiệp vậy.

e. Sao gọi là Thức uẩn?

Thức uẩn (Vijnanaskandha): Thức lấy liễu biệt làm nghĩa. Chữ “Liễu” là rõ ràng, “Biệt” là biện biệt một cách rõ ràng. Liễu biệt có tính cách trực giác, hiện lượng. Sự nhận thức rõ ràng cái nào ra cái đó không lộn lạo đó là nhiệm vụ của ý thức. Biết một cách trực tiếp mà không qua sự so sánh, bởi so sánh thuộc về “Tỷ lượng” chứ không còn là trực giác hay “Hiện lượng” nữa.

Qua những phân tích định nghĩa sơ lược trên, cho chúng ta thấy, Năm uẩn bao gồm cả hai phần: vật chất và tinh thần. Nói cách khác bao gồm cả vật lý và tâm lý. Vật lý thuộc về Sắc, tức Tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Còn lại bốn thứ kia: thọ, tưởng, hành, thức thuộc về phần tâm lý. Nói một cách dễ hiểu hơn, thì sắc là thể chất, thọ là cảm tình, cảm giác, tưởng là tri giác là so sánh, hành là chọn lựa, quyết định, thức là nhận thức. Chúng ta cũng có thể nói, sắc là thể xác, thọ là tình cảm, tưởng là lý trí, hành là ý chí, thức là nhận thức. Như vậy, trong mỗi con người chúng ta không có cái gì ngoài Năm uẩn này. Chính Năm uẩn này là những yếu tố kết hợp thành con người chúng ta. Đã nói kết hợp, tất nhiên không có cái gì độc lập riêng rẽ mà thành. Nếu chỉ có một thứ không thôi, thì thử hỏi làm sao đầy đủ các yếu tố để tạo thành con người?

Theo lý duyên khởi thì không có vật gì tồn tại độc lập cả. Tất cả đều nương nhau mà sinh thành tồn tại. Cái này có vì cái kia có, cái này sinh vì cái kia sinh, cái này diệt vì cái kia diệt. Vạn vật đều tương quan tương duyên với nhau. Sinh diệt diệt sinh, không có gì là chơn thật. Thế thì Năm uẩn cũng chỉ là do duyên sinh mà hình thành tạm gọi là con người. Thể xác thì phải có đủ bốn yếu tố: đất (chất cứng) nước (thể lỏng) gió (thể hơi) lửa (nhiệt độ) mới tạo thành. Nếu nói theo khoa học hiện đại thì phải hội đủ các tế bào mới tạo thành một vật thể. Như vậy, bất cứ một vật thể nào cũng đều duyên hợp mới có. Như thân xác ta nếu thiếu một điều kiện vật lý hoặc tâm lý thì không thành thân này. Phàm cái gì do duyên hợp thì cái đó không thật. Vì nó không có tự tánh. Nên nói là Ngũ uẩn giai không.

Trong Trung Quán Luận, có bài kệ nêu rõ lý nhân duyên để hiển bày lý trung đạo:

*Nhân duyên sở sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Diệc danh thị giả danh
Diệc danh trung đạo nghĩa*

Tạm dịch:

*Các pháp từ duyên sanh
Ta nói tức là không
Cũng chính là giả danh
Cũng là nghĩa trung đạo*

Có người hỏi: Nếu các pháp không thực có, tại sao vẫn thấy chúng hiện diện rõ ràng, các giác quan vẫn cảm nhận chính xác?

Đáp: “Các pháp chỉ có Danh (tên gọi) và Tướng (hình tượng) mà KHÔNG TỰ TÁNH, nên nói không thực có. Các pháp chỉ do tự tâm bất giác vọng hiện, dường như có sanh khởi nhưng không tự tánh nên nói là vô sanh. Đức Phật nói các pháp như mộng huyễn, như hoa đốm trong không. Khi đang mộng mọi thứ rõ ràng, không thể nói không. Nhưng chỉ là mộng, thì không thể nói có. Lỗi của ta là nhập thực và mộng, nhớ mộng quên thực, chấp trước tạo nghiệp luân chuyển khổ đau. Khi đau khổ lại tìm một Niết bàn để trú ẩn (các vị Thanh Văn), mà không nhận chân được thực tánh của các pháp là KHÔNG: không sanh cũng không diệt, không khổ cũng không

lạc...” (Trung Quán Luận - CHT Chánh tấn Tuệ dịch & giải, trang 29)

Đã biết các pháp là giả không thật, thì đừng nói có hay là không. Bởi “Có” và “Không” hay “Sinh” và “Diệt” v.v... đó là những cặp đối đãi nhau. Phàm cái gì có đối đãi thì cái đó không thật. Ngài Long Thọ cho rằng các pháp hiện đời này không phải là không có. Nhưng cái có đó chỉ là hư giả không thật. Khác nào như bóng trong gương hay trăng dưới nước. Thiền Sư Đạo Hạnh đời Lý cũng diễn đạt cái ý này bằng bài kệ như sau:

*“Tác hữu trần sa hữu
Vi không nhưt thiết không
Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không”*

Dịch:

*Có thì muôn sự có
Không thì tất cả không
Có không trăng đáy nước
Đừng mắc có cùng không*

Có và không chỉ là những khái niệm, nếu thấy có thì vật gì cũng có với ta cả. Ngược lại, nếu ta cho là không thì muôn vật đối với ta thấy đều là không cả. Ngài cũng đâu có phủ nhận vạn vật trên đời này là không, Ngài cũng xác quyết có mà chỉ là giả có thôi. Nói thế sợ chúng ta khó hiểu nên Ngài mới nêu ra thí dụ cụ thể: “Cái mà chúng ta cho có đó khác nào như trăng đáy nước”. Ánh trăng dưới nước không phải là không, nhưng chỉ là giả có không thật. Bởi thế, nên Ngài khuyên chúng ta đừng có dính mắc vào cái “Có” và cái “Không”. Có không là hai cái ngục tù giam hãm chúng ta không có lối thoát.

Như cái xác thân của chúng ta đang mang đây, ai dám bảo là không có. Nếu không có thì cái gì nói năng, hành động và suy nghĩ biết việc này việc nọ. Tất nhiên là có đó, tuy nhiên nó chỉ là giả có mà thôi. Giống như các nhà ảo thuật họ ảo thuật ra nhiều thứ mà ta cứ tưởng là thật, nhưng đó chỉ hư ảo không thành. Chứng minh về cái hư giả huyễn ảo này, trong Kinh Kim Cang Bát Nhã có bài kệ:

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán*

Từ lâu con đã ước mong
 Xuất gia tu học thông dong tháng ngày
 Duyên đâu đưa đến hôm nay
 Quý Thầy tổ chức mười ngày tịnh tu
 Sớm chiều gắng chí công phu
 Cõi lòng thanh thoát lu bu không còn
 Tồi nằm yên giấc ngủ ngon
 Giật mình thức dậy đầu tròn áo vuông
 Bao nhiêu toan tính lo buồn
 Nay đã phỉ sạch in tuồng mây bay
 Tiếc gì chỉ có mười ngày
 Trở về trần thế mọc dài tóc ra
 Lòng thì cũng muốn xuất gia
 Nhưng khi nghĩ đến cửa nhà chưa xong
 Khi buồn thì nói với lòng
 Chuyến này bỏ hết một lòng xuất gia
 Quãng đi gánh nặng cửa nhà
 Hết buồn thì lại khó mà đi luôn
 Có người còn kẹt bán buôn
 Cháu con còn nợ dứt luôn khó lòng
 Ôi thôi tình cảm lòng thông
 Nay vậy mai khác biết xong đời nào

Nghiệp trần chưa dứt



Vàng nâu tuy có khác màu
 Mặc vào thanh thoát ra vào vui thay!
 Có người trông hết mười ngày
 Có người lại muốn kéo dài thêm ra
 Phước lành mới được xuất gia
 Duyên trần còn nặng khó mà tu luôn
 Nghĩ cho số kiếp thật buồn
 Trọn đời rút lại khác đường bèo mây
 Con nguyện quyết chí từ đây
 Việc đời buông bỏ theo Thầy tu luôn.

Tịnh Đức

Nghĩa là:

Tất cả các pháp hữu vi
 Như chiêm bao, bọt, bóng
 Như sương móc, điện chớp
 Nên thường quán như thế.

Mọi sự vật ở đời người ta cứ tưởng là thật có, nhưng đâu biết rằng, tất cả giống như là giấc chiêm bao, như chum bọt nước, như bóng tùy hình, như sương buổi sớm, như lần điện chớp, tất cả đều là hư giả thấy đó rồi mất, không có gì là thật cả. Phật bảo chúng ta phải hằng quán sát các pháp như thế. Phải vận dụng trí tuệ Bát nhã để nhìn sự vật theo lăng kính khách quan của tuệ giác. Đừng nhìn theo lối mòn của dòng vô minh nghiệp thức vọng chấp rồi tạo nghiệp bất thiện mà phải chịu nhiều hệ lụy khổ đau. Chỉ cần nhìn đúng thực lý của vạn pháp thì chúng ta sẽ thoát ra mọi ràng buộc phiền não kiết sử. Có thể thì mới mong thoát mọi khổ ách. Bằng ngược lại nếu chúng ta thấy mọi vật đều có thật, khởi tâm tham đắm chấp trước, như thế thì làm sao qua khỏi khổ ách được?

Nói tóm lại, Phật nói Ngũ uẩn giai không như là một bức thông điệp nhằm thức tỉnh mọi

người hãy nhìn cái thân này chỉ là hư huyền giả dối không thật. Bởi tất cả đều do nhân duyên giả hợp, tự tánh của các pháp là KHÔNG. Nhận hiểu được như thế là chúng ta đã hiểu được tánh không của vạn pháp rồi. Đã là không thì có gì mà phải tranh chấp, hơn thua, phải quấy, đấu đá, chém giết với nhau. Đó là con đường vượt qua mọi khổ nạn mà Bồ tát Quán Thế Âm đã cảnh tỉnh thức nhắc chúng ta.

Để kết thúc bài viết này, chúng tôi xin nêu ra đây một bài kệ trong Trung Quán Luận ở Phẩm Phá Tứ Đế:

Vị tằng hữu nhất pháp
 Bất tằng nhân duyên sanh
 Thị cố nhất thiết pháp
 Vô bất thị không giả

Dịch nghĩa:

Chưa từng có một pháp
 Chẳng từ nhân duyên sanh
 Thế nên tất cả pháp
 Không gì chẳng phải không.

Lê Văn



An Cư Kiết Đôn

Sáng dậy sớm mau ra rửa mặt
Chuẩn bị xong là mặc áo tràng
Vào trong Bửu Điện huy hoàng
Tịnh tâm hít thở thênh thang điều hòa.
Tiếng hô chuông rền vang chánh điện
Tụng Lăng Nghiêm tâm thiện dứt phiền
Cuộc đời khổ não liên miên
Trở về chánh niệm ưu phiền tiêu tan.
Tụng kinh xong đến giờ giáo lý
Thầy giảng kinh tỉ mỉ rõ ràng
Vô thường mọi vật mong manh
Chớ nên chấp trước sẽ thành khổ đau.
Chúng Sa Di kinh hành niệm Phật
Tập trung vào chân thật tu hành
Mỗi câu mỗi bước sen thanh
Trì danh hiệu Phật, niệm danh Di Đà.
Dứt niệm Phật đến giờ cúng Ngọ
Thanh tịnh trai, thọ dụng quá đường
Món ăn tinh khiết thơm ngon
Bổ dưỡng thân xác gầy mòn để tu.
Tiếng keng đánh đến giờ ngủ nghỉ
Chỉ tịnh xong khi mở mắt ra
Đến giờ giáo lý đi qua
Sen Mai bách vấn thật là hải kinh!
Ai cũng sợ rùng mình tránh né
Nhưng nghĩ ra sẽ sợ thầy buồn
Nhẹ nhàng chậm chậm ra luôn
Bắt thăm lấy số vuông tròn phận con.
Mỗi người lên trả lời trúng trật!
Thầy trò vui thân mật một nhà
Tưởng đâu xử trăm thì là
Tiền hung hậu kiết trẻ già vui thay.
Mới rõ Bách vấn quá hay
Trăm câu, phút chốc hiểu ngay tỏ tường
Bây giờ mới biết thầy thương

Dạy đàn hậu học chúng con nương nhờ.
Thầy luôn tìm pháp môn mới lạ
Hợp căn cơ tất cả mọi người
Ai tu cũng được tươi cười
Tình Thầy nghĩa đệ người người an vui.
Cuộc đời đau khổ khôn nguôi
Nếu không học Phật sao vui an lành
Chưa đã hết một ngày đặng đặng
Đến Mông Sơn pháp thực thí ăn
Từ bi Phật dạy rộng giảng không lường
Hữu tình Phật độ đã thường
Độ luôn pháp giới mười phương muôn loài
Giờ tịnh độ không ngoài buổi tối
Kinh Di Đà diễn nghĩa rõ rồi
Chỉ cần Tín, Nguyện, Hạnh thôi
Ba tư lương đủ tu rồi vãng sanh.
Đặc biệt nhứt thời canh thấp nền
Mọi người lo chuẩn bị sen đèn
Mỗi người trước mặt đài sen
Chiếu soi Phật tánh là then chốt hành
Niệm Phật từng bước đi quanh
Nâu, vàng, lam áo y thanh như là
Cùng thuở Đức Phật Thích Ca
Tăng đoàn đệ tử đều La Hán thành
Tuyệt vời thấp nền trì danh
Nhứt tâm sáu chữ tịnh thanh Di Đà
Yêm ly thế giới Ta Bà
Hân về Cực Lạc quê nhà Lạc Bang
Quang Minh rực ánh Đạo vàng
An cư tu tập đạo tràng lạc an.

Huệ Thanh
Mùa An Cư 2013

Lại vấn đề khát thực Vô Tướng

Trong Kinh Duy Ma Cát

Trong bài trước chúng ta đề cập đến việc khát thực của ông Đại Ca Diếp bỏ nhà giàu và chỉ đi đến nhà nghèo. Nay ông Tu Bồ Đề đi khát thực bỏ nhà nghèo chỉ đi đến nhà giàu. Theo ông Đại Ca Diếp thì kẻ giàu có nhiều phước đức nên sung sướng. Còn người nghèo kém phước nên phải khổ sở, do đó ông đến xóm nghèo khát thực để cho dân chúng cúng dường tạo phước, nhờ đó mà kiếp sau sẽ sướng hơn. Ông Tu Bồ Đề trái lại cho rằng ông nên đến khát thực nhà giàu, không phải vì muốn ăn ngon, mà vì kẻ giàu thức ăn dư dả, có bố thí một ít thức ăn cho người cũng không sao cả, trong khi đó người nghèo ngay bản thân và gia đình họ không đủ ăn, còn đâu có đủ để bố thí cúng dường. Và lại, người tu hành lẽ ra phải giúp đỡ họ, lý nào lại đến tạo thêm gánh nặng cho họ mỗi ngày phải dành cơm cúng dường bố thí. Lý lẽ của hai ông đều cho thấy không đúng với tinh thần khát thực vô tướng, tức là tinh thần bình đẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề xuất thân con nhà giàu và là đệ tử lớn của Đức Phật Thích Ca, Ngài tu hành chúng được vô tránh tam muội, tránh xa những kẻ muốn tranh giành với Ngài bất cứ việc gì. Một hôm Ngài đến nhà ông Duy Ma Cát khát thực, được ông lấy bát đựng đầy cơm rồi nói khéo rằng: “Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Đối với cơm bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng, các pháp bình đẳng thì cơm cũng bình đẳng, đi khát thực như thế mới nên lãnh món ăn. Như Tu Bồ Đề không trụ dâm, nộ, si, cũng không chung cùng với nó, không hoại thân mình mà theo một tướng, không dứt si ái sanh ra giải thoát, ở tướng ngũ nghịch mà đặng giải thoát, không mở cũng không buộc, không thấy tứ đế cũng không phải không thấy tứ đế, không phải đắc quả cũng không phải không đắc quả, không phải phạm phũ cũng không phải rời phạm phũ, không phải thánh nhơn, cũng không

phải không thánh nhơn, tuy làm nên tất cả các pháp mà rời tướng các pháp, thế mới nên lấy món ăn. Như Tu Bồ Đề không thấy Phật, không nghe pháp, bọn lục sư ngoại đạo kia như Phú Lâu Na Ca Diếp, Mạc Đà Lê Câu Xá Lê Tử, San xà Da Tỳ La Chi Tử, A kỳ Da Xy Xa Kham Ba La, Ca la Cựu Da Ca Chiên Diên, Ni Kiên Da Nha Đề Tử là thầy của Ngài. Ngài theo bọn kia xuất gia, bọn lục sư kia đọa, Ngài cũng đọa theo, mới nên lấy món ăn. Tu Bồ Đề! Nếu Ngài vào nơi tà kiến, không đến bờ giác, ở nơi tám nạn, không được khỏi nạn, đồng với phiền não, lìa pháp thanh tịnh, Ngài được vô tránh tam muội, tất cả chúng sanh cũng được tam muội ấy, nhưng người thí cho Ngài chẳng gọi phước điền, những kẻ cúng dường cho Ngài đọa vào ba đường ác, Ngài cùng ma nắm tay nhau làm bạn lữ, Ngài cùng với các ma và các trần lao như nhau không khác, đối với tất cả chúng sanh mà có lòng oán hận, khinh báng Phật, chê bai pháp, không vào số chúng Tăng, hoàn toàn không được diệt độ, nếu Ngài được như thế mới nên lấy món ăn ...” (Trích Kinh Duy Ma Cát, phẩm Đề Từ HT. Huệ Hưng dịch). Có thể chia đoạn kinh trên ra làm 4 phần chính:

1/ Từ chữ “Thưa Ngài Tu Bồ Đề... lãnh món ăn”:

Nói về ý nghĩa bát cơm bình đẳng.

Muốn có bát cơm bình đẳng thì phải có tâm bình đẳng, tức là tâm không phân biệt bỏ nhà giàu đến nhà nghèo như Ngài Đại Ca Diếp hoặc bỏ nhà nghèo đến nhà giàu như Ngài Tu Bồ Đề. Bỏ nhà giàu tìm đến nhà nghèo là biểu lộ tánh cố chấp trong việc làm; bỏ nhà nghèo tìm đến nhà giàu cũng là tâm bịnh của chúng sanh phổ biến lâu đời như tục ngữ ta có câu:

“Nghèo giữa chợ không ai hỏi han,
Giàu lâm san nhiều kẻ tìm tới.”

Người tăng sĩ Phật giáo theo chân đức Phật đi khát thực phải biết vận dụng tâm bình đẳng, theo con đường trung đạo thực hành tứ vô lượng tâm: Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả cứu giúp chúng sanh. Sự giàu nghèo là chuyện của thế nhân, kẻ tu hành không nên tham dự vào việc ấy. Cái đáng lo nhất của kẻ xuất gia là phải lo thúc liễm thân tâm giữ giới luật, sao cho sáu căn thanh tịnh, trên cầu thành Phật, dưới tế độ chúng sanh, được như thế mới nhận cúng dường của người tín cúng vậy.

2/ Từ chữ “*Như Tu Bồ Đềlấy món ăn*”.

Người Tăng sĩ phải thâm ngộ thật tướng. Thật tướng là tướng chân thật, không giả dối, tức chỉ bản thể vạn hữu trong vũ trụ, hay pháp tánh. Ở đây Ông Duy Ma Cật muốn bảo Ngài Tu Bồ Đề đừng để tâm vướng mắc vào các pháp mà phải đạt đến cái pháp tánh chân như bình đẳng. Chúng sanh thường khởi sinh vọng niệm phiền não rồi chạy theo nó để diệt trừ. Như thế là lấy vọng để trừ vọng thì đều là vọng cả, cho nên không dứt được. Hơn nữa, tâm chúng sanh cứ rơi vào chỗ nhị nguyên là vọng và chơn, nên mãi sanh tử luân hồi. Người tăng sĩ giữ lục căn thanh tịnh thì vọng niệm dứt sạch, chơn tánh hiện ra, lúc ấy mới thâm ngộ thật tướng vậy:

*“Chưa ngộ bàn vọng luận chơn,
Ngộ rồi chơn vọng nói hơn làm gì.”*

Một khi thâm nhập thật tướng, người tăng sĩ đối diện với tất cả, không tránh né, không trốn chạy, không gắng sức đoạn trừ các thứ phiền não như: Dâm nô si, si ái, ngũ nghịch, tứ đế, phàm phu, thánh nhơn ...

3/ Từ chữ “*Như Tu Bồ Đề... lấy món ăn*”.

Phải thấy được Như lai Viên giác Diệu tâm. Tâm chúng sanh thường khởi vọng tưởng, nên sanh ra nhiều thứ phiền não do đó mà phải sanh tử luân hồi. Người tăng sĩ phải dứt trừ vọng niệm, giữ gìn sáu căn thanh tịnh, không say đắm lục trần, xa rời lục thức, lúc ấy tâm ta như bầu trời trong sáng thấy Như Lai Viên Giác Diệu Tâm, tức là thật sự thấy Phật và nghe Phật nói pháp vậy. Trong kinh Kim Cang đức Phật cũng đã dạy:

*“Nếu dùng sắc thấy Ta, dùng tiếng mà cầu Ta.
Người ấy tu đạo tà, không bao giờ thấy Phật.”*

Ông Duy Ma Cật còn đưa ra 6 vị sư ngoại đạo, mỗi vị chủ trương một cách tu khác nhau để Ngài Tu Bồ Đề thấy được lợi hại của họ mà lo tu hành giải thoát. Chính 6 vị đạo sư ngoại đạo này chưa đắc đạo, còn sanh tử luân hồi thì làm sao họ độ cho kẻ khác được giác ngộ giải thoát. Sáu vị sư ngoại đạo này cùng thời với đức Phật, nhưng ở đây được ám chỉ cho sáu căn con người. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu vị thầy này đã dẫn dắt chúng sanh đi theo sáu nẻo luân hồi, chịu khổ triền miên, không bao giờ thoát ra được. Hơn nữa, người tăng sĩ, một khi đã thể nhập thật tướng, thấy thân này giả tạm, mọi vật đều không thật như ánh chớp, như sương mai, như bọt nước, như chiêm bao, nên không khởi tâm tham, sân, si. Ba độc tham, sân, si không sanh thì không tạo ra ba nghiệp thân, khẩu, ý, do đó không có cảnh luân hồi và người bị luân hồi.

4/ Từ chữ “*Tu Bồ Đề... lấy món ăn*”:

Không mong cầu.

Người đời cứ luôn mong cầu cho nên chịu nhiều đau khổ như một nhà thơ đã nói:

*“Sớm chạy Tây, rồi tối chạy Đông,
Lòng người ham muốn tí như ong.
Trăm hoa hút mật về làm tổ,
Rót cuộc thân tàn một kiếp không.”*

Kẻ tu hành phải dứt lòng mong cầu, giữ lục căn, xa rời lục trần sẽ thấy được bản tâm thanh tịnh như Tổ Huệ Năng đã dạy: “Ta ở cảnh giới vô sở trụ, ta ở cảnh giới vô sở đắc.” Một khi người tăng sĩ tu hành đạt đến cảnh giới vô sở trụ và vô sở đắc thì không còn rơi vào chỗ nhị nguyên chơn và vọng tức là không đoạn vọng, chẳng cầu chơn, bởi vì dụng công đoạn vọng và gắng sức cầu chơn đều là vọng cả.

Một bậc A La Hán như Ngài Tu Bồ Đề chứng được vô tránh tam muội, sạch hết phiền não kiến hoặc, tư hoặc, lục căn được thanh tịnh nên dù có đi vào chỗ tà kiến hay phiền não tâm vẫn như bất động. Ngài Thái Hư Đại Sư cũng đã dạy đệ tử phải luôn giữ tâm mình thanh tịnh, không vọng động trước ngoại cảnh và đừng cố

chấp vào tướng trạng thì thấy được bản tánh của vạn vật trong vũ trụ thường hằng vĩnh cửu. Lúc ấy dù ở trong phiền não vẫn nhận lấy bồ đề, ở trong sanh tử thọ hưởng Niết Bàn tự tại vậy:

*“Dù rằng chỉ có chút trời xanh,
Góc bẽ ôm mây ngủ thật lành.
Mặc kệ phồn hoa vinh với nhục,
Đâu cần tròn khuyết bóng trăng thanh.
Trong non tìm núi non cười ngất,
Ngoài cảnh trông nhau cảnh xót tình.
Ánh mắt kim cương bừng sáng tỏ,
To rồi thấy đạo rộng thênh thênh”*

(Đồng Minh dịch)

Khất thực là một pháp tu khổ hạnh trong mười hai hạnh đầu đà của Phật. Khi đức Phật còn tại thế, Ngài và các đệ tử mỗi ngày đi từng nhà khất thực nuôi thân. Các vật thực do người cúng thí bất kỳ ngon dở, chay mặn đều nhận dùng được cả. Lúc ăn cơm phải nghĩ đến nỗi cực khổ của con vật và người nông phu phơi mình dưới nắng cày bừa cũng như sức lao động của người tín cúng vật thực cho ta và đồng thời tưởng tới sự nhọc nhằn thức khuya dậy sớm của người dệt vải, may mặc:

*“Thân phi nứt lũ, thường tư chức nữ chi lao:
nhứt thực tam san mỗi niệm nông phu chi khổ.”*

Người tu theo hạnh khất thực lần lần mở được các gút cột phiền não và nhờ đó lâu dần lục căn thanh tịnh thấy được bản tâm giác ngộ giải thoát. Ngoài ra kẻ tu hạnh khất thực phải biết vận dụng tâm bình đẳng theo tứ vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả của Phật đối với tất cả chúng sanh như ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu xuống trần gian cho hàm linh vạn vật. Theo quan niệm của đại thừa thì người tu hạnh khất thực xem việc ăn uống và tạo phước cho chúng sanh là phụ, còn việc giáo hóa dạy cho chúng sanh thành Phật mới là chính. Nhưng đối với bản thân mình thì những việc làm lợi ích cho chúng sinh chỉ là phụ, còn tự mình phải diệt trừ vô minh ám chướng phiền não và tu bồi Phật trí cho mình mỗi ngày mới là chính. Người đời thường cho rằng các vị tu hành có nhiều phước đức, nên họ đem vật thực cúng dường mong cầu được hưởng chút phước báo hữu lậu, để trên đường luân hồi nhờ đó mà được an vui tự tại. Nhưng theo phép liễu nghĩa

thượng thừa thì không chủ trương người cúng dường để được phước đức, vì còn chấp vào tứ tướng. Trong kinh Kim Cang đức Phật cũng đã dạy: “Bồ thí mà không thấy mình bồ thí, người nhận và vật đem bồ thí thì mới được nhiều phước đức”. Hơn nữa người nhận của bồ thí tự mình phải lo tu hành sao cho lục căn thanh tịnh, thấy tánh thành Phật, cứu độ chúng sanh để trả ơn thí chủ chớ không phải chú nguyện ban phước đức cho người cúng dường.

Tiếc thay! Ngày nay nhiều kẻ xuất gia ngày ngày ôm bình bát đi khất thực nhận của cúng dường của bá tánh nhưng lại không lo tu, khi chết sẽ bị đọa lạc làm kiếp mang lông đội sừng hoặc làm gà Ken Tác ki để trả nợ cơm áo vậy.

Để kết luận, xin mượn bài kệ của Xuyên Thiên Sư sau đây:

*“Sớm trưa bồ thí phát tâm đồng,
Công đức vô biên tính chẳng cùng.
Đâu bằng tín tâm không trụ chấp,
Một tay đánh phá cõi hư không”*
(HT Thiên Hoa dịch)

ĐỒNG MINH



Niệm Phật chí thành quyết vãng sanh

Tích xưa ghi lại rất đành rành

Một lòng niệm Phật không chi khác

Người vật tâm thành được vãng sanh.

Luật nhân quả thì ai cũng biết. Ai cũng đã từng nghe. Nhưng chẳng phải ai cũng tin. Tuy vậy, đối với những người cao tuổi, từng chứng kiến nhiều trường hợp xảy ra quanh mình trong suốt cuộc đời, thì dù có muốn không tin cũng chẳng được. Có nhiều việc mà người ta chẳng biết được nguyên do nào đưa đây. Cho nên để lý-giải câu hỏi “tại sao”, không có cách nào khác là dựa theo luật nhân-quả.

Gieo tốt - Gặt tốt.
Gieo xấu - Gặt xấu.

Tôi chỉ xin kể ra đây một trường hợp “người thật, việc thật”. Một người gieo hạt xấu, do đó đã gặt phải những **Quả Đắng** theo như cái tựa bài đã chọn ở trên.

Chị TH được sinh ra và lớn lên tại thành-phố Hải Phòng - Việt-Nam. Theo lời tự khai tại đồn cảnh sát thì chị không có bà con họ hàng gì ở Úc cả. Chị có chồng và hai con trai đã trưởng thành, 26 và 30 tuổi. Hai cậu này ở bên nhà cũng chẳng phải làm lụng gì. Đã có bố mẹ ở Úc gửi tiền về sống thoải-mái, tới mức phê phỡn. Hai vợ chồng chị TH tìm cách sang Úc bằng visa du-lịch, và cố tình trốn ở lại để “kiếm tiền”. Hai người đã ở lại Úc được hơn 4 năm cho đến khi bị bắt. Cả hai sống bất hợp pháp, và làm nghề “trồng cỏ”. Là muốn ám chỉ việc trồng cần sa, tiếng lóng của những người làm việc bất lương này.

“Ăn cắp quen tay, ngủ ngày quen mắt”. Họ cứ tiếp tục làm chuyện phi-pháp và qui mô ngày càng gia-tăng, vì thấy “kiếm tiền” quá dễ, mà chẳng có sao cả. Họ biết có những người làm chuyện phi-pháp này trong nhiều năm mà vẫn cứ sống nhõn-nhờ. Chưa bao giờ bị cảnh sát hỏi thăm sức khỏe! Nhưng rồi cuối cùng, hai vợ chồng chị cũng đã bị bắt và chịu án tù. Chuyện tất nhiên!

Ăn nhằm gì ba cái lễ-tễ. Anh chị không sợ, vì đã có người đi trước cho biết là trong tù ở Úc “sướng lắm!”. Họ đối xử với người tù rất là “nhân bản”, và người tù chẳng thiếu thốn một thứ gì. Được chăm-sóc từ giường nệm đến lò

Quả Đắng



sưởi, máy lạnh, cho đến miếng ăn, thức uống thừa mứa và được chăm-sóc y-tế thật chu đáo có khi còn hơn cả những người dân lương thiện đang sống tự-do ở cộng-đồng. Chẳng tốn một xu nào!

Thật vậy, vào tù chừng hai tháng thì chị TH tăng được khoảng 5 ký-lô, trông thật khỏe mạnh với gương mặt hồng hào, đẹp gái. Móng tay móng chân lúc nào cũng mượt mà bóng bẩy, ra khỏi “nhà” là bao giờ cũng trang điểm với những mỹ-phẩm mà tù nhân nào cũng được phép mua. Mỗi cuối tuần còn có một cô hair dresser vào làm tóc cho các chị nữa. Bất cứ kiểu dáng nào! Còn nữa, trong trương mục của chị, số tiền tiết kiệm cứ tăng dần. Dù có đi làm hay không thì vẫn được lãnh lương. Lương đi làm và lương “thất nghiệp”. Trước đây, có người ra khỏi tù, bị trục xuất về Việt-Nam đã lãnh được và mang về gần cả chục ngàn đô tiền lương tiết kiệm. Chẳng những vậy mà còn có cả hai tay cận vệ (nhân-viên bộ Di Trú) hộ-tống về tận phi-trường Tân Sơn Nhất bàn giao cho giới chức Việt-Nam. Có khác gì một “đại gia” đi du-lịch trở về!

Chỉ còn 9 tháng nữa là chị TH thọ xong bản án tù. Dù sẽ bị trục xuất, nhưng chị không lo. Chị đã chuẩn bị mấy năm nay bằng những đồng tiền phi-pháp được gửi về Việt-Nam cho các con của chị giữ dùm. Về bên nhà chị vẫn có thể có một cuộc sống vô cùng thoải mái so với hàng triệu người dân lao động lương-thiện khác. Chị hoàn toàn yên tâm, vì ở địa phương chị đâu có ai biết vợ chồng chị đã làm gì khi ở Úc cơ chứ. Dù có nói là làm “giám đốc” một công-ty thì cũng có khối người tin! Nhiều người còn tin là “tụi Tây ngu lắm! Người Việt mình thì quá thông minh cho nên tới đâu, bèo lắm thì cũng được một chân giám-đốc”.

Vào một buổi sáng thu nắng đẹp, từng nhóm nữ tù nhân hí-hửng ra ngoài ngồi tắm nắng như những nàng “tiên cá” trong thần-thoại phơ

mình bên mồm đá. Thế mà hôm ấy trông chị TH có vẻ âu-sầu! Người chị mệt lã. Chị bảo rằng sao cứ ăn vào thứ gì là “lôn” (phát âm giọng Hải-Phòng) ra hết thứ ấy. Cả tuần lễ rồi. Bị mất đến gần năm ký. Tình trạng này kéo dài thêm mấy ngày nữa thì Bác-sĩ tại trung-tâm y-tế lập tức gửi chị tới bệnh-viện. Kết quả thử nghiệm cho biết là có một cái bứu độc đã phát triển khá lớn trong bao tử của chị. Thật ra thì triệu chứng “lôn mửa” như thế đã từng xảy ra khi chị chưa bị bắt. Chị đã không đi soi ruột và chữa trị theo lời khuyên của bác-sĩ vì chị tiếc những đồng tiền “mồ hôi nước mắt” của vợ chồng chị làm ra.

Lần này, chị TH được ở lại bệnh-viện để theo một chương-trình điều-trị đặc biệt. Chị thậm nhủ là trong cái rủi chị còn có cái may. Nếu không ở tù thì đối với người ở “lậu” như chị sẽ phải trả cho các bác-sĩ chuyên khoa, chuyên viên X-ray, CT-Sur côan và bệnh viện một số tiền không phải là nhỏ. Còn nếu như còn ở Việt-Nam thì dầu cho có bao nhiêu tiền cũng sẽ bị tán gia bại sản như chơi. Tính ra thì chị vẫn còn “lời!”

Ở bệnh viện, chị được giải thích là họ sẽ lên kế -hoạch điều-trị cho chị qua ba bước. Bước một là làm hóa trị trong vòng chín tuần để cho khối u teo lại. Sau đó thì làm xạ trị với hy-vọng là chị lấy lại được sức, đủ để có thể sang đến bước ba là trải qua một cuộc đại phẫu thuật. Chồng chị đang thọ án ở nhà tù nam, cách hơn 200km, cũng được đưa tới thăm chị theo sự cho phép đặc biệt của nha cải-huấn. Tại bệnh-viện, đây là khu đặc biệt dành cho tù nhân cho nên được canh phòng cẩn mật. Ai muốn vào cũng phải xin phép như xin phép vào thăm thân-nhân trong tù vậy.

Trong thời gian chín tuần hóa trị, chị vẫn không ăn được mà phải ăn thức ăn lỏng được tiếp bằng một cái ống nhựa qua đường mũi. Thuốc morphine cũng đã được sử-dụng để tránh cho chị bị những cơn đau hành hạ. Sau chín tuần lễ thì trên đầu chị chỉ còn lại vài sợi tóc lơ-thơ. Chị sụt mất đến hơn hai mươi ký. Nhưng chị đã tỉnh táo hơn, nói được, dầu có khó-khăn, ăn được chút ít thức ăn qua đường miệng. Bệnh viện cho phép chị trở lại nhà tù

để được nghỉ ngơi, để được những người bạn tù người Việt “bồi dưỡng” bằng thức ăn Việt. Chị không ăn được thức ăn Úc trong bệnh-viện. Chị quá thèm được ăn những món ăn quen thuộc của mình.

Trở lại nhà tù, chị ăn được, ngủ được. Thức ăn Việt thuần túy. Có người thuật lại là khi thấy thức ăn thì chị “nhào vò” ăn ngấu ăn nghiền như bọn ăn mày bị thường xuyên bị đói. Chị em đồng hương xúm nhau chăm-sóc chị. Nào là phở, mì, hủ tiếu, bún bò Huế, bún riêu...bất cứ món gì chị thèm thì các bạn tù cũng chiều ý chị. Không thiếu một thứ gì. Mỗi ngày, trước khi đi làm, các bạn tù nấu nhiều món, phân ra thành những hộp nhỏ để sẵn. Khi chị cần ăn thì chỉ việc lấy một hộp bỏ vào microwave hâm nóng lại là có thể ăn được. Chị em đồng cảnh chăm sóc cho chị TH quá chu đáo! Điều này xuất phát từ lòng thương người vẫn còn trong các chị. Và... biết đâu chính họ cũng sẽ rơi vào hoàn cảnh trở trêu này! Vì vậy, việc chăm sóc chị TH giống như vừa làm phước, vừa có thể được “chiết giảm” một phần nghiệp ác mà các chị đã vô tình hoặc cố ý gây ra! Buổi chiều, sau khi cơm nước xong thì các bạn tù dìu chị đi dạo trong khuôn viên. Chị bước đi thật chậm. Mỗi bước chừng 10 – 15cm. Họ đưa chị đi quanh những vườn hoa tuyệt đẹp được chăm sóc, cắt tỉa rất nghệ thuật chẳng khác gì cảnh quan tại một Holiday Resort. Với chị TH, cảnh quan tuyệt đẹp như thế này mà lúc trước chị chẳng thể nhận ra! Điều này không lạ! Nhiều người cứ bận quay cuồng chạy theo tiền tài, danh vọng mà chẳng bao giờ thấy được những gì đang hiện hữu quanh mình! Hy vọng, sau một thời gian, sức chị khả quan hơn thì có thể chuyển sang giai-đoạn xạ trị và phẫu thuật. Chị tin rằng mình sẽ được cứu sống!

Trong thời gian về lại nhà tù, nhận thấy tình trạng của chị có vẻ khá hơn do được “bồi dưỡng” bằng thức ăn hợp khẩu, nên ban quản đốc nhà tù có hỏi ý là chị có muốn xin được phóng thích sớm hay không. Nếu muốn thì người ta sẽ tìm cách xin phép đặc biệt với Bộ Tư Pháp. Không. Ý chị là nếu được ra tù, mà bị trục xuất về Việt Nam thì lấy tiền đâu mà trị bệnh. Mà thầy thuốc và phương-tiện điều-trị ở

bên nhà chắc gì đã tốt bằng ở đây. Trong khi ở đây tù nhân chẳng phải tốn một xu nào. Và lại, với tình trạng sức-khỏe quá yếu như vậy thì chưa chắc gì máy bay đồng-ý cho chị được bước lên.

Chùng một tuần lễ sau khi về lại nhà tù thì triệu chứng cũ tái phát. Bao tử của chị không thể giữ được thức ăn, lại “lôn mưa” tất cả những thứ đã ăn vào. Vậy là chị TH phải quay lại bệnh-viện.

Lần này chị không được cho về lại nhà tù vì bệnh trạng của chị có những triệu chứng trầm trọng hơn nhiều. Chị phải ở lại bệnh viện để các chuyên-viên thường-trực chăm sóc. Lại chuyên thức ăn lỏng qua đường mũi. Lại chuyên thuốc giảm đau.

Xin nói thêm là suốt thời gian ở bệnh viện thì mỗi tuần đều có nhân viên tuyên úy Phật Giáo người Việt vào thăm chị, có khi là một vị sư cô. Những người này trò chuyện, khuyên nhủ, động viên và đọc kinh cầu nguyện cho chị. Hằng tuần chị đều được phép gọi điện thoại cho chồng ở bên nhà tù nam, và các con ở Việt-Nam.

Thế rồi, chị nhận được tin sét đánh! Bệnh tình của chị vô phương cứu chữa. Người ta chỉ có thể cho thuốc giảm đau chứ hoàn toàn không điều trị gì thêm nữa cả. Chị sẽ được đưa sang khu Palliative Care Ward (chờ chết).

Khi biết được điều này thì dần dần có nhiều sự thật được hé mở. Những chuyện này chị hoàn toàn dấu kín khi khai báo với cảnh sát và nhân viên cải huấn. Chị không phải chỉ ở Úc một mình với chồng, mà hiện có một người anh cùng hai đứa con của anh đang ở Úc bất hợp pháp. Thêm một cô em gái tên X cũng đã từng là tội phạm ở đây. Và còn nhiều người họ hàng khác nữa, kể cả một cô con dâu. Chị cưới cô gái này cho con, vì cô này có quốc tịch Úc, sẽ bảo lãnh con trai chị sang Úc để có thể sống thoải mái mà chẳng phải làm gì!

Hồi còn ở Việt-nam, gia-đình chị chủ yếu sống nhờ vào sự bảo trợ về tiền bạc của cô em gái, tên X, đang sống ở Úc. Cô X do ở Úc đã kiếm

được rất nhiều tiền từ những thương vụ phi-pháp nên cô đã gửi thật nhiều tiền gửi về giúp chị mình ở Việt-Nam. Gia đình chị TH ở Việt-Nam do đó có một cuộc sống thật thoải mái về mặt tài chánh. Cô X cũng đồng thời gửi tiền về nhờ chị mình đứng tên mua mấy lô đất để đầu tư. Đạo ấy, khoảng 2005, cô X sống ở Úc nên không thể đứng tên chủ quyền bất động sản ở Việt-Nam được.

Sau chùng vài năm thì có nhiều công ty ngoại quốc kéo vào Việt-Nam đầu tư, do đó giá đất đai tăng vọt lên tận mây xanh. Vợ chồng chị TH vì không kiếm chế nổi lòng tham nên âm thầm bán đi mấy lô đất mà không hề cho cô X ở Úc biết. Ôm trọn số tiền bán đất. Nếu cô X có biết thì cũng chẳng làm gì được. Chính chị TH đứng tên chủ quyền cơ mà! Thế là từ đó hai chị em không còn liên lạc nhau nữa. Sau này vợ chồng chị TH sang tới Úc năm 2008 nhưng cô X cũng chẳng thèm nhìn mặt chị mình. Đúng là vì đồng tiền mà chị em đã trở mặt thành thù. Cô X chỉ vào thăm theo lời yêu cầu của chị TH ở giai đoạn cuối, khi chị biết mình không thoát khỏi lưới hái của tử thần. Lúc này thì chị TH mới “lờ-mờ” nhận thức được rằng dù có bao nhiêu tiền cũng không thể đánh đổi được tình ruột thịt.

Trước đây, khi hai vợ chồng chị đã có nhiều tiền từ việc bán đất thì tìm cách sang Úc kiếm tiền nhiều hơn bằng nghề “trồng cỏ”. Dù hai vợ chồng chị chưa biết mặt mũi cái lá cần sa nó tròn, méo như thế nào. Nhưng không lo! Nhiều đồng hương Hải-Phòng của chị rất thạo cái “nghề” này. Họ sẵn-sàng ra tay giúp đỡ! Tất nhiên là theo điều-kiện của dân trong nghề. Và bằng cách nào để xin được visa sang Úc thì người bên nhà rành lắm! Có tiền thì cái bằng tiền sĩ còn mua được, huống hồ gì một hai tờ giấy visa!

Vì lòng tham mà chị đã dứt hẳn tình chị em. Vì lòng tham mà vợ chồng chị đã bán biết bao nhiêu là độc dược cho những thanh thiếu niên đang có một tương lai trước mặt. Bao gia đình vì thế mà lâm cảnh nát tan. Trong khi anh chị rất thương hai đứa con trai của mình. Từng tuổi này mà chúng nó vẫn rất “sung sướng”, chẳng phải làm lụng gì. Cả hai đều lông-bông

xài đồng tiền từ Úc gửi về. Một trong hai đứa lại vương nặng vào vòng nghiện-ngập. Đến nỗi thời-gian hai anh chị ở tù thì tiền do hai người bán đất để lại cũng hết nhẵn. Mà ở tù thì làm sao trông cổ được để gửi tiền tiếp-tế cho các con. Thế là hai cậu con trai ở bên nhà cũng phải hành nghề trộm cắp để nuôi thân.

Sáng Thứ Hai 22/7/13, ngày đi làm đầu tuần, nhân viên cải huấn người Việt nhận được tin chị TH đã trút hơi thở cuối cùng vào 5 giờ sáng ngày hôm trước, Chủ Nhật 21/7/13. Chị ra đi trong cảnh quá cô-đơn. Quanh chị chỉ là một màu trắng tinh lạnh-lẽo của bốn bức tường trong bệnh-viện. Không chồng, không con, không một thân nhân hoặc bạn hữu nào có mặt. Trong hoàn cảnh ấy thì tâm của chị không thể nào bình an cho được. Bởi thế, sau khi tắt thở mà đôi mắt chị vẫn mở trừng như muốn tìm câu giải đáp cho thắc-mắc “tại sao”.

Thế là chiều hôm ấy đã có một buổi lễ cầu siêu theo nghi-thức Phật Giáo đã được tổ-chức tại nhà nguyện trong tù. Đa số tù nhân người Việt đều có mặt. Bên cạnh đó còn có một vài tù nhân người Á Châu. Không khí của buổi cầu siêu thật cảm động.

Mọi người cảm động một phần là thương cảm cho số phận của người quá cố. Chị TH đã hưởng dương được 50 năm + 18 ngày. Tuy vậy, số thời gian chị ở trong tù cũng đã hơn một năm rồi. Hóa ra, việc tính toán hy-sinh vài năm tù để đổi lấy số tiền lớn, và để có một cuộc sống đầy đủ sau khi mãn án xem ra không hiệu dụng trong trường hợp của chị TH rồi! Rốt cuộc là cho đến chết mà vẫn còn phải mang nặng một bản án tù!

Phần khác, là qua sự kiện này, chị em tù nhân cũng tự soi rọi lại thân phận của chính mình. Họ liên tưởng về những hành vi phạm pháp của mình, và những tai hại mà họ đã gây ra cho xã hội. Cái chết cô-đơn xảy ra với chị TH thì cũng sẽ có thể xảy ra với bất cứ người nào đang có mặt ngay trong buổi lễ.

Người viết xin mượn câu nói của một chị có trường hợp tương tự hồi mấy năm về trước, sau khi thọ gán xong bản án mười năm thì chị

này lại vương phải chứng bệnh ung-thư quái ác. Chị tâm sự với nhân-viên cải-huấn trong lúc đang nằm trên giường bệnh, như là một sự sám hối: “*Anh T ơi! Em tự biết mình đã làm nhiều điều ác đức. Em đã chịu sự trừng phạt của luật pháp. Thọ án cũng sắp xong. Nhưng bây giờ em mới thật sự bắt đầu chịu sự trừng phạt của luật nhân quả. Em không hề oán trách trời cao. Tất cả chỉ tại mình. Em chỉ còn một nguyện vọng là được về Việt-Nam thăm lại mẹ em một lần cuối.*” Chị này xin phép sư cô giúp chị được quy-y Tam Bảo. Buổi lễ xuống tóc quy-y được một vị sư cô, một vị đại đức thực hiện ngay tại bệnh viện với sự hiện diện của nhân viên cải huấn người Việt. Sau đó, chị này luôn hướng lên ảnh Phật, được dán lên bức tường trước mặt, đang nhìn chị rất từ bi. Chị có thể niệm Phật bất cứ lúc nào cho tới khi ngủ thiếp. Chị còn nhờ người nhà ở Việt-Nam mua chim, cá để phóng sanh càng nhiều càng tốt. Sau đó chị này đã được xuất viện và có vừa đủ sức khỏe để bay về thăm lại mẹ già một chuyến trong vòng bảy ngày. Chị đã được toại nguyện! Chị trở lại Úc và qua đời không lâu sau đó.

Chúng ta có thể trốn-tránh được sự trừng phạt của luật pháp thế-gian, nhưng sự trừng phạt của luật nhân-quả thì không bao giờ sai-sốt, dầu chỉ một ly.

Nguyễn Tất Thắng
22/07/2013



Trong quyển tiểu thuyết “Đêm Dài Một Đồi” được giải thưởng văn học toàn quốc vào năm 1966, cố văn sĩ Lê Tất Điều đã viết: “Tôi sanh ra đời là một ngôi sao xấu...” để mở đầu cho lời tâm sự của một đứa trẻ mù lòa. Câu đó khiến tôi cảm động đã khóc suốt cả buổi chiều vì thương nhân vật trong truyện. Ôi ! đó chẳng qua là cái tật thương vay, khóc mượn của mình. Như vậy mà cũng làm má phải lo, rồi má phải ngồi kể bên mà giải thích, mà khuyên nhủ: “ Con sanh ra may mắn có cha, có mẹ và bạn bè thân hữu kể bên con. Vậy là con đã tạo đủ duyên lành để sống trên cõi đời này rồi, con a...”

Má nói chữ duyên với tôi, quý thầy dạy chữ duyên cho tôi. Có lần tôi đặt câu hỏi : Chữ duyên là gì? Một người bạn đạo vừa giải thích và vừa mắng yêu: “ Mây hư quá mà, nghe pháp mà lỗ tai để ở đâu rồi. Quý thầy nói duyên là sự gặp gỡ.”

Bây giờ tôi chiêm nghiệm càng thấy lời nói của má là đúng. Tôi quả có phần phước là được may mắn sống trong môi trường tốt cũng như gặp được những vị thầy mà đối với tôi có thể gọi là Minh Sư hay là những bậc Thiện tri thức đưa đường chỉ lối cho tôi hướng đến những giá trị tâm linh cao quý vốn có của đạo Phật.

Nhân mùa Phật Đản năm nay chúng tôi có đầy đủ nhân duyên để hưởng phước lành, vì sau ngày Hòa Thượng Tông trưởng viên tịch, lần đầu tiên Giáo hội tổ chức An Cư Kiết Đông tại chùa Quang Minh. Vậy là khóa tu ngắn hạn lại được mở ra nhằm khuyến khích Phật tử từ xa gần đến tham gia. Đây là lần thứ nhì của Khóa xuất gia ngắn hạn được tổ chức tại chùa Quang Minh, mà cũng là lần đầu tiên sau ngày khánh thành Đại Hùng Bửu Điện.

Tôi lò cò, lộc cộc vào chùa khi lễ tắm Phật đã chấm dứt, các bạn đạo tề tựu ăn uống vui vẻ. Tôi làm một đĩa bánh cuốn chay. Ăn một đĩa bánh cuốn để tâm thầm nhớ ơn từ người trồng lúa, xây bột, ủ bột, tráng bánh, làm chả, nước mắm chay vân vân và vân vân... Ăn và cảm ơn rồi thì mới biết mình thật là vô dụng vì không làm nên tích sự gì cả. Thôi thì trong bài “Thập



chúng đại nguyện” của Ngài Phổ Hiền, tôi xin chọn lời nguyện thứ Năm “ Ngũ giả tuy hi công đức” để làm hành trang cho con đường tu tập của mình. Dường như thầy trụ trì cũng biết ngoài một số bạn đạo tích cực làm công quả cho chùa thì cũng có một số không làm việc gì cả, do nhiều lý do khó nói trong số đó có tôi. Tấm lòng thầy rộng lớn vừa muốn vớt cả đám đê tử siêng năng cần mẫn, có nhiều công đức lại vừa muốn vớt luôn đám đê tử ăn không ngồi rồi như tôi, nên thầy tận tình khuyên nhủ và dặn dò: “ Trong tâm tuy hi, tán thán công việc người khác làm thì công đức cũng bằng công đức người”. Tôi xin thành tâm ca ngợi việc làm của các bạn đạo trong những ngày Đại Lễ như hôm nay.

Buổi tối hôm đó có 23 vị đã phát nguyện phải tóc đắp y vàng để thực tập hành trì giới luật sống trọn 10 ngày theo hạnh của người xuất gia, 19 vị đắp y nâu dự tu trọn khóa. Vậy là cũng phải trên 40 mươi vị cùng nhau gieo hạt giống lành trên mảnh đất Phật hay nói theo nhà Phật là quý vị đã gieo duyên trên mảnh ruộng phước điền trong mùa Phật Đản năm nay.

Lành thay và cao quý thay những tâm tình của các bạn đạo !

Đoàn tăng lữ vận y vàng rực rỡ từ từ tiến lên chánh điện trong ánh hào quang của chư Phật trong ngày Đại Lễ. Không gian trầm lắng, trang nghiêm và tĩnh lặng, tôi nghe dường như âm vang tiếng nhạc từ các cung trời chuyển đến lời chúc mừng ngày Khánh Đản của Đấng Từ Phụ. Thoảng hương trầm cúng dường Đấng Đạo Sư xuất thế. Lòng chúng tôi dâng lên niềm hi vọng.

Những chiếc y vàng tỏa sáng một góc trời, làm bầu trời quang đãng lại càng thêm quang đãng. Ánh sáng từ muôn phương dường như

cũng vui lây với niềm vui của nhân loại, chan hòa xuống trần gian mang hơi ấm cho chúng sanh, trong cõi Diêm Phù Đề vào ngày đầu đông, nơi vùng đất Braybrook tại chùa Quang Minh. Mọi người hưởng được một buổi sáng an lành và ấm áp tạo nên một không khí đầm ấm và thân thương làm ấm lòng khách thập phương đến dự. Thế nên trong câu chuyện giữa tôi và hai vợ chồng vị khách là ân nhân của chùa trở nên ròn rã. Ông có thắc mắc đến cách vận y vàng và nâu của hai nhóm Phật tử vừa nhận giới. Ông cũng nêu lên nhận xét năm nay số lượng tăng ni gia tăng hơn những năm trước nhiều. Ông lại cũng tỏ lòng vui mừng trong cung cách sử dụng ngôi chùa dành cho sinh hoạt cộng đồng của thầy trụ trì. Đồng thời ông cũng khen ngợi cách bày trí các tượng Phật trong khuôn viên chùa và niềm ao ước của ông. Ngắm nhìn và ca tán vẻ đẹp của chư Phật cũng là một duyên lành mà tôi cho là quý vị đó đã gieo được trong hiện đời mà cũng có thể là đời sau họ sẽ gặp được Phật pháp ?

Tôi có nói với ông những kiến thức mà tôi biết được chỉ là phần nhỏ nằm trong kiến thức của quý thầy, nếu ông có thì giờ nhiều hơn để nghe thầy trụ trì Phước Tấn giải thích thì chắc là ông sẽ hài lòng và thỏa mãn hơn. Đó cũng là một duyên lành mà ngày hôm đó tôi có cảm nhận là niềm thông cảm chan hoà trong câu chuyện giữa tôi và họ, những người bạn tốt, không cùng màu da, không cùng tôn giáo và không cùng chủng tộc nhưng có cùng dòng máu đỏ.

Tôi không ngờ thầy P.H. là một vị tăng sĩ trẻ tuổi trong tăng đoàn lại có nhiều tài ba như vậy. Thầy tụng kinh đã rất hay mà dịch ra tiếng Anh nguyên bài nói của thầy Phước Hựu lại càng hay hơn.

Cũng lại là chữ duyên, trong mùa Phật Đản năm nay chúng tôi có đủ duyên lành để được nghe thầy Trụ trì giảng tính vô thường của vạn pháp bằng cả hai ngôn ngữ Việt lẫn Anh. Không nhâm lẫn thầy dùng một thí dụ giản dị về chiếc xe để nói lên được tánh vô thường và giá danh của vạn pháp. Phải nói là thầy quá khéo trong việc diễn đạt một thí dụ mà mọi người đều có thể hiểu được trong một diễn đàn gần như đủ tầng lớp, đủ mọi căn cơ và kiến

thức về Phật pháp. Cao như chư vị tăng ni cũng có; thấp lẽ tẻ như chúng tôi cũng có; hay không không, sắc sắc như mây ông tây bà đầm là những thân hữu của chùa cũng có. Đoạn thầy lại dùng lời của Hoà Thượng Nhất Hạnh để chứng minh sự vô thường vốn đã có từ khi một đứa trẻ vừa mới chào đời, làm tôi nhớ lời của cố văn sĩ Võ Đình Cường trong cuốn “Thử Hoà Diệu Sống”. Ông viết: “...Hãy nhìn cuộc đời như đứa trẻ nhìn vào ống kính vạn hoa...” Vâng, hãy nhìn đời trong tâm an vui và hỉ lạc cho dù nó là vô thường đi nữa, ta cũng nên dang hai tay đón nó trong tâm hoan hỉ và vô tư.

Vậy thì ai dám bảo đạo Phật là bi quan yếm thế?

Tôi là đứa bao giờ cũng đi đầu mùa và cuối mùa còn ở giữa thì không có lỗi như thân cây chuối. Vậy thì nhân duyên được nghe thầy Phước Thái giảng về thuyết vô ngã quả là một phước duyên của tôi nói riêng và đại chúng ngày hôm đó nói chung. Thuyết vô ngã, tôi đã được đọc trong quyển *What The Buddha Taught* của Đại Sư Tiến Sĩ *Walpola Rahula* bằng tiếng Anh do ông xã tôi giới thiệu. Tôi đọc lung bùng cả hai lỗ tai, lật mấy chục trang của quyển tự điển mà có hiểu được gì đâu. Ngày hôm nay, được thầy giảng rõ bằng tiếng Việt thấy lòng thích thú và mở rộng tâm hiểu biết rất nhiều. Đây là một thuyết gọi là quá tuyệt vời và độc đáo của đạo Phật mà không tôn giáo nào có được. Nó là thuyết căn bản của Phật giáo, cả Nam Tông lẫn Bắc Tông đều chấp nhận, dựa vào đó để luận và giảng. Hiểu biết thì không có nghĩa là mình đạt đến điểm gì trong sự giác ngộ cả, nhất là hiểu chút chút như tôi. Nhưng có một điều là mình nhận ra bao nhiêu điều mà mình cho là bị ức hiếp hay chèn ép hay gì gì đi nữa thì cũng là do ngũ uẩn chi phối. Thầy còn cho biết Đức Phật ví thân người như cây chuối không lõi. Vậy thì chuối mà có đẽ chuối thì chuối nào cũng đẹp. Tất cả đều được tồn trữ trong kho A lại da thức, thầy nói. Nhận ra là một lẽ nhưng thực hành được nó hay không lại là lẽ khác.

Ôi ngũ uẩn ! Ôi sắc thân ! Ôi tâm thức ! Không có cái ta trong cõi đời này thì giận ai làm chi

cho mệt. Vậy mà cũng giận, cũng hơn thua, cũng tranh giành để rồi tạo bè phái, tạo uy quyền sát phạt nhau. Thầy còn giảng rõ, nếu không có linh hồn thì cái gì bị trừng phạt ở cõi địa ngục: Kho A lại da thức sẽ nhận được phần đó. Tâm và ý là cội nguồn của mọi phước báo hay tội lỗi. Thầy nói cái bản ngã hành khiển ta, khiến ta tác tạo những điều thiện ác, do vô minh che mờ Phật tánh của chúng ta. Vô minh khiến ta như người mù không không nhận ra được chân giá trị của bản tánh chân như đang có. Vậy thì cho dù có đủ năm căn mà ta hành động thiếu sáng suốt thì ta cũng như người mù. Ôi ! tôi khóc cho đứa trẻ mù trong câu chuyện nhưng xét cho cùng, đôi khi hành xử những việc trong đời mà không biết rằng: “chính tâm mình đã mù mất đi rồi.”

Cuối cùng thầy phân tích cho thấy sự khác nhau của hai nguồn Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền là chỗ trong kinh “Đại Bát Niết Bàn” Đức Phật nói có thường, lạc, ngã, tịnh mà Phật giáo Nam truyền không chấp nhận. Đây là cái đoạn mà tôi bị mù vì không rõ được: Làm sao lý giải được từ chỗ vô thường, khổ, không, vô ngã để đi đến chỗ có thường, lạc, ngã, tịnh đây?

Thôi thì phải hỏi quý thầy vậy.

Tôi thấy trong tôi còn đầy chấp ngã, kiêu mạn, sân si.. Vậy là con đường tu tập của tôi còn dài dài... Tâm thức tôi cũng mù như đứa trẻ mù kia nếu tôi làm điều xấu ác...

Ây da, tu thiệt là khó, biết chừng nào mình mới đạt tới vô ngã đây? Vậy mà câu kết luận của thầy Phước Thái làm tôi mừng hết lớn.

Thầy nói không phải ai cũng đạt đến vô ngã được. Vì nếu đạt được vô ngã thì phiền não đoạn diệt, các lậu đã tận và chứng được quả A La Hán. Những bậc Bồ Tát, những bậc Thánh khi đạt đến Vô Ngã thấy mình và chúng sinh là một, họ thương yêu tất cả chúng sinh và sống vị tha, quên mình lo cho tất cả. Điều đó chúng ta chưa đạt được.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. À ra vậy ! Thôi ráng hành trì pháp môn niệm Phật, tu tâm sửa tánh ... làm điều thiện tránh việc ác... để cái kho A lại da thức có được phần tốt đẹp còn việc gì nữa thì chắc hạ hồi phân giải. Tôi cũng

muốn biết cách luyện tâm vô ngã như thế nào mới gọi là đúng đường? Hôm nào chắc cũng phải hỏi quý thầy.

Quả xứng đáng như lời thầy Phước Tấn nói, chúng tôi có một Đại Lễ Phật Đản kéo dài và đầy giá trị qua buổi giảng của Đức Đạt Lai Lạt Ma với bài Bát Nhã Tâm Kinh vào ngày 19/06/2013. “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Đa La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách...” bài kinh do thầy Phước Tấn tụng, mở đầu trong buổi giảng Pháp của Ngài vào buổi sáng. Bài Kinh này là cốt lõi rút ra từ kinh Đại Bát Niết Bàn được vị Thánh Tăng dùng thuyết Tánh không để diễn giảng. ***“Form is empty, but emptiness is form. Emptiness is not other than forms and forms are not other than emptiness.”*** Ngài nói rất rõ ràng và mạch lạc qua Tạng ngữ và được diễn dịch bằng Anh ngữ và đôi khi Ngài dùng cả Anh ngữ để giải thích. Theo tôi được biết: nói trước công chúng, Ngài dùng Anh ngữ nhưng giảng Pháp thì phải là Tạng ngữ. Ngài còn cho biết câu cuối cùng: “Yết Đê, Yết đế, Ba La Yết Đê, Ba La Tăng Yết Đê, Bồ Đề Tát Bà Ha” là câu mở đường, chuẩn bị cho cuộc hành trình đưa ta đến bờ giải thoát. Ngài nhấn mạnh về thuyết ***“Emptiness of Emptiness”***. Hôm nào chắc chúng tôi cũng phải nhờ quý thầy diễn dẫn lại bằng tiếng Việt bản kinh này.

Cuối cùng Ngài giảng ***Tám Thi Kệ Chuyển Tâm***. Tôi cho là quá xuất sắc, câu kệ thứ Năm là phần tâm đắc của tôi; nhưng không biết mình có làm được hay không? Xin trích dẫn để chia sẻ cùng quý vị.

***“5. Có chúng sanh do tâm ghen ghét
Phi lý chửi mắng, phỉ báng, ... con
Xin nhận hết phần thua về mình
Nguyện dâng tặng chúng sanh phần thắng.”***

Thật là quá lý tưởng. Tôi xin cảm ơn Ngài đã bỏ thời giờ ra giảng cho Tám câu kệ này. Xin cảm ơn sư phụ Phước Tấn đã dành hơn 200 vé cho các đệ tử của thầy, trong số đó có tôi là đứa vừa lu bu, lại vừa lù khù được phước duyên của ngày hôm nay.

Như vậy xem như mùa Phật Đản năm nay,

chúng tôi có nhân duyên được nghe những bài thuyết pháp rất quan trọng cũng có thể nói là cốt lõi của Phật giáo Đại Thừa. Khởi đầu là thuyết Vô thường và Tánh không với ví dụ cái xe, rồi thuyết Vô ngã, cuối cùng cũng lại là thuyết Tánh không với bài Bát Nhã Tâm Kinh. Với thuyết Tánh không thì gồm có: Giả danh, Trung đạo và Tánh không và còn một thuyết nữa thì tôi quên mất rồi.

Hồi nhỏ không thông chuyện gì thì tôi chạy đến đòi cha mẹ giải thích. Bây giờ, tôi là đứa con mồ côi, mồ cút. Những việc thắc mắc này biết hỏi ai đây? Hỏi trời? Hỏi đất? Đã quy y tam bảo thì là con Phật, mà việc Phật pháp thì nên hỏi quý thầy là phải rồi. Rõ ràng tôi là đứa lảm cẩm nhất đời, chuyện gì lo cũng không xong, chỉ làm bận lòng quý thầy mà không nên tích sự gì cả.

Tôi yêu quý Phật giáo một phần nhờ sự đôn đốc tinh thần của cha mẹ tôi. Tôi yêu quý Phật giáo Đại thừa nhờ vào những tấm gương của quý thầy, chịu khó, chịu khổ hi sinh, khuyến khích, sách tấn chúng tôi trong việc tu tập và

sống cuộc đời vị tha.

Tôi viết bài này trước là tri ơn quý thầy đã cho tôi những bài pháp đầy đủ ý nghĩa trong mùa Phật Đản năm 2013. Sau là cho mình đọc để tự mình rèn luyện bản thân mình cho xứng đáng với công ơn sinh thành, dạy dỗ của cha mẹ.

Kính lạy song thân người đã tạo ra hình hài của con và hướng con trong lý tưởng sống tốt đẹp.

Con xin hồi hướng công đức có được trong bài viết này cho tất cả chúng sanh trong pháp giới và các đấng sanh thành đã có từ nhiều đời trong mùa Vu Lan này.

Tôi xin trích phần kệ thứ 7, để kính dâng mẹ yêu :

**7. Tóm lại, dù trực tiếp hay gián tiếp
Dâng mọi lợi lạc lên Mẫu thân
Những tổn hại khổ đau của mẹ
Nguyện bí mật nhận hết về mình.**

Diệu Thông

Mười ngày ngắn hạn xuất gia
Ai nấy cảm thấy vui mà xiết bao
Người y vàng, kẻ y nâu
Vàng nâu tuy khác một màu yêu thương
Đạo tràng niệm Phật khó lường
Người người ý thức vô thường lo tu
Sớm chiều nỗ lực công phu
Tụng kinh bái sám liên du ước nguyện
Tu hành nhẫn nại bền kiên
Uống ăn đạm bạc của tiền màng chi
Vào hàng đại chúng Tăng Ni
Vàng y rực rỡ còn gì sánh đâu
Con nay cũng chẳng mong cầu
Quãng đi gánh nặng lo rầu đã qua
Một lòng quyết lách đường ma
Con đường đã chọn Phật Đà cứ đi
Trái bao kiếp sống ngu si
Nay con thức tỉnh thẳng đi một đường
Đời người nào khác hạt sương
Mắt còn tan biến vô thường chóng thay
Xuất gia tu tập mười ngày
Thân tâm an lạc sâu dày khó phai
Dòng đời trôi nổi dạn dày

Cùng một
hương
đi



Biết bao khổ sở trần ai lụy sầu
Nay con thể phát cạo đầu
Y vàng con đắp trồng sâu căn lành
Mười ngày qua thật là nhanh
Tình Thầy tình bạn an lành biết bao
Lời Thầy khuyên dạy ngọt ngào
Chúng con nhớ mãi khắc sâu tâm hồn
Ơn Thầy ghi tạc sắc son
Con nguyện báo đáp vẹn tròn nghĩa ân

Thanh Trì

Đạo Phật lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa, nếu không có căn gốc của từ bi, thì cánh cửa của phương tiện kể như không có chìa khóa để mở, đánh mất đi sự thắng dụng lợi tha cứu thế của Phật pháp. Nhưng tâm từ bi lớn lao của Đức Phật làm thế nào mới khởi phát được ? Có thể nói: Đức Phật từ ngày thành đạo dưới cây bồ đề, ngài phát hiện các pháp đều có pháp tánh bình đẳng, chúng sanh Phật tánh bình đẳng, nhưng có rất nhiều chúng sanh vì mê muội mà không biết đạo lý này, đắm chìm trong biển khổ, không ngóc đầu được, cho nên ngài động lòng từ bi mà thương chúng sanh, thệ nguyện cứu khổ chúng sanh cùng lên bờ giác ngộ. Đây tức là từ trong bản tâm từ bi, mở ra cánh cửa phương tiện, thuyết pháp giảng dạy, ngày đây mai đó vì phục vụ chúng sanh mà phải bôn ba ròng rã cả 50 năm trời.

Từ bi được giải thích như sau: Từ có khả năng đem sung sướng, là nhân từ yêu vật; Bi có khả năng nhổ bật cái đau khổ là sự giúp đỡ đồng tình. Từ Bi là mặt trái của sân hận tàn bạo, có từ bi rồi con người mới có sự ấm áp, mới có sự an lạc; nhân loại mất đi lòng từ bi mới phát hiện thú tánh, sân hận, dành giết với nhau. Nhà Nho xưa có câu: “ Thiên địa đại đức viết sanh, sanh giả giai bất dục kỳ Tử “.

Khổng Tử dạy: “Kiến kỳ sanh , bất nhẫn kiến kỳ tử; văn kỳ thanh, bất nhẫn thực kỳ nhục”. Mạnh Tử dạy: “ Trắc ẩn chi tâm, nhân giai hữu chi”. Nhà Nho cảm sát sanh, bài xích sự tàn ác của bá đạo, đề xướng chánh nhân của vương đạo cùng tôn chỉ từ bi cứu khổ của Phật giáo có phần giống nhau; chẳng qua đối tượng thi hành từ bi trong Phật giáo có phạm vi rộng lớn, không giới hạn vào con người, tất cả chúng sanh ngoài con người, thậm chí là những vật có đẳng cấp thấp, chỉ cần có sinh mạng, đều phải dùng từ bi để yêu thương, bảo vệ, đồng tình để cứu giúp nó, khiến chúng sanh rời khổ đặc lạc, như vậy mới chu toàn trách nhiệm và nghĩa vụ của chính mình.

Ý nghĩa chữ từ bi trong đạo Phật với chữ bác ái giống nhau; nhưng khác với lời kêu gào bác ái của các học thuyết tôn giáo khác. Họ mặc dầu kêu gọi bác ái, thực tế ái mà chưa bác, bởi

Phát triển lòng Từ Bi



lẽ đối tượng của sở ái là yêu thương thân bằng quyến thuộc của chính mình, yêu thương chủng tộc của quốc gia mình hoặc yêu thương những người cùng chung tín ngưỡng của mình; nếu như bạn không có tín ngưỡng, hay học thuyết chung, họ không những không yêu bạn, thậm chí làm điều bất lợi cho bạn. Nếu sự thật như vậy thì có xứng đáng gọi là bác ái không? Thật sự bác ái là không có điều kiện, là không biên giới, là không có giai cấp. Như vậy tình thương này chỉ có từ bi trong Phật giáo mới tìm được; cái gọi là “ Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi” là lòng từ không có giới hạn và đối tượng, chỉ có cảm giác mình đồng thể với chúng sanh, cái khổ của chúng sanh là cái khổ của ta, đó hoàn toàn từ lòng tốt phát sinh, không phân biệt bỉ ngã, đem từ ái mở rộng đến trình độ như vậy , mới là tình thương bao la rộng lớn , không có bên bờ . Phật dạy : “Ngã quán đại địa chúng sanh, nhất như La Hầu La”. Ta có thể thấy được tâm Phật bình đẳng, phổ biến rộng khắp.

Từ bi của đạo Phật , có khả năng phát triển vô hạn, là tinh thần đại triệt đại ngộ, đại trí đại lực , nhìn thấu nguyên lý vũ trụ nhân sinh của đức Phật, tinh thức cuộc đời của chúng sanh , tuần hoàn qua lại, hỗ tương quan thiệp, oán thân thuận nghịch đã dung nhập thành một thể. Kinh Phạm võng có dạy : “ Xem tất cả chúng sanh đều như cha mẹ , thầy bạn, anh chị em, không phân biệt thân sơ ruột thịt , không phân biệt giai cấp , chỉ cần cứu khổ tha nhân, đó chính là thiên chức và nghĩa vụ của chính mình phải làm tận. Trách nhiệm chưa xong , nghĩa vụ chưa tận, thì tâm trắc ẩn chưa an lòng, cho nên “ năng đương nhân bất nhượng” gặp nghĩa nên xông xáo đi làm, đem bác ái của từ bi mở rộng đến cảnh giới không có giới hạn.

Tâm Hòa suu tâm

GIỮ CHÁNH NIỆM TRONG VIỆC TU HỌC RẤT CẦN THIẾT!

Tóm tắt “*Kinh Anapanasati*” (*Kinh Quán hơi thở*)
và *Kinh “Satipatthanasutta”* (*Kinh Niệm xứ*)

1/ **Định nghĩa:** Chánh niệm là niệm chánh đáng. Chánh niệm là một nhánh trong Bát Chánh Đạo và niệm là yếu tố căn bản, niệm là ý thức, là sự tỉnh táo, là tỉnh thức. Trong các kinh tạng Pali, Đức Phật thường thuyết giảng cho các vị tỳ kheo có *Kinh Anàpànasati*, chữ *Anàpàna* có nghĩa hơi thở, *sati* là chánh niệm tỉnh giác tức giác tỉnh quan sát và ghi nhận một cách khách quan. *Anàpànasati* được Thiền sư Nhất Hạnh dịch là *Kinh Quán Niệm Hơi Thở*, có nghĩa dùng hơi thở để giữ chánh niệm và quán niệm (định tâm phiền não)

2/ **Dẫn chứng kinh sách nói về chánh niệm:**

Có nhiều kinh đã đề cập tới chánh niệm, và thực hành chánh niệm như thế nào? Tỷ dụ “*Kinh Niệm Xứ*”, “*Kinh Người Biết sống một mình*”, “*Kinh Quán Niệm Hơi Thở*”, “*Kinh Tăng Nhất A hàm An Ban*”, “*Kinh Tu Hành Đạo Địa*” trong *Đại Tạng Tân Tu*. Trong đó có 2 kinh mà chùa Pháp Bảo và chùa Phước Huệ đã cho ấn tống, đó là Quán Niệm Hơi Thở và Tứ Niệm Xứ. Hai kinh này rất quan trọng trong việc thực tập chánh niệm, nặng về thực hành, không nói nhiều về lý thuyết (chánh niệm là định tâm).

I.- **KINH QUÁN NIỆM HƠI THỞ:**

Kinh Quán Niệm Hơi Thở có tên trong Hán Tạng là *Kinh An Ban Thủ Ý*, tức kinh số 602 trong *Đại Tạng Tân Tu*, được lưu hành từ Việt Nam từ thế kỷ thứ 3, then chốt là 16 phương pháp thở ra và thở vào, phối hợp với bốn lãnh vực quán niệm (*Tứ Niệm Xứ*): Thân thể, cảm giác, tâm ý và đối tượng tâm ý. Hồi đó, tức thời Đức Phật tại thế, Ngài cư trú trong vườn Kỳ Thọ nước Xá Vệ cùng với các đại đệ tử như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Ca Chiên Diên, Câu Thi La, A Nậu Lô Đà, Ưu Bà Đa, A Nan Đà v.v.. Đêm đó có trăng tròn tháng tư, Đức Phật đưa mắt quán sát đại chúng và lên tiếng: “Quý vị khát sĩ, cộng đồng chúng ta đây quả là thanh tịnh và có thực chất tu học, không mang tính chất phù phiếm. Trong đại chúng có những vị khát sĩ đã đắc quả A La Hán, trừ hết

phiền não, thành tựu trí tuệ và giải thoát. Có những vị đã chứng quả Bất Hoàn, Nhất Hoàn, Dự Lưu, có vị đang thực tập Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, ngũ căn, ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo, có vị đang tập Từ, Bi, Hỷ, Xả, Cừu tượng quán hay Quán niệm hơi thở.

“Quý vị khát sĩ! Phép quán niệm hơi thở, nếu được phát triển và thực hành liên tục, sẽ đem lại những thành quả và lợi lạc to lớn trong 4 lãnh vực quán niệm (định tâm phiền não). Nay đây, quý vị khát sĩ, người hành giả đi vào rừng hoặc tới một gốc cây, nơi vắng vẻ, ngồi xuống trong tư thế hoa sen, giữ thân cho thẳng và đặt chánh niệm trước mặt mình. Thở vào người ấy biết rằng mình thở vào, thở ra người ấy biết rằng mình thở ra. Sau đây là phần thực hành 16 phép thở có chánh niệm:

1. Thở vào một hơi dài, người ấy biết: ta đang thở vào một hơi dài. Thở ra một hơi dài, người ấy biết: ta đang thở ra một hơi dài.
2. Thở vào một hơi ngắn, người ấy biết: ta đang thở vào một hơi ngắn. Thở ra một hơi ngắn, người ấy biết: ta đang thở ra một hơi ngắn.
3. Ta đang thở vào và có ý thức về toàn thân thể ta. Ta đang thở ra và có ý thức về toàn thân thể ta, người ấy thực tập như thế.
4. Ta đang thở vào và làm cho toàn thân ta an tịnh. Ta đang thở ra và làm cho toàn thân ta an tịnh, người ấy thực tập như thế.
5. Ta đang thở vào và cảm thấy mừng vui. Ta đang thở ra và cảm thấy mừng vui, người ấy thực tập như thế.
6. Ta đang thở vào và cảm thấy an lạc. Ta đang thở ra và cảm thấy an lạc, người ấy thực tập như thế.
7. Ta đang thở vào và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta. Ta đang thở ra và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta, người ấy thực tập như thế.
8. Ta đang thở vào và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta an tịnh. Ta đang thở ra và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta an tịnh, người ấy thực tập như thế.

9. vào và có ý thức về tâm ý ta. Ta đang thở ra và có ý thức về tâm ý ta, người ấy thực tập như thế
10. Ta đang thở vào và làm cho tâm ý ta hoan lạc. Ta đang thở ra và làm cho tâm ý ta hoan lạc, người ấy thực tập như thế.
11. Ta đang thở vào và thu nhiếp tâm ý ta vào định. Ta đang thở ra và thu nhiếp tâm ý ta vào định, người ấy thực tập như thế.
12. Ta đang thở vào và cởi mở cho tâm ý ta được giải thoát tự do. Ta đang thở ra và cởi mở cho tâm ý ta được giải thoát tự do, người ấy thực tập như thế.
13. Ta đang thở vào và quán chiếu tính vô thường của vạn pháp. Ta đang thở ra và quán chiếu tính vô thường của vạn pháp, người ấy thực tập như thế.
14. Ta đang thở vào và quán chiếu về tính tan hoại của vạn pháp. Ta đang thở ra và quán chiếu về tính tan hoại của vạn pháp, người ấy thực tập như thế.
15. Ta đang thở vào và quán chiếu về giải thoát. Ta đang thở ra và quán chiếu về giải thoát, người ấy thực tập như thế.
16. Ta đang thở vào và quán chiếu về sự buông bỏ. Ta đang thở ra và quán chiếu về sự buông bỏ, người ấy thực tập như thế.

Phép quán niệm hơi thở, theo những chỉ dẫn trên, nếu được phát triển và thực tập liên tục, sẽ đưa 4 lãnh vực quán niệm đến chỗ thành tựu viên mãn, rồi 4 lãnh vực quán niệm sẽ đưa 7 yếu tố giác ngộ đến chỗ thành tựu viên mãn, tức được trí tuệ và giải thoát. Đó là những điều Đức Thế Tôn nói. Đại chúng ai nấy đều tỏ vẻ vui mừng được nghe người dạy.

II.- **KINH NIỆM XỨ** (Satipatthanasutta, Sati: chánh niệm, patthana: liên hệ về tâm, sutta: kinh). Trích trong Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ - Kinh Niệm Xứ, trang 131-150).

Một thời Đức Thế Tôn ở xứ Ku Ru (Câu Lô), Kammassadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàm, đô thị xứ Ku ru). Rồi Đức Thế Tôn gọi các Tỳ Kheo: “Này các Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là “BỐN NIỆM XỨ”.

Thế nào là bốn? Này các Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh

giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Và này các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo sống quán thân trên thân? Này các Tỳ Kheo, ở đây, Tỳ Kheo đi đến khu rừng, gốc cây, hay ngôi nhà trống và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tinh giác, vị ấy thở vô; tinh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài vị ấy tuệ tri: “Tôi thở vô dài”; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: “Tôi thở ra dài”; hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: “Tôi thở vô ngắn”; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: “Tôi thở ra ngắn”.... Lại nữa, này các Tỳ Kheo, Tỳ kheo đi, tuệ tri: “Tôi đi”, hay đứng, tuệ tri: “Tôi đứng”; hay ngồi, tuệ tri: “Tôi ngồi”; hay nằm, tuệ tri: “Tôi nằm” Thân thể được sử dụng thế nào, vị ấy tuệ tri thân như thế ấy. Vị ấy sống quán thân trên nội thân, rồi thân trên ngoại thân... Vị ấy an trú chánh niệm như vậy... và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ Kheo, như vậy là Tỳ Kheo sống quán thân trên thân (Quán là định tâm phiền não, phiền não hay vọng tâm không khởi là định đang có kết quả).

Lại nữa, này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo khi bước tới bước lui, biết rõ mình đang làm, khi ngó tới ngó lui, khi co tay duỗi tay, khi mang áo, mang bát y, biết rõ mình đang làm, khi ăn uống nhai nếm, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng biết rõ mình đang làm (im lặng mà biết là đang định tâm, có định sẽ phát huê).

Tiếp theo Đức Thế Tôn dạy các Tỳ Kheo quán thân từ bàn chân lên tới tóc, quán tứ đại trong thân, quán một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa tan rã dần dần cho đến khi chỉ còn bộ xương trắng lúc nào cũng trong chánh niệm. Rồi tới quán cảm thọ trên cảm thọ, quán tâm ý trên tâm ý (tỷ dụ tâm tham khởi biết có tham, quán mà không ràng buộc vào chúng...). Sau hết là quán pháp trên pháp, tỷ dụ tâm có tham dục, hôn trầm, trạo cử thụy miên v.v.. khởi lên rồi đoạn diệt. Sau bốn niệm xứ thì quán tới thất giác chi (niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, hành xả), rồi quán bốn Thánh đế hay Tứ Diệu Đế: Khổ, tập, diệt, đạo.

Này các Tỳ Kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này như vậy trong 7 năm, trong 6 năm, trong 5 năm, trong 4 năm, trong 3 năm, trong 2 năm, trong 1 năm hoặc trong 7 tháng cho đến 1 tháng, vị đó có thể chứng từ quả Chánh Trí tới quả Bất Hoàn. Hoặc vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này trong 7 ngày, vị ấy có thể chứng 1 trong 2 quả sau đây: Một là chứng Chánh Trí ngay trong hiện tại, hai là nếu còn hữu dư y thì chứng quả Bất Hoàn (không trở lại vòng sanh tử luân hồi). Này các Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh Trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỳ Kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

Hai Kinh Quán Niệm Hơi Thở và Tứ Niệm Xứ đã có từ trên 2,500 năm, từ ngày Đức Thế Tôn còn tại thế; Ngài giảng dạy cho các vị Thánh A La Hán, các vị đệ tử lớn như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp, A Nan Đà... cho tới, từ vua quan tới thường dân. Ai tu tập bền bỉ trong chánh niệm đều đắc quả Thánh như trên. Dĩ nhiên, chúng ta cũng có thể tu tập như các Ngài nếu chúng ta muốn. Điều cần là phải nỗ lực, kiên trì, tinh tấn, thì thế nào cũng tiến tới tự tại, an lạc và giải thoát.

Nay chúng ta đã rõ tu chánh niệm như thế nào, nay mang áp dụng vào Tịnh độ, Niệm Phật, nhất định có lợi lớn, và cũng có thể áp dụng trong mọi việc hàng ngày, trong các cử động chân tay, theo như Kinh Tứ Niệm Xứ hoặc Quán Niệm Hơi Thở, nhất định chúng ta sẽ thành công không khó.

GIỮ CHÁNH NIỆM HÀNG NGÀY RẤT QUAN TRỌNG!

Muôn có trái chanh mà không cần mua, nhất định ta phải trồng chanh! Muôn có ớt ta phải trồng ớt, muôn có rau thơm ăn ta phải trồng rau thơm! Việc này chúng ta làm được dễ dàng. Đó là các tiện nghi vật chất.

Nay muốn có chánh niệm để việc tu học có kết quả, nhất định chúng ta phải nuôi, nuôi dưỡng chánh niệm hàng ngày, và nếu có thể thì từng giờ, từng phút. Để nuôi dưỡng chánh niệm, chư Tăng, Ni đã đặt ra các bài kệ để chúng ta học và đọc lên mỗi khi hành đạo, như nghe chuông, thỉnh chuông, thiền hành, uống trà, ăn cơm v.v.. Nuôi dưỡng chánh niệm là nhiếp tâm, là định tâm vậy!

Quảng Thành

1. Cái này không phải là ta
2. Cái này không phải là của ta
3. Cái này không phải là tự ngã của ta



Buồn giận thương vui đâu phải ta
Chấp chi những thứ vốn là ma
Ai còn ôm giữ thì đau khổ
Sáu chữ Di Đà quyết thoát ra

Nhà cửa bạc tiền đâu phải ta
Nay còn mai mất thoáng đi qua
Khác nào sương sớm trên đầu cỏ
Phút chốc đâu còn như bóng ma

Tóc bạc thân già đâu phải ta
Do duyên thay đổi ấy vậy mà
Muốn giữ khỏi già đâu khỏi bạc
Thì đừng chấp thủ lạc đường ma

Ba
câu
thần
chữ

T. Đại



Biển vắng đảo hoang chẳng bóng người

Con tàu vượt sóng đến vui chơi
Người đi an lạc tâm thư thối
Sóng nước đưa người dạ thành thoi
Cát trắng lòng người thanh thoát quá
Thanh nhàn cây cỏ cũng vui tươi
Ra về ngoảnh lại còn lưu luyến
Kỷ niệm tình ta thật khó vui!

Du ngoạn trên tàu giữa biển thanh
Trời trong nắng ấm nước trong xanh
Người ngồi kể đưng luôn trò chuyện
Nhiếp ảnh quay phim kỷ niệm nhanh
Cặp bển lên cầu thong thả bước
Trên bàn ăn uống dưới cây xanh
Chuyến đi thú vị người vui hưởng
Cảm niệm Tâm Hương tàu sẵn dành.

T. Trì

Kỷ niệm tới thăm một đảo hoang ở Tân
Đảo - ngày 26.5.13.

Bạch Vân Hoàng Hải



GIA CHÁNH

(Miến Măng)

1. Vật liệu:

- 200g miến khô
- 200g măng khô
- 3 cây mì căn
- 10 trái bắp non
- 2 củ cà rốt
- 2 củ cải trắng
- Rau răm, ngò
- Nước tương, muối, đường, bột ngọt



2. Cách làm:

- Cà rốt, củ cải gọt rửa sạch, cắt khúc, bắp lột vỏ rửa sạch cho tất cả vào nồi, cho 2 lít nước vào nấu độ 1 giờ lấy nước ngọt
- Mì căn chẻ dọc làm 3, ướp kiểu giã nhỏ, nêm tiêu, đường, bột ngọt cho thấm độ 20 phút, đem chiên vàng, xé miếng nhỏ
- Miến cắt ngắn, rửa sạch để ráo
- Măng khô ngâm qua đêm, rửa sạch đem luộc 2,3 lần nước khi nước hơi vàng măng mềm là được. Vớt măng ra rửa để ráo, cắt ngắn độ 2cm

- Bắc chảo dầu lên bếp, đợi dầu nóng thả kiệu băm nhỏ vào phi thơm, cho măng vào xào nêm nước tương, 1 chén nước dùng, tiêu, muối, đường, bột ngọt, cho tất cả vào nồi nước lèo nêm nếm vừa ăn

- Khi gần ăn thả miến vào, đợi miến mềm, tắt lò

3. Trình bày:

Múc miến ra tô, măng phải lẫn trong miến, xếp mì căn lên mặt, rải rau răm, ngò, tiêu, dùng nóng.

Tâm Hòa soạn.



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Vu Lan này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này. Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách Quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Vu Lan Báo Hiếu

Thầy Phước Đạt	50	Sư cô Phước Niệm	10	Gđ Hạnh Thắng	20
Thầy Phước Viên	50	Sư cô Phước Lễ	30	Tịnh Thủy	10
Thầy Phước Quảng	50	Sư cô Phước Mẫn	10	Gđ Diệu Hòa	50
Thầy Phước Lạc	50	Sư cô Phước Hòa	50	Tâm Hiệp	10
Sư cô Phước Thanh	20	Sư cô Phước Hòa	50	Viên Đạo	10
Sư cô Phước Hiền	20	Nguyên Hoa	100	Nguyên Hương	15
Sư cô Phước Nghiêm	20	Phan Thị Thu Thủy p/d Viên Lộc	50	Chúc Khoa	5
Sư cô Phước Hải	30	Vô danh	30	Gđ Diệu Hạnh	20
Sư cô Phước Định	20	Gđ Đặng Văn Nha + Cô Tâm Đức	50	Gđ Diệu Duyên	20
Sư cô Phước Trường	20	Ban Trị Sự Nam Hải Phổ Đà Tự	1500	Tâm An	20
Sư cô Phước Thông	20	Bác Minh Chiếu	50	Gđ Nhật Quang	20
Sư cô Phước Chí	20	Phổ Thuận	20	Pháp Âm	50
Sư cô Phước Ngọc	20	Gđ Diệu Nguyệt	20	Gđ Trần Thế Bình	20
Sư cô Phước Thọ	20	Diệu Ngọc	10	Trí Dũng	20
Sư cô Phước Liễu	50	Đức Ngọc	10	Ngọc Trang	10
Sư cô Phước Bình	30	Thanh Diệu	20	Giác Tâm	20
Sư cô Phước Tâm	20	Tâm Thạnh	30	Minh Châu & Thái Minh	200
Sư cô Phước Hương	20	Nguyên Đại	10	Quincy Trí Việt	20
Sư cô Phước Trường	20	Diệu Ngọc & Chúc Nhuận	20	Nguyễn Thị Huệ Lê	25
Sư cô Phước Chiêu	30	Gđ Tâm Nguyệt	20		

Danh sách Quý Phật tử hỷ cúng hoa quả nhân dịp Vu Lan Thắng Hội năm 2013

Chon Huyền Chiếu	10	Diệu Thời	20
Ngô Mỹ Anh	10	Minh Châu, Thái Minh	30
Ngô Ánh Tuyết	10	Thái Quan	20
Ngô Thanh Hải	10	Hạnh Thắng	10
Ngô Bảo Phúc	10	Cô Mai	15
Gđ Ngọc Thảo	20	Tịnh Thủy	20
Tử Kim Quang	50	Gđ Lưu Thoại Nga	50
Gđ Nguyễn Tuấn Hải	20	Gđ Boyer	100
Thiện Hỷ & Diệu Lạc	50	Cô Lệ Mỹ	100
Nguyễn Thy Liễu	20	Ông Mùi	10
Tâm Hương	20		
Javis & Daryl Wei	30		

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ Báo

- | | |
|-------------------------------------|------------------------|
| - Nhà thuốc tây Mai | - Nhà quán Trường An |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - Gạo thơm Hoàng Gia |
| - Tran's Aquarium | - Nhà sĩ Phương Thảo |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | - Nhà thuốc tây Mỹ Đức |
| - All-Villa Print | - Thực phẩm Á Châu |
| - Quán cơm chay An Lạc Vegan | - Tường Phát |
| - Nhà quán Vạn Thọ | - Huyện Motor Repair |
| - Fairfield Funerals of Distinction | |



VU LAN THẮNG HỘI

HUYEN MOTOR REPAIR

PARRAMATTA ← → VILLAWOOD, HUME HWY
 WOODVILLE RD.
 FAIRFIELD ST. LISBON ST. SEVILLE ST. MALTA ST.
 MANDARIN ST.
 CROWN ST.

HUYEN MOTOR REPAIRS

VAN HUYEN
(02) 9755 0761

OPEN 6 DAYS
Unit 2, 92 Seville Street
Fairfield East NSW 2165

Mob: 0407 567 673

- * Sửa chữa tất cả các loại xe máy và điện
- * Elect Tune Up-Fuel Inject Cleaner
- * Wheel Alignment * Bơm ga máy lạnh xe
- * Cân bằng bánh xe. Thay vỏ ruột
- * Check xe đóng thuế lưu hành (Pink Slip)
- * Thay thắng, Clutch, Auto, Manual Transmission
- * Có xe cho quý vị mượn tạm